BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỊA LÍ 7

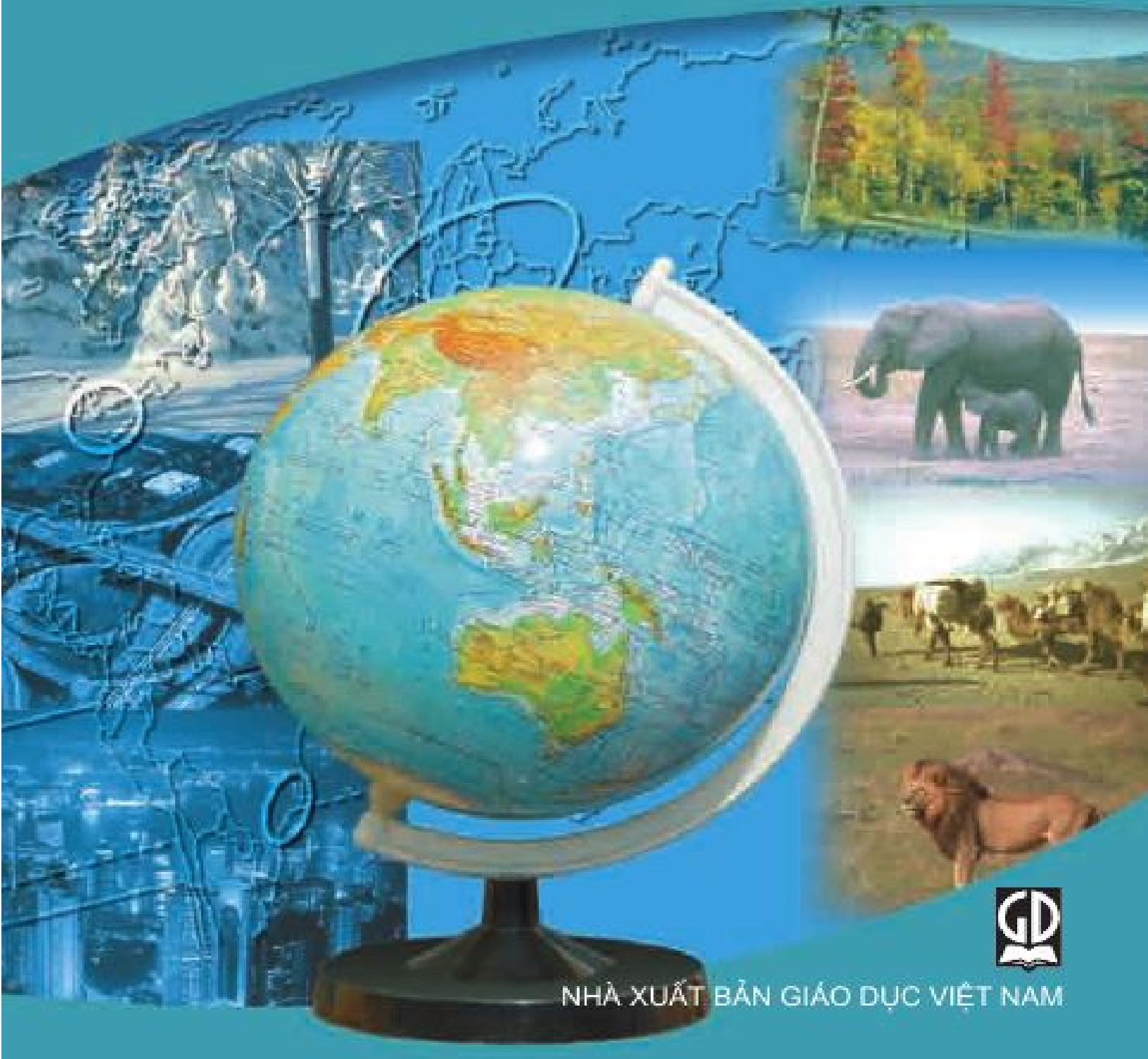

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN DƯỢC (Tổng Chủ biên) - **PHAN HUY XU** (Chủ biên)
NGUYỄN HỮU DANH - **MAI PHÚ THANH**

ĐỊA LÍ 7

(Tái bản lần thứ mười một)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc **NGƯT NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **GS.TS VŨ VĂN HÙNG**

Biên tập lần đầu : **PHÍ CÔNG VIỆT - HOÀNG CÔNG DŨNG**
Biên tập tái bản : **PHẠM THUỶ QUỲNH**
Biên tập mĩ thuật : **NGUYỄN TIẾN DŨNG - NGUYỄN KIM DUNG - CÙ ĐỨC NGHĨA**
Thiết kế sách : **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Trình bày bìa : **BÙI QUANG TUẤN**
Sửa bản in : **PHẠM THUỶ QUỲNH**
Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỊA LÍ 7
Mã số : 2H713T4

In ..... cuốn, khổ 17 x 24 cm.
In tại Công ti cổ phần in .....
Số in : ..... Số XB : 01–2014/CXB/223–1062/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2014.

Phần một

THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

Bài 1 : DÂN SỐ

Số lượng người trên Trái Đất không ngừng tăng lên và tăng nhanh nhất trong thế kỉ XX ; trong đó các nước đang phát triển có tốc độ gia tăng dân số tự nhiên rất cao. Đây là một trong những vấn đề toàn cầu của xã hội loài người

1. Dân số, nguồn lao động

Kết quả điều tra dân số tại một thời điểm nhất định cho chúng ta biết tổng số người của một địa phương hoặc một nước, số người ở từng độ tuổi, tổng số nam và nữ, số người trong độ tuổi lao động, trình độ văn hoá, nghề nghiệp đang làm và nghề nghiệp được đào tạo... Dân số là nguồn lao động quý báu cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Dân số thường được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi (tháp dân số). Nhìn vào tháp tuổi, chúng ta biết được tổng số nam và nữ phân theo từng độ tuổi, số người trong độ tuổi lao động của một địa phương...

- Quan sát hai tháp tuổi ở hình 1.1, cho biết :

+ Trong tổng số trẻ em từ khi mới sinh ra cho đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu bé trai và bao nhiêu bé gái ?

+ Hình dạng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào ? Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao ?

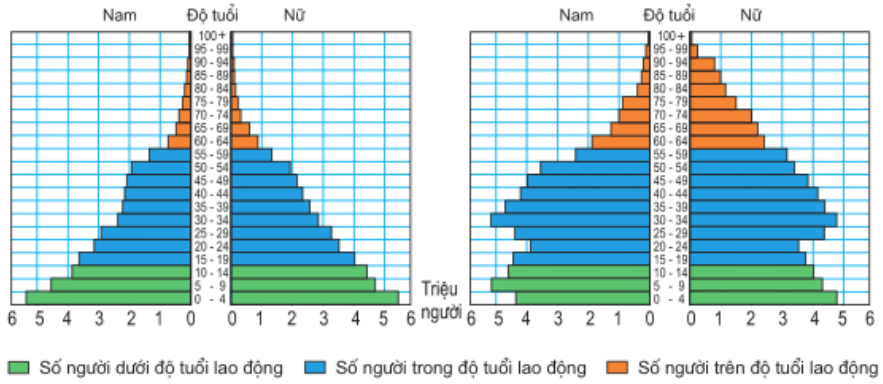

Hình 1.1 - Tháp tuổi

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX

Các số liệu thống kê và điều tra dân số liên tục trong nhiều năm sẽ giúp chúng ta biết được quá trình gia tăng dân số của một địa phương, một nước hay trên toàn thế giới.

Gia tăng dân số tự nhiên của một nơi phụ thuộc vào số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm. Sự gia tăng dân số do số người chuyển đi và số người từ nơi khác chuyển đến gọi là gia tăng cơ giới.

- Quan sát hình 1.2, nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX.

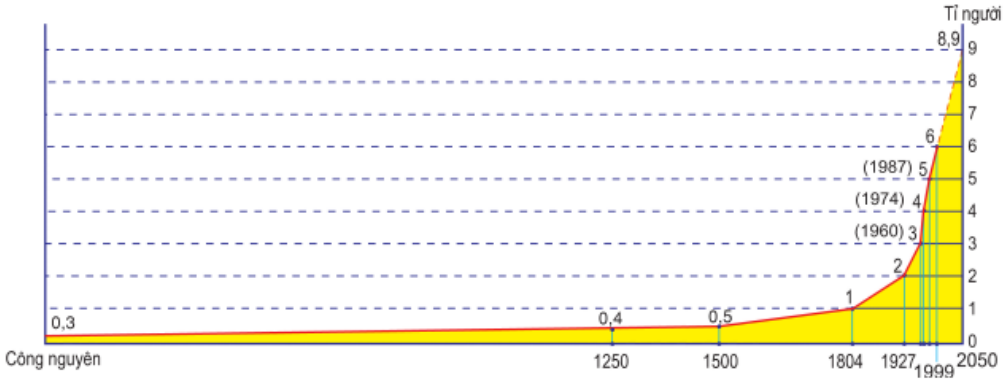

Hình 1.2 - Biểu đồ dân số thế giới từ đầu Công nguyên và dự báo đến năm 2050

Trong nhiều thế kỉ, dân số thế giới tăng hết sức chậm. Nguyên nhân chủ yếu là do dịch bệnh, đói kém và chiến tranh. Vào đầu Công nguyên, dân số thế giới chỉ có khoảng 300 triệu người, đến thế kỉ XVI mới tăng gấp đôi. Năm 1804, dân số thế giới là 1 tỉ người, thế mà năm 2001 đã lên đến 6,16 tỉ người ; đó là nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và y tế.

3. Sự bùng nổ dân số

Dân số thế giới tăng rất nhanh và đột ngột từ những năm 50 của thế kỉ XX khi các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử vong, trong khi tỉ lệ sinh vẫn còn cao. Bùng nổ dân số xảy ra khi tỉ lệ gia tăng bình quân hằng năm của dân số thế giới lên đến 2,1%. Dân số tăng nhanh vượt quá khả năng giải quyết các vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm... đã trở thành gánh nặng đối với các nước có nền kinh tế chậm phát triển.

- Quan sát, so sánh hai biểu đồ về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các nước phát triển và các nước đang phát triển từ năm 1800 đến năm 2000 dưới đây, cho biết : Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 2000, nhóm nước nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn ? Tại sao ?

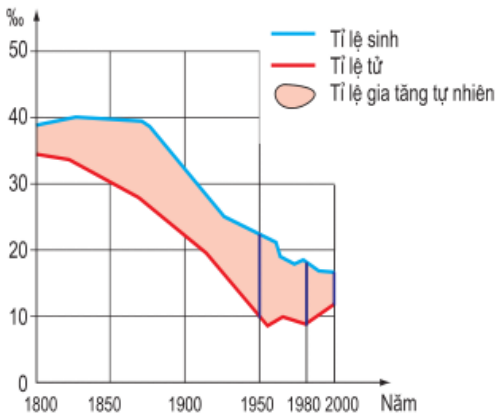

Hình 1.3 - Biểu đồ tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước phát triển

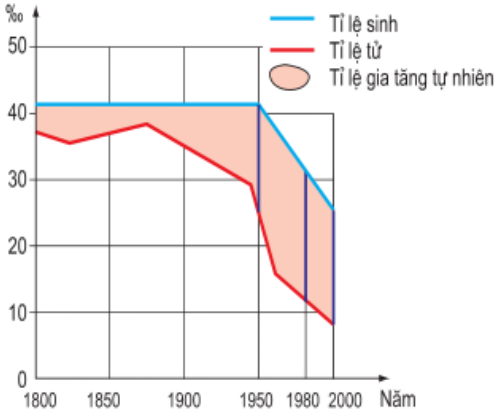

Hình 1.4 - Biểu đồ tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở các nước đang phát triển

Bằng các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nước đã đạt được tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên hợp lí. Sự gia tăng dân số thế giới đang có xu hướng giảm dần để tiến đến ổn định ở mức trên 1,0%. Dự báo đến năm 2050, dân số thế giới sẽ là 8,9 tỉ người.

Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động... của một địa phương, một nước. Dân số được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi.

Dân số thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây. Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao. Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến sự bùng nổ dân số ở nhiều nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước.

Câu hỏi và bài tập

1. Tháp tuổi cho ta biết những đặc điểm gì của dân số ?

2. Dựa vào bảng tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và sự phân bố dân cư thế giới theo các châu lục dưới đây, hãy cho biết châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất và châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất. Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số so với toàn thế giới lại tăng ?

Châu lục và khu vực	Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên (%)		Dân số so với toàn thế giới (%)	
	1950-1955	1990-1995	1950	1995
Toàn thế giới	1,78	1,48	100,0	100,0
Châu Á	1,91	1,53	55,6	60,5
Châu Phi	2,23	2,68	8,9	12,8
Châu Âu	1,00	0,16	21,6	12,6
Bắc Mĩ	1,70	1,01	6,8	5,2
Nam Mĩ	2,65	1,70	6,6	8,4
Châu Đại Dương	2,21	1,37	0,5	0,5

3. Bùng nổ dân số thế giới xảy ra khi nào ? Nêu nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết.

Bài 2 : SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

Loài người xuất hiện trên Trái Đất cách đây hàng triệu năm. Ngày nay, con người đã sinh sống ở hầu khắp mọi nơi trên Trái Đất. Có nơi dân cư tập trung đông, nhưng cũng nhiều nơi rất thưa vắng người. Điều đó phụ thuộc vào điều kiện sinh sống và khả năng cải tạo tự nhiên của con người.

1. Sự phân bố dân cư

- Quan sát hình 2.1, cho biết :

+ Những khu vực tập trung đông dân.

+ Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất.

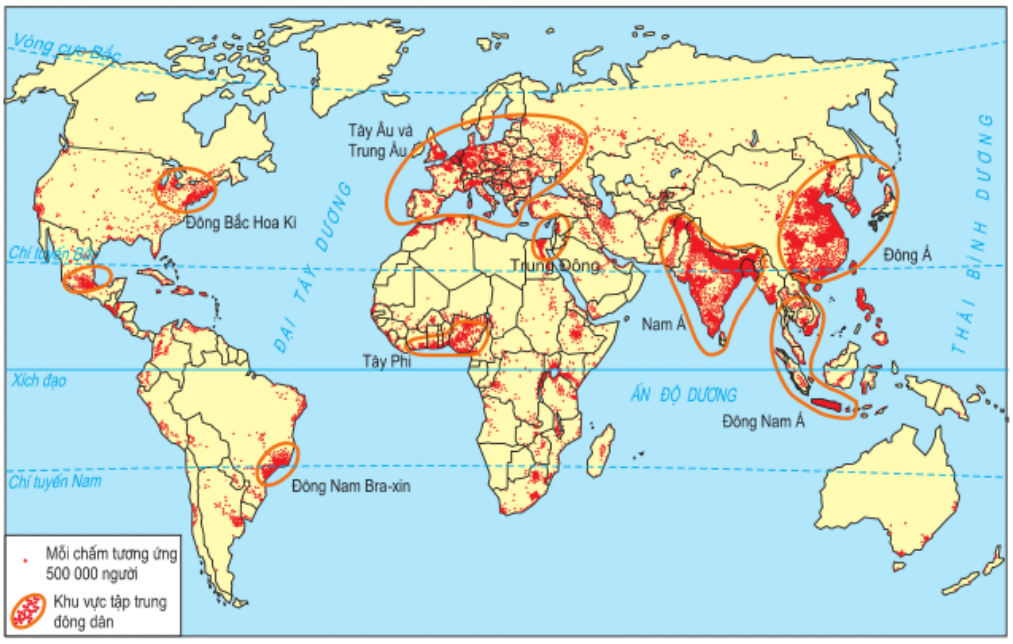

Hình 2.1 - Lược đồ phân bố dân cư trên thế giới

Đến năm 2003, dân số thế giới đã lên tới trên 6 tỉ người. Tính ra, bình quân trên 1km^2 đất liền có hơn 46 người sinh sống. Tuy thế, không phải nơi nào trên bề mặt Trái Đất cũng đều có người ở. Căn cứ vào mật độ dân số có thể biết được nơi nào đông dân, nơi nào thưa dân. Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông thuận tiện như đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu ấm áp, mưa nắng thuận hoà... đều có mật độ dân số cao. Ngược lại, những vùng núi hay vùng sâu, vùng xa, hải đảo... đi lại khó khăn hoặc vùng cực, vùng hoang mạc... khí hậu khắc nghiệt thường có mật độ dân số thấp.

Với những tiến bộ về kĩ thuật, con người có thể khắc phục những trở ngại về điều kiện tự nhiên để sinh sống ở bất kì nơi nào trên Trái Đất.

2. Các chủng tộc

Căn cứ vào hình thái bên ngoài của cơ thể (màu da, tóc, mắt, mũi...), các nhà khoa học đã chia dân cư trên thế giới thành ba chủng tộc chính : *Môn-gô-lô-it* (thường gọi là người da vàng), *Nê-grô-it* (người da đen) và *Ơ-rô-pê-ô-it* (người da trắng).

Hình 2.2 - Học sinh thuộc ba chủng tộc làm việc ở phòng thí nghiệm

Dân cư ở châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc *Môn-gô-lô-it*, ở châu Phi thuộc chủng tộc *Nê-grô-it* và ở châu Âu thuộc chủng tộc *Ơ-rô-pê-ô-it*.

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã dần dần chung sống ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.

Dân cư phân bố không đồng đều trên thế giới. Số liệu về mật độ dân số cho chúng ta biết tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước...

Dân cư thế giới thuộc ba chủng tộc chính là Môn-gô-lô-it, Nê-grô-it và Ơ-rô-pê-ô-it. Dân cư ở châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, ở châu Phi thuộc chủng tộc Nê-grô-it, còn ở châu Âu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it.

Câu hỏi và bài tập

1. Dân cư trên thế giới thường sinh sống chủ yếu ở những khu vực nào ? Tại sao ?
2. Mật độ dân số là gì ? Tính mật độ dân số năm 2001 của các nước trong bảng dưới đây và nêu nhận xét.

Tên nước	Diện tích (km^2)	Dân số (triệu người)
Việt Nam	329314	78,7
Trung Quốc	9597000	1273,3
In-đô-nê-xi-a	1919000	206,1

3. Căn cứ vào đâu mà người ta chia dân cư trên thế giới ra thành các chủng tộc ? Các chủng tộc này sinh sống chủ yếu ở đâu ?

Bài 3 : QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HOÁ

Từ xa xưa, con người đã biết sống quây quần bên nhau để tạo nên sức mạnh nhằm khai thác và chế ngự tự nhiên. Các làng mạc và đô thị dần hình thành trên bề mặt Trái Đất.

1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

- Quan sát hai ảnh dưới đây và dựa vào sự hiểu biết của mình, cho biết mật độ dân số, nhà cửa, đường sá ở nông thôn và thành thị có gì khác nhau ?

Hình 3.1 - Quang cảnh nông thôn

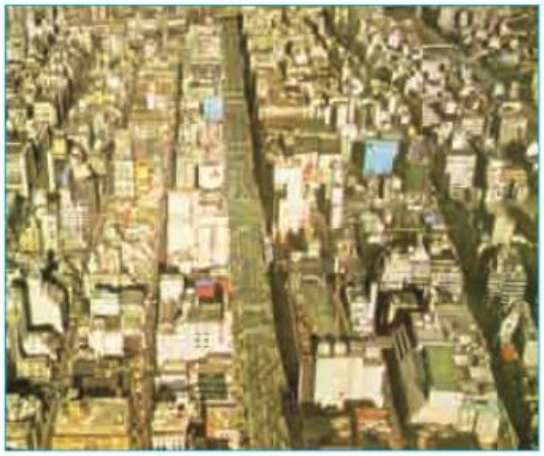

Hình 3.2 - Quang cảnh đô thị

Quần cư nông thôn là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. Làng mạc, thôn xóm thường phân tán, gắn với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng hay mặt nước.

Quần cư đô thị là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Nhà cửa tập trung với mật độ cao.

Lối sống nông thôn và lối sống đô thị cũng có những điểm khác biệt.

Trên thế giới, tỉ lệ người sống trong các đô thị ngày càng tăng trong khi tỉ lệ người sống ở nông thôn có xu hướng giảm dần.

2. Đô thị hoá. Các siêu đô thị

Các đô thị xuất hiện từ rất sớm trong thời Cổ đại. Vào thế kỉ XIX, đô thị phát triển nhanh ở các nước công nghiệp. Đến thế kỉ XX, đô thị đã xuất hiện rộng khắp trên thế giới. Vào thế kỉ XVIII, gần 5% dân số thế giới sống trong các đô thị. Năm 2001, con số đó đã lên tới 46% (gần 2,5 tỉ người). Dự kiến đến năm 2025, dân số đô thị sẽ là 5 tỉ người.

Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng, trở thành các siêu đô thị.

Năm 1950, trên thế giới chỉ có hai siêu đô thị là Niu I-oóc (12 triệu dân) và Luân Đôn (9 triệu dân). Trong những năm gần đây, số siêu đô thị trên thế giới tăng nhanh, nhất là ở các nước đang phát triển.

Hình 3.3 - Lược đồ các siêu đô thị trên thế giới có từ 8 triệu dân trở lên (năm 2000)

- Đọc hình 3.3, cho biết :

+ Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất ?

+ Tên của các siêu đô thị ở châu Á có từ 8 triệu dân trở lên.

Đô thị hoá là xu thế của thế giới ngày nay, nhưng quá trình phát triển tự phát của nhiều siêu đô thị và các đô thị mới cũng để lại những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, sức khoẻ, giao thông... của người dân đô thị.

Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

Ở nông thôn, mật độ dân số thường thấp, hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. Ở đô thị, mật độ dân số rất cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ.

Ngày nay, số người sống trong các đô thị đã chiếm khoảng một nửa dân số thế giới và có xu thế ngày càng tăng.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu những sự khác nhau cơ bản giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn.
2. Dựa vào bảng thống kê dưới đây, cho nhận xét về sự thay đổi số dân và thay đổi ngôi thứ của 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới từ năm 1950 đến năm 2000. Các siêu đô thị này chủ yếu thuộc châu lục nào ?

(Đơn vị : triệu người)

Tên siêu đô thị	Số dân	Tên siêu đô thị	Số dân	Tên siêu đô thị	Số dân
1. Niu I-oóc (Bắc Mĩ)	12	1. Niu I-oóc (Bắc Mĩ)	20	1. Tô-ki-ô (châu Á)	27
2. Luân Đôn (châu Âu)	9	2. Tô-ki-ô (châu Á)	18	2. Niu I-oóc (Bắc Mĩ)	21
		3. Thượng Hải (châu Á)	12	3. Xao Pao-lô (Nam Mĩ)	16
		4. Mê-hi-cô Xi-ti (Bắc Mĩ)	12	4. Mê-hi-cô Xi-ti (Bắc Mĩ)	16
		5. Lốt An-giơ-let (Bắc Mĩ)	11	5. Mum-bai (châu Á)	15
		6. Xao Pao-lô (Nam Mĩ)	11	6. Thượng Hải (châu Á)	15
		7. Luân Đôn (châu Âu)	10	7. Bắc Kinh (châu Á)	13,2
		8. Bắc Kinh (châu Á)	9	8. Lốt An-giơ-let (Bắc Mĩ)	12
		9. Bu-ê-nôt Ai-ret (Nam Mĩ)	9	9. Côn-ca-ta (châu Á)	12
		10. Pa-ri (châu Âu)	9	10. Xơ-un (châu Á)	12

Bài 4 : THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

1. Quan sát hình 4.1, cho biết :

- Nơi có mật độ dân số cao nhất. Mật độ là bao nhiêu ?

- Nơi có mật độ dân số thấp nhất. Mật độ là bao nhiêu ?

2. Quan sát tháp tuổi của Thành phố Hồ Chí Minh qua các cuộc tổng điều tra dân số năm 1989 và năm 1999, cho biết sau 10 năm :

- Hình dáng tháp tuổi có gì thay đổi ?

- Nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ ? Nhóm tuổi nào giảm về tỉ lệ ?

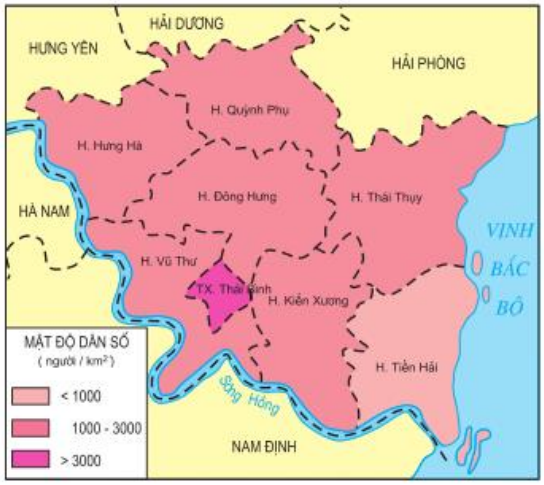

Hình 4.1 - Lược đồ mật độ dân số tỉnh Thái Bình (năm 2000)

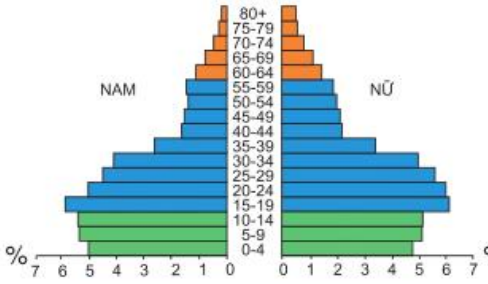

Hình 4.2 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh (01 - 4 - 1989)

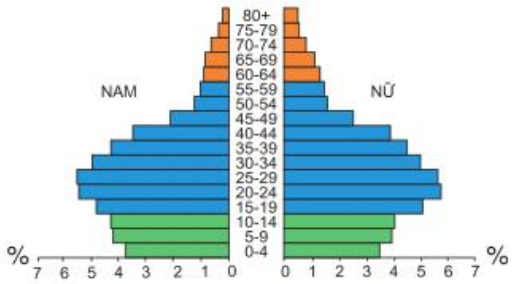

Hình 4.3 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh (01 - 4 - 1999)

3. Tìm trên lược đồ phân bố dân cư châu Á những khu vực tập trung đông dân. Các đô thị lớn ở châu Á thường phân bố ở đâu ?

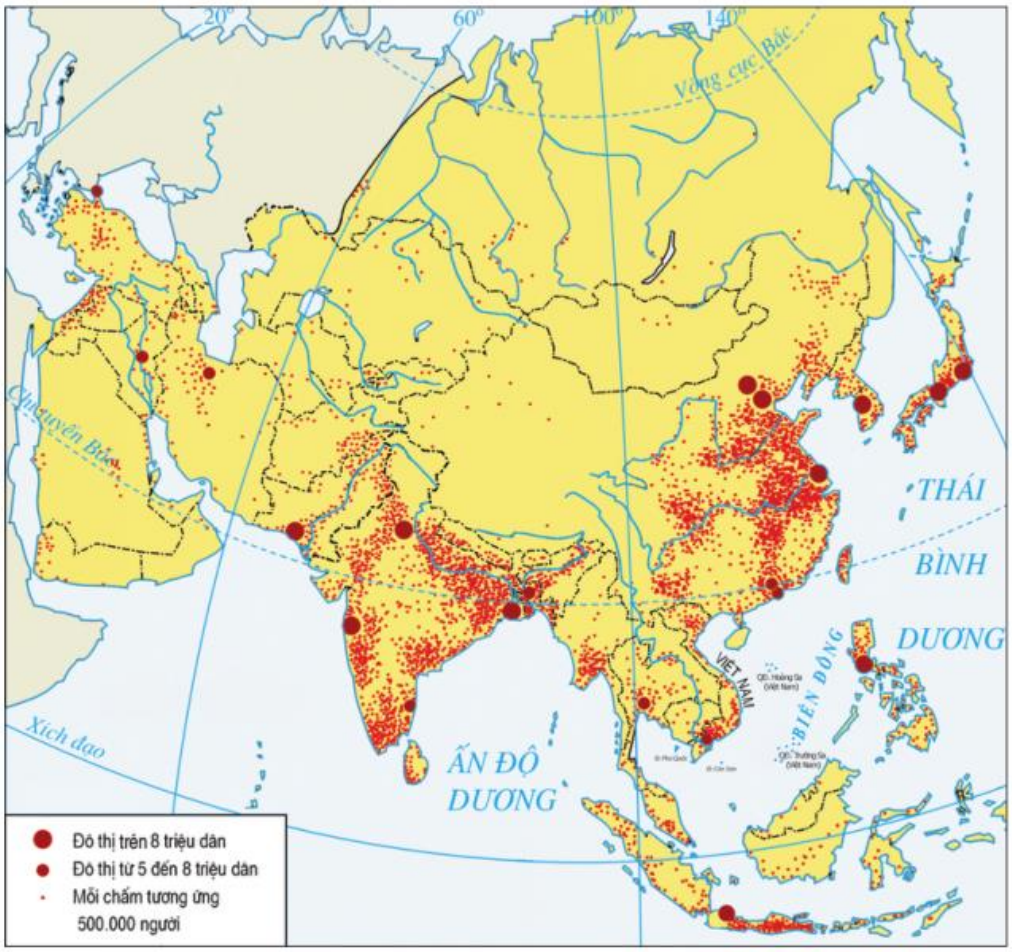

Hình 4.4 - Lược đồ phân bố dân cư châu Á

Phần hai

CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ

Chương I

MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI NÓNG

Bài 5 : ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẨM

Trên Trái Đất người ta chia thành : đới nóng, đới ôn hoà và đới lạnh. Môi trường xích đạo ẩm là môi trường thuộc đới nóng, có khí hậu nóng quanh năm và lượng mưa dồi dào. Thiên nhiên ở đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự sống phát triển rất phong phú, đa dạng. Đây là nơi có diện tích rừng rậm xanh quanh năm rộng nhất thế giới.

I - ĐỚI NÓNG

Đới nóng nằm ở khoảng giữa hai chí tuyến, kéo dài liên tục từ Tây sang Đông thành một vành đai bao quanh Trái Đất, là nơi có nhiệt độ cao, Tín phong Đông Bắc và Tín phong Đông Nam thổi quanh năm từ hai dải cao áp chí tuyến về phía Xích đạo.

Đới nóng chiếm một phần khá lớn diện tích đất nổi trên Trái Đất, có giới thực, động vật hết sức đa dạng và phong phú. Có đến 70% số loài cây và chim, thú trên Trái Đất sinh sống ở rừng rậm đới nóng. Đây cũng là khu vực đông dân, tập trung nhiều nước đang phát triển trên thế giới.

- Dựa vào hình 5.1, nêu tên các kiểu môi trường của đới nóng.

II - MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẨM

1. Khí hậu

Môi trường xích đạo ẩm chủ yếu nằm trong khoảng từ 5°B đến 5°N.

- Xác định vị trí của môi trường xích đạo ẩm trên hình 5.1.

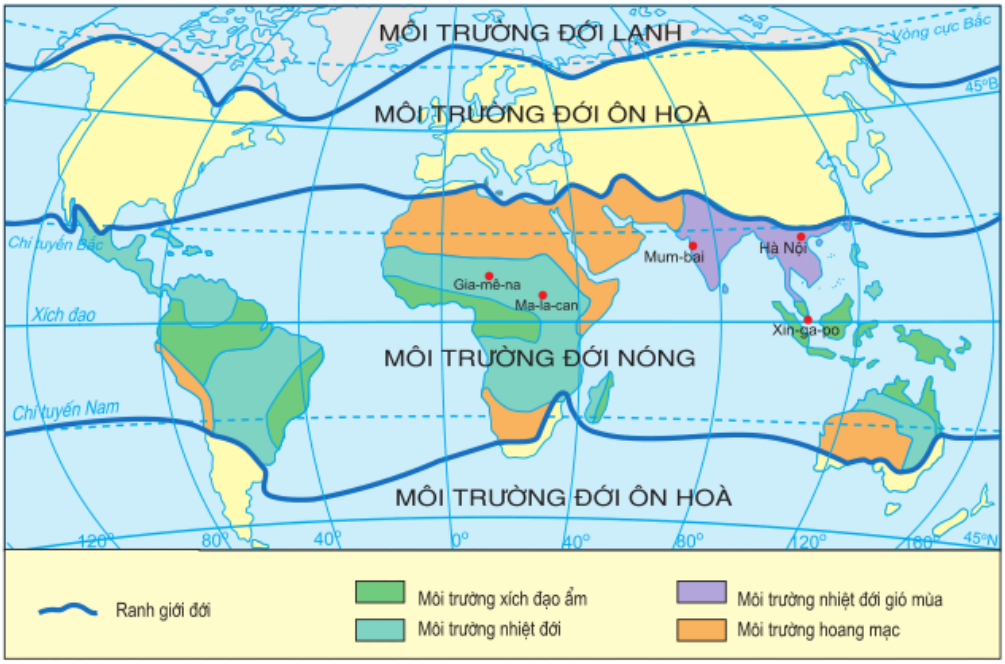

Hình 5.1 - Lược đồ các kiểu môi trường trong đới nóng

- Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Xin-ga-po (vĩ độ 1°B) và nhận xét :

+ Đường biểu diễn nhiệt độ trung bình các tháng trong năm cho thấy nhiệt độ của Xin-ga-po có đặc điểm gì ?

+ Lượng mưa cả năm khoảng bao nhiêu ? Sự phân bố lượng mưa trong năm ra sao ? Sự chênh lệch giữa lượng mưa tháng thấp nhất và tháng cao nhất là khoảng bao nhiêu milimet ?

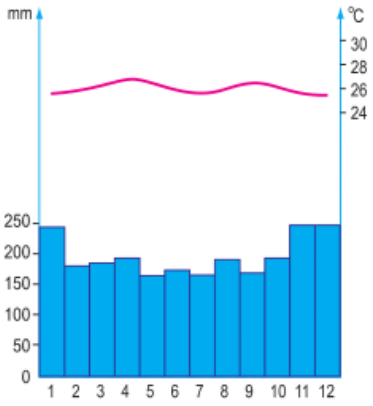

Hình 5.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Xin-ga-po

Môi trường xích đạo ẩm có khí hậu nóng và ẩm quanh năm. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất rất nhỏ (khoảng 3°C), nhưng sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lại tới hơn 10°C. Lượng mưa trung bình năm từ 1500mm đến 2500mm, mưa quanh năm ; càng gần Xích đạo mưa càng nhiều. Độ ẩm cũng rất cao, trung bình trên 80%, nên không khí ẩm ướt, ngột ngạt.

2. Rừng rậm xanh quanh năm

- Quan sát ảnh và hình vẽ lát cắt rừng rậm xanh quanh năm, cho biết : Rừng có mấy tầng chính ? Tại sao rừng ở đây lại có nhiều tầng ?

Hình 5.3 - Rừng rậm xanh quanh năm

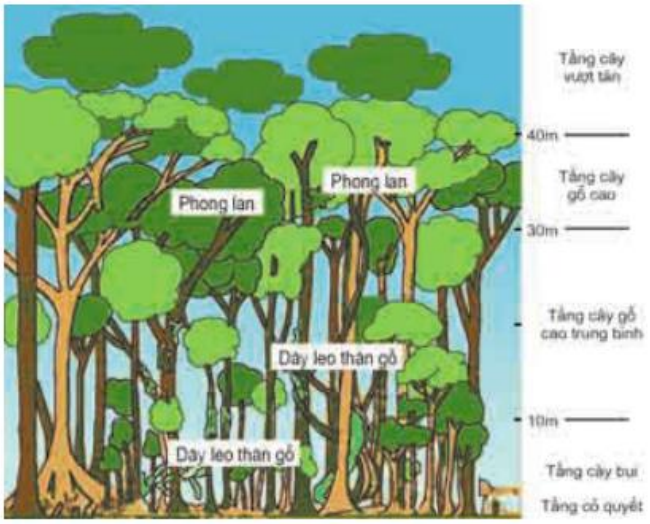

Hình 5.4 - Lát cắt rừng rậm xanh quanh năm

Độ ẩm và nhiệt độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng cây phát triển rậm rạp. Cây rừng xanh tốt quanh năm, mọc thành nhiều tầng từ mặt đất lên đến độ cao 40 - 50m. Trong rừng còn có các loại dây leo thân gỗ, phong lan, tầm gửi... , các loài thú leo trèo giỏi và các loài chim chuyền cành. Ở các vùng cửa sông, ven biển lầy bùn có rừng ngập mặn.

Hình 5.5 - Rừng ngập mặn

Đới nóng trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất ; gồm bốn kiểu môi trường : môi trường xích đạo ẩm, môi trường nhiệt đới, môi trường nhiệt đới gió mùa và môi trường hoang mạc.

Môi trường xích đạo ẩm nằm trong khoảng từ 5^{o}B đến 5^{o}N, nắng nóng và mưa nhiều quanh năm, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng rậm xanh quanh năm phát triển. Rừng có nhiều loài cây, mọc thành nhiều tầng rậm rạp và có nhiều loài chim, thú sinh sống.

Câu hỏi và bài tập

1. Môi trường đới nóng phân bố chủ yếu trong giới hạn của các vĩ tuyến nào ? Nêu tên các kiểu môi trường của đới nóng.
2. Môi trường xích đạo ẩm có những đặc điểm gì ?
3. Qua đoạn văn dưới đây, nêu một số đặc điểm của rừng rậm xanh quanh năm :

"Cả tuần nay, chúng tôi len lỏi trong rừng cây rậm rạp, phải dùng dao vất vả lắm mới mở được một lối đi nhỏ hẹp. Những con kiến càng rơi từ trên cành lá xuống để lại trên da thịt chúng tôi những vết cắn rát bỏng. Trên đầu, chung quanh và dưới chân, cây cối và dây leo bao quanh bốn phía. Chúng tôi chỉ có mỗi một khát khao cháy bỏng : được nhìn thấy trời xanh, mây trắng và thoát khỏi bầu không khí ngột ngạt, oi bức này".

(*Theo* Giô-xép Grơ-li-ê)

4. Trong ba biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây, biểu đồ nào phù hợp với ảnh chụp cảnh rừng kèm theo ? Giải thích vì sao em chọn biểu đồ đó ?

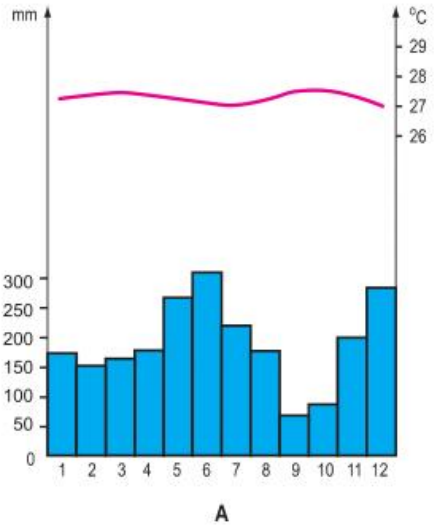

A

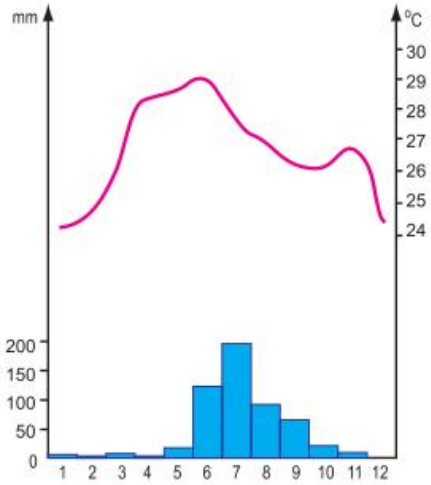

B

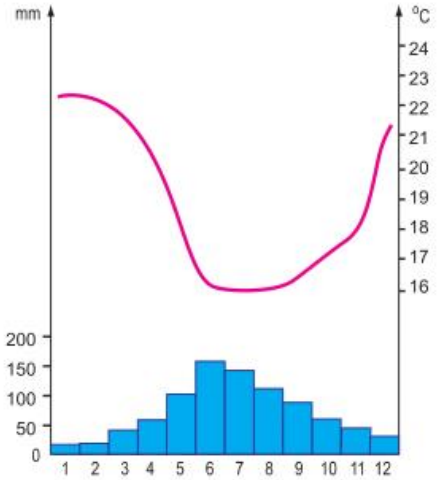

C

Bài 6 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

Môi trường nhiệt đới có khí hậu nóng, lượng mưa càng về gần các chí tuyến càng giảm dần. Khu vực nhiệt đới là một trong những nơi đông dân trên thế giới.

1. Khí hậu

Môi trường nhiệt đới nằm ở khoảng từ vĩ tuyến 5º đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.

- Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới trên hình 5.1.

- Quan sát các biểu đồ dưới đây, nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới.

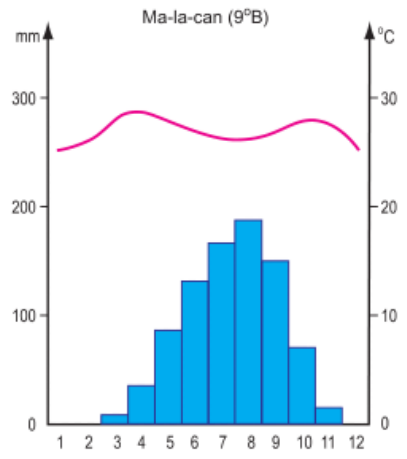

Hình 6.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Ma-la-can (Xu-đăng)

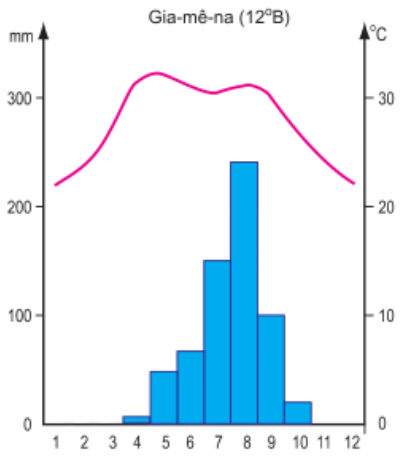

Hình 6.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Gia-mê-na (Sát)

Khí hậu nhiệt đới được đặc trưng bởi nhiệt độ cao quanh năm và trong năm có một thời kì khô hạn (từ 3 đến 9 tháng). Càng gần chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài, biên độ nhiệt càng lớn.

Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Tuy nóng quanh năm, nhưng vẫn có sự thay đổi theo mùa. Thời kì nhiệt độ tăng cao là khoảng thời gian Mặt Trời đi qua thiên đỉnh.

Lượng mưa trung bình năm từ 500mm đến 1500mm, chủ yếu tập trung vào mùa mưa.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

Thiên nhiên của môi trường nhiệt đới thay đổi theo mùa. Vào mùa mưa, cây cỏ tốt tươi, chim thú linh hoạt ; đây cũng là mùa lũ của các con sông. Đến thời kì khô hạn, cây cỏ úa vàng, chim thú tìm về những nơi còn nguồn nước ; lượng nước sông giảm, lòng sông thu hẹp lại. Ở miền đồi núi, trong mùa mưa, nước mưa thấm sâu xuống các lớp đất đá bên dưới, đến mùa khô, nước lại di chuyển lên mang theo ôxit sắt, nhôm tích tụ dần ở gần mặt đất làm cho đất có màu đỏ vàng, gọi là đất feralit.

Đất ở môi trường nhiệt đới dễ bị xói mòn, rửa trôi hoặc thoái hoá nếu không được cây cối che phủ và canh tác không hợp lí.

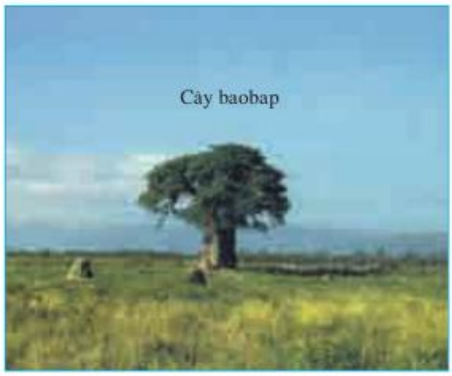

Hình 6.3 - Xavan ở Kê-ni-a vào mùa mưa

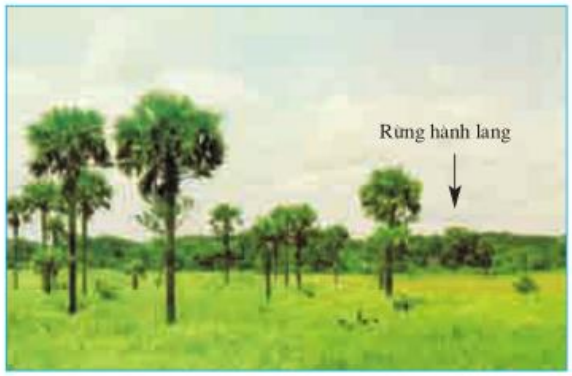

Hình 6.4 - Xavan ở Cộng hoà Trung Phi vào mùa mưa

Thảm thực vật cũng thay đổi dần về phía hai chí tuyến, rừng thưa chuyển sang đồng cỏ cao nhiệt đới (xavan) và cuối cùng là những vùng cỏ mọc thưa thớt trên mặt đất cùng với vài đám cây bụi gai (nửa hoang mạc). Diện tích xavan và nửa hoang mạc ngày càng mở rộng, không chỉ do lượng mưa ít mà còn do con người phá rừng và cây bụi để lấy gỗ, củi hoặc làm nương rẫy. Đất bị thoái hoá dần và cây cối khó mọc lại được.

Môi trường nhiệt đới thích hợp cho việc trồng trọt nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp... Ở những nơi chủ động được tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp phát triển, dân cư tập trung đông đúc.

Khí hậu nhiệt đới có đặc điểm là nóng và lượng mưa tập trung vào một mùa. Càng gần hai chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn. Quang cảnh cũng thay đổi từ rừng thưa sang đồng cỏ cao (xavan) và cuối cùng là nửa hoang mạc. Đất feralit đỏ vàng của miền nhiệt đới rất dễ bị xói mòn, rửa trôi nếu không được cây cối che phủ, canh tác không hợp lí. Sông ngòi nhiệt đới có hai mùa nước : mùa lũ và mùa cạn.

Ở vùng nhiệt đới có thể trồng được nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp. Đây là một trong những khu vực đông dân của thế giới.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới.
2. Giải thích tại sao đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng ?
3. Tại sao diện tích xavan và nửa hoang mạc ở vùng nhiệt đới đang ngày càng mở rộng ?
4. Quan sát hai biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của vùng nhiệt đới dưới đây, cho biết biểu đồ nào ở Bắc bán cầu, biểu đồ nào ở Nam bán cầu. Tại sao ?

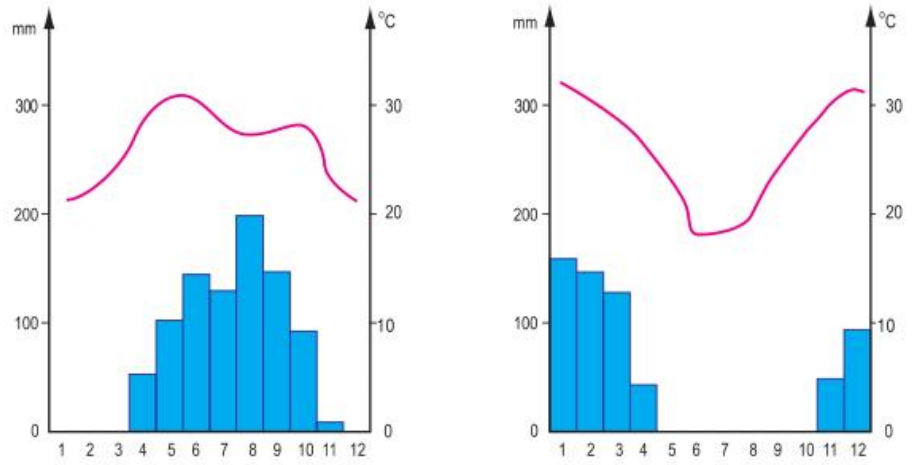

Bài 7 : MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

Trong đới nóng, có một khu vực tuy cùng vĩ độ với các môi trường nhiệt đới và hoang mạc nhưng thiên nhiên có nhiều nét đặc sắc, đó là vùng nhiệt đới gió mùa.

1. Khí hậu

- Xác định vị trí của môi trường nhiệt đới gió mùa trên hình 5.1.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa là loại khí hậu đặc sắc của đới nóng, điển hình là ở Nam Á và Đông Nam Á.

- Quan sát các hình 7.1 và 7.2, nhận xét về hướng gió thổi vào mùa hạ và vào mùa đông ở các khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Giải thích tại sao lượng mưa ở các khu vực này lại có sự chênh lệch rất lớn giữa mùa hạ và mùa đông.

Hình 7.1 - Lược đồ gió mùa mùa hạ ở Nam Á và Đông Nam Á

Hình 7.2 - Lược đồ gió mùa mùa đông ở Nam Á và Đông Nam Á

Ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á, mùa hạ có gió thổi từ Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương tới, đem theo không khí mát mẻ và mưa lớn. Vào mùa đông, gió mùa thổi từ lục địa châu Á ra, đem theo không khí khô và lạnh. Càng về gần Xích đạo, gió ấm dần lên. Gió mùa mùa đông thổi thành từng đợt. Mỗi khi gió về, ở những vùng gần chí tuyến trời trở lạnh trong vài ba ngày, đôi khi kéo dài đến hàng tuần. Mùa đông ở Hà Nội, nhiệt độ có thể xuống dưới 10^{o}C trong vài ngày.

- Quan sát các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và Mum-bai (Ấn Độ), qua đó nêu nhận xét về diễn biến nhiệt độ, lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Diễn biến nhiệt độ trong năm ở Hà Nội có gì khác ở Mum-bai ?

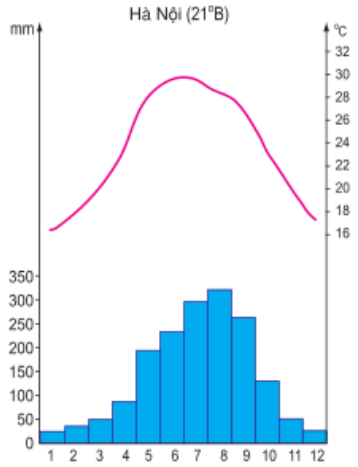

Hình 7.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội

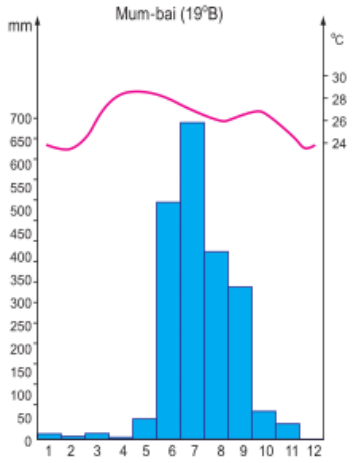

Hình 7.4 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Mum-bai (Ấn Độ)

Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật : nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường.

Nhiệt độ trung bình năm ở đây trên 20°C. Biên độ nhiệt trung bình năm khoảng 8°C.

Lượng mưa trung bình năm trên 1000 mm nhưng thay đổi tùy thuộc vào vị trí gần biển hay xa biển, vào sườn núi đón gió hay khuất gió. Sê-ra-pun-di nằm ở sườn phía nam dãy Hi-ma-lay-a là nơi có lượng mưa trung bình cao nhất thế giới (12.000 mm). Mùa mưa (từ tháng V đến tháng X) tập trung từ 70% đến 95% lượng mưa cả năm. Mùa khô (từ tháng XI đến tháng IV), lượng mưa tuy ít nhưng vẫn đủ cho cây cối sinh trưởng.

Thời tiết diễn biến thất thường. Mùa mưa có năm đến sớm, có năm đến muộn và lượng mưa có năm ít, năm nhiều nên dễ gây ra hạn hán hay lụt lội.

2. Các đặc điểm khác của môi trường

Môi trường nhiệt đới gió mùa là môi trường đa dạng và phong phú của đới nóng.

Nhịp điệu mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người trong khu vực.

- Nhận xét về sự thay đổi của cảnh sắc thiên nhiên qua hai ảnh dưới đây.

Hình 7.5 - Rừng cao su vào mùa mưa

Hình 7.6 - Rừng cao su vào mùa khô

Tuỳ thuộc vào lượng mưa và sự phân bố mưa trong năm mà có các thảm thực vật khác nhau. Ở những nơi mưa nhiều, rừng cũng có nhiều tầng nhưng không bằng rừng rậm xanh quanh năm ; trong rừng có một số cây rụng lá vào mùa khô. Những nơi ít mưa có đồng cỏ cao nhiệt đới. Ở vùng cửa sông, ven biển đang được phù sa bồi đắp, xuất hiện rừng ngập mặn. Đó là những môi trường sống thuận lợi cho nhiều loài động vật khác nhau, cả ở trên cạn và dưới nước.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa rất thích hợp cho việc trồng cây lương thực nhiệt đới (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp. Vùng nhiệt đới gió mùa là một trong những nơi tập trung đông dân nhất trên thế giới.

Nam Á và Đông Nam Á là các khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa. Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật là nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường. Đây là kiểu môi trường đa dạng và phong phú. Gió mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người.

Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực thích hợp cho việc trồng cây lương thực (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp ; đây là những nơi sớm tập trung đông dân trên thế giới.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa.
2. Trình bày sự đa dạng của môi trường nhiệt đới gió mùa.

Bài 8 : CÁC HÌNH THỨC CANH TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI NÓNG

Đới nóng là khu vực phát triển nông nghiệp sớm nhất của nhân loại. Ở đây có nhiều hình thức canh tác khác nhau, phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu và tập quán sản xuất của từng địa phương.

1. Làm nương rẫy

Làm nương rẫy là hình thức canh tác nông nghiệp lâu đời nhất của xã hội loài người. Rừng hay xavan bị đốt để làm nương rẫy. Đất bị khai thác triệt để. Sau vài ba vụ, đất bạc màu, người ta lại đốt rừng để làm nương rẫy mới. Hình thức canh tác này sử dụng công cụ thô sơ, ít chăm bón, nên năng suất cây trồng rất thấp.

- Qua các ảnh dưới đây, nêu một số biểu hiện cho thấy sự lạc hậu của hình thức sản xuất nương rẫy.

Hình 8.1 - Đốt rừng làm nương rẫy

Hình 8.2 - Rẫy khoai sọ trên xavan châu Phi

2. Làm ruộng, thâm canh lúa nước

Trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, ở những nơi có nguồn lao động dồi dào và chủ động tưới tiêu, người ta làm ruộng, thâm canh lúa nước.

- Quan sát hình 8.4, nêu một số điều kiện về nhiệt độ và lượng mưa để tiến hành thâm canh lúa nước.

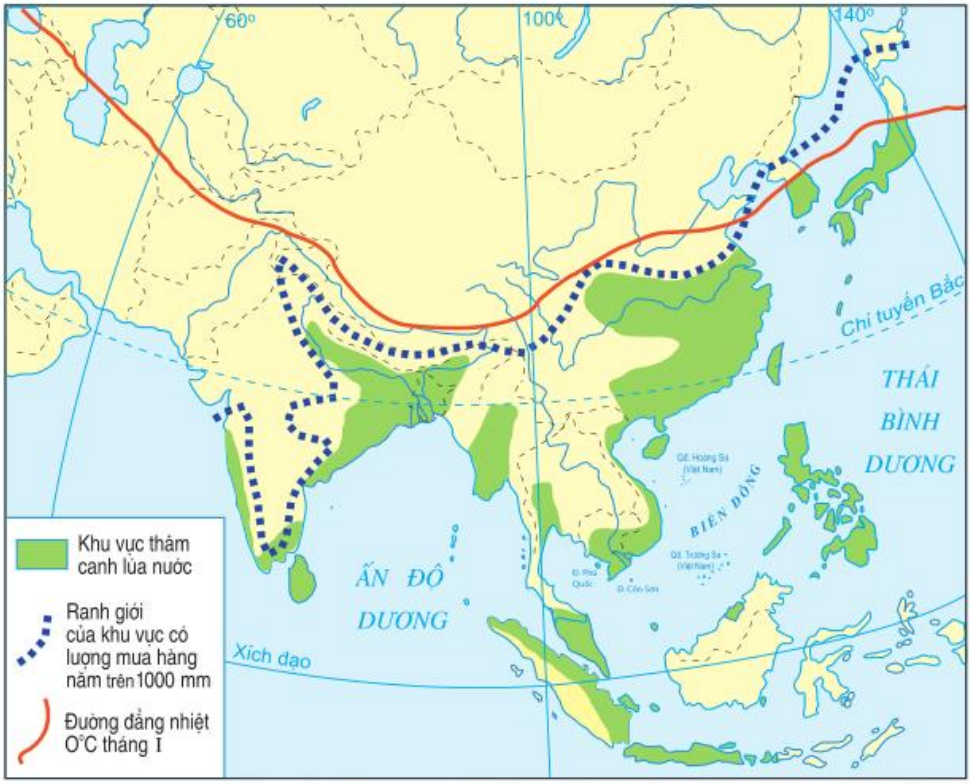

Hình 8.3 - Lược đồ những khu vực thâm canh lúa nước ở châu Á

Thâm canh lúa cho phép tăng vụ, tăng năng suất, nhờ đó sản lượng cũng tăng lên. Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng có điều kiện phát triển. Tuy nhiên, vì dân số đông và thời tiết thất thường nên một số nước vẫn lâm vào tình trạng thiếu lương thực.

Hình 8.4 - Cánh đồng trồng lúa nước

Do áp dụng những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và có chính sách nông nghiệp đúng đắn, một số nước trước đây thiếu lương thực (như Việt Nam, Thái Lan) nay đã trở thành những nước xuất khẩu gạo. Nhờ cuộc Cách mạng xanh mà ngay một nước đông dân như Ấn Độ cũng đã giải quyết được vấn đề lương thực.

3. Sản xuất nông sản hàng hoá theo quy mô lớn

Ở các trang trại, đồn điền trong đới nóng, người ta tiến hành trồng trọt cây công nghiệp và chăn nuôi chuyên môn hoá theo quy mô lớn nhằm mục đích xuất khẩu hoặc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

Hình thức canh tác này tạo ra khối lượng nông sản hàng hoá lớn và có giá trị cao, tuy nhiên phải bám sát nhu cầu của thị trường.

Hình 8.5 - Đồn điền trồng hồ tiêu ở Nam Mĩ

Đới nóng là nơi tiến hành sản xuất nông nghiệp sớm nhất trên thế giới. Ở đây có nhiều hình thức canh tác trong nông nghiệp : từ làm rẫy, thâm canh lúa nước đến sản xuất nông sản hàng hoá theo quy mô lớn. Việc áp dụng những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và các chính sách nông nghiệp đúng đắn đã giúp nhiều nước giải quyết được nạn đói. Một số nước đã xuất khẩu lương thực (Việt Nam, Thái Lan...).

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy nêu sự khác nhau của các hình thức canh tác nông nghiệp ở đới nóng.
2. Sắp xếp những dữ liệu cho dưới đây và vẽ vào vở sơ đồ thâm canh lúa nước.

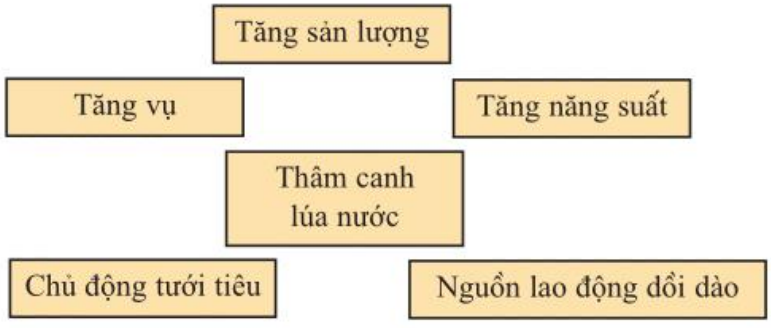

3. Quan sát các hình 8.6 và 8.7, cho biết : Làm ruộng bậc thang và canh tác theo đường đồng mức ở vùng đồi núi có ý nghĩa như thế nào đối với môi trường ?

Hình 8.6 - Trồng lúa nước trên ruộng bậc thang ở vùng đồi núi châu Á

Hình 8.7 - Trồng ngô (bắp) và khoai tây theo đường đồng mức ở vùng đồi núi Nam Mĩ

Bài 9 : HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI NÓNG

1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp

Môi trường đới nóng phân hoá đa dạng, làm cho hoạt động nông nghiệp ở vùng nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa và vùng xích đạo có các đặc điểm khác nhau.

Ở môi trường xích đạo ẩm, nhiệt độ và độ ẩm cao, rất thích hợp với sản xuất nông nghiệp. Cây trồng phát triển quanh năm, có thể trồng gối vụ, xen canh nhiều loại cây. Tuy vậy, khí hậu nóng ẩm lại tạo điều kiện cho côn trùng, sâu bọ, các loại mầm bệnh phát triển, gây hại cho cây trồng và vật nuôi.

- Quan sát hình 9.1 và hình 9.2, nêu nguyên nhân dẫn đến xói mòn đất ở môi trường xích đạo ẩm.

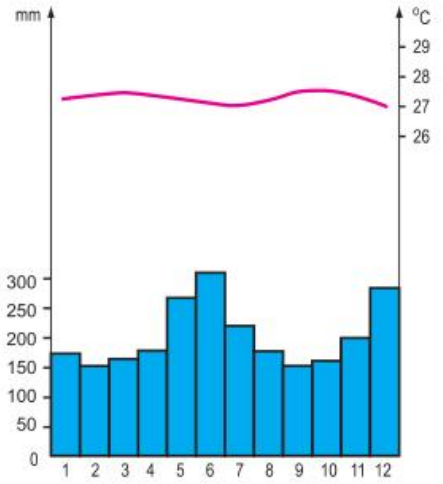

Hình 9.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở môi trường xích đạo ẩm

Hình 9.2 - Đất bị xói mòn

Nhiệt độ và độ ẩm đều cao tuy làm cho các chất hữu cơ bị phân huỷ nhanh nhưng tầng mùn ở môi trường xích đạo ẩm thường không dày. Nếu không có thực vật che phủ, thì lớp đất màu dễ bị nước mưa rửa trôi hết, đặc biệt là ở các sườn dốc của đồi, núi. Vì thế việc bảo vệ rừng và trồng rừng là hết sức cần thiết.

Ở môi trường nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa, việc bố trí mùa vụ và lựa chọn các loại cây trồng bị chi phối bởi lượng mưa và chế độ mưa trong năm.

- Tìm ví dụ để thấy ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới và khí hậu nhiệt đới gió mùa đến sản xuất nông nghiệp.

Lượng mưa tập trung vào một mùa làm tăng cường xói mòn đất và gây lũ lụt. Mùa khô kéo dài, lượng bốc hơi lớn lại dễ gây hạn hán. Thêm vào đó, việc canh tác không khoa học cũng làm đất bị thoái hoá nhanh. Vì thế, ở vùng nhiệt đới, hoang mạc đang mở rộng.

Làm thuỷ lợi và trồng cây che phủ đất là các biện pháp rất quan trọng. Việc đảm bảo tính chất thời vụ chặt chẽ, có biện pháp phòng chống thiên tai (bão, lụt, hạn hán) và phòng trừ dịch bệnh hại cây trồng, vật nuôi sẽ giúp cho nền nông nghiệp giảm bớt tính chất bấp bênh.

2. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu

Ở các đồng bằng của vùng nhiệt đới gió mùa, nhất là ở châu Á, lúa nước là cây lương thực quan trọng nhất. Ở những vùng đủ ẩm, ngô được trồng rất phổ biến. Các loại cây lương thực lấy củ, chủ yếu là sắn trồng ở vùng đồi núi và khoai lang trồng ở vùng đồng bằng.

- Tại sao các vùng trồng lúa nước lại thường trùng với những vùng đông dân bậc nhất trên thế giới ?

Ở các vùng nhiệt đới khô hạn của châu Phi, người ta trồng cây cao lương là chủ yếu.

Các cây công nghiệp nhiệt đới rất phong phú. Một số cây công nghiệp được trồng thành vùng tập trung là : cà phê (Nam Mĩ, Tây Phi, Đông Nam Á), cao su (Đông Nam Á), dừa (các nước ven biển, nhất là ở Đông Nam Á), bông (Nam Á), mía (Nam Mĩ), lạc (vùng nhiệt đới ẩm Nam Mĩ, Tây Phi, Nam Á)...

Chăn nuôi ở đới nóng nói chung chưa phát triển bằng trồng trọt. Hình thức chăn thả dê, cừu, trâu, bò trên đồng cỏ còn phổ biến. Cừu, dê được nuôi ở các vùng khô hạn hoặc các vùng núi. Những nơi có đồng cỏ, phát triển chăn nuôi trâu, bò. Ấn Độ là nước có đàn trâu và đàn bò lớn nhất thế giới.

Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung chủ yếu ở các vùng trồng nhiều ngũ cốc (lúa, ngô...) và đông dân cư.

Ở đới nóng, việc trồng trọt được tiến hành quanh năm ; có thể xen canh nhiều loại cây, nếu có đủ nước tưới. Trong điều kiện khí hậu nóng, mưa nhiều hoặc mưa tập trung theo mùa, đất dễ bị rửa trôi, xói mòn. Vì vậy, cần bảo vệ rừng, trồng cây che phủ đất và làm thuỷ lợi.

Các cây trồng chủ yếu là lúa nước, các loại ngũ cốc khác và nhiều cây công nghiệp nhiệt đới có giá trị xuất khẩu cao. Chăn nuôi nói chung chưa phát triển bằng trồng trọt.

Câu hỏi và bài tập

1. Môi trường xích đạo ẩm có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất nông nghiệp ?
2. Để khắc phục những khó khăn do khí hậu nhiệt đới gió mùa gây ra, trong sản xuất nông nghiệp cần thực hiện những biện pháp chủ yếu nào ?
3. Hãy dựa vào các hình vẽ dưới đây để nêu quá trình thoái hoá đất do đốt rừng làm nương rẫy ở môi trường đới nóng.

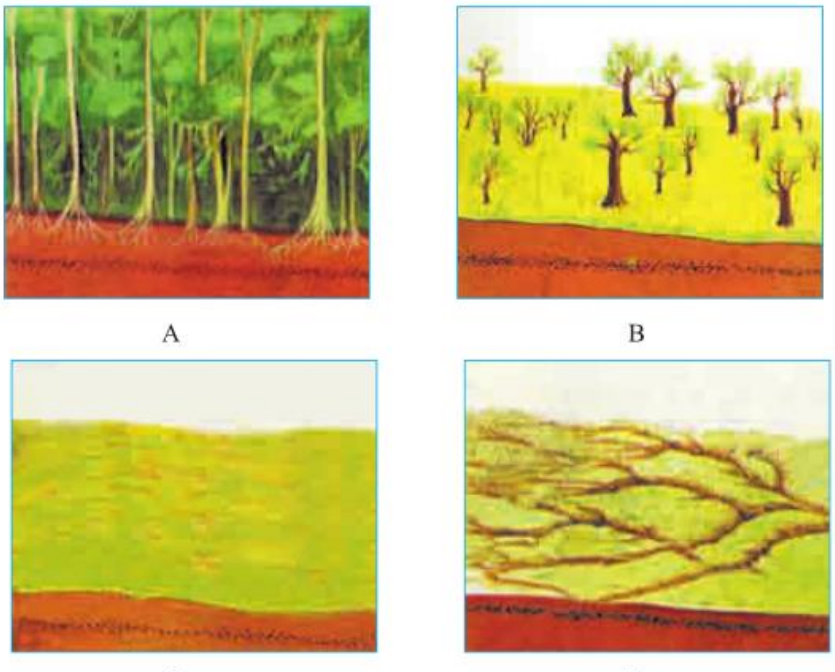

Hình 9.4 - Quá trình thoái hoá đất ở đới nóng do đốt rừng làm nương rẫy

4. Nêu các loại nông sản chính của đới nóng. Xác định trên bản đồ thế giới, các nước và các khu vực ở đới nóng sản xuất nhiều các loại nông sản đó.

Bài 10 : DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

Đới nóng tập trung gần một nửa dân số thế giới nhưng kinh tế còn chậm phát triển. Dân cư tập trung quá đông vào một số khu vực đã dẫn tới những vấn đề lớn về môi trường. Việc giải quyết mối quan hệ giữa dân cư và môi trường ở đây phải gắn chặt với sự phát triển kinh tế - xã hội.

1. Dân số

Gần 50% dân số thế giới tập trung ở đới nóng, những nơi tập trung dân cư đông đúc là Đông Nam Á, Nam Á, Tây Phi và Đông Nam Bra-xin. Hậu quả của nhiều năm dài bị thực dân xâm chiếm là nền kinh tế chậm phát triển. Châu Phi là châu lục nghèo đói nhất trên thế giới.

Từ những năm 60 của thế kỉ XX, nhiều nước ở đới nóng đã lần lượt giành được độc lập. Cũng từ đó, dân số ở đới nóng phát triển rất nhanh dẫn đến bùng nổ dân số. Sự gia tăng dân số vượt ngoài tầm kiểm soát đã trở thành một vấn đề lớn của nhiều nước, đưa đến những hậu quả nghiêm trọng đối với việc phát triển kinh tế, đời sống con người và tài nguyên, môi trường.

Hiện nay, việc kiểm soát tỉ lệ gia tăng dân số đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia ở đới nóng.

2. Sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường

Nhằm đáp ứng nhu cầu của số dân ngày càng đông, tài nguyên thiên nhiên được khai thác với tốc độ ngày càng nhanh. Lương thực thiếu hụt nên phải mở rộng diện tích đất canh tác, đồng thời nhu cầu sử dụng gỗ, củi tăng lên, làm cho diện tích rừng ngày càng thu hẹp. Đất trồng được tận dụng để sản xuất nông phẩm nhưng lại không được chăm bón đầy đủ nên ngày càng bạc màu. Việc tăng cường khai thác và xuất khẩu các loại nguyên liệu, nhiên liệu thô để đổi lấy lương thực và hàng tiêu dùng đã làm nhiều loại khoáng sản nhanh chóng bị cạn kiệt. Việc mở rộng các khu công nghiệp, các đô thị mới, ... đang làm thu hẹp diện tích đất trồng.

- Phân tích hình 10.1 để thấy mối quan hệ giữa sự gia tăng dân số tự nhiên quá nhanh với tình trạng thiếu lương thực ở châu Phi.

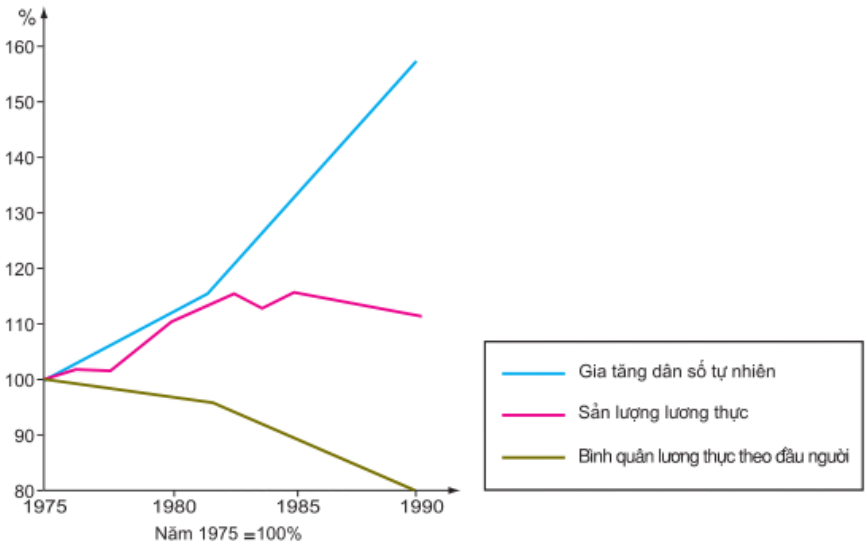

Hình 10.1 - Biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số và lương thực ở châu Phi từ năm 1975 đến năm 1990

- Đọc bảng số liệu dưới đây, nhận xét về tương quan giữa dân số và diện tích rừng ở khu vực Đông Nam Á.

Năm	Dân số (triệu người)	Diện tích rừng (triệu ha)
1980	360	240,2
1990	442	208,6

Bùng nổ dân số cũng ảnh hưởng xấu tới môi trường của đới nóng. Điều kiện sống thấp ở vùng nông thôn hay trong những khu nhà ổ chuột ở thành phố là những tác nhân làm cho môi trường bị ô nhiễm. Hơn 700 triệu người dân đới nóng không được dùng nước sạch, khoảng 80% số người mắc bệnh là do thiếu nước sạch. Việc khai thác tài nguyên quá mức để phục vụ cho số dân đông cũng làm môi trường bị tàn phá.

- Nêu một vài dẫn chứng để thấy rõ sự khai thác rừng quá mức sẽ có tác động xấu tới môi trường.

Để giảm bớt sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng, cần giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân.

Đới nóng tập trung gần một nửa dân số thế giới. Dân số tăng nhanh dẫn tới bùng nổ dân số, tác động tiêu cực tới tài nguyên và môi trường. Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân ở đới nóng sẽ có tác động tích cực tới tài nguyên và môi trường.

Câu hỏi và bài tập

1. Phân tích sơ đồ dưới đây để thấy hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng :

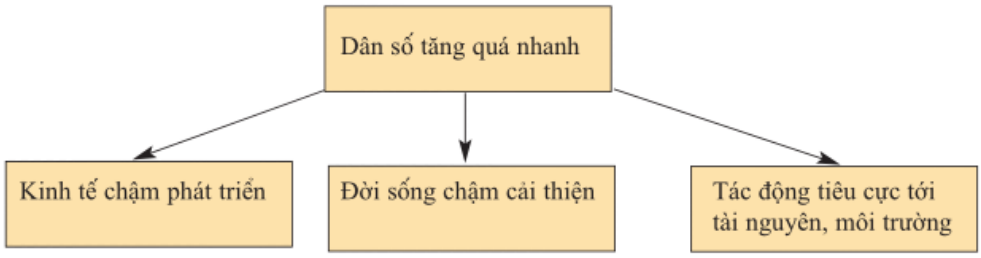

2. Hãy vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên, môi trường.

Bài 11 : DI DÂN VÀ SỰ BÙNG NỔ ĐÔ THỊ Ở ĐỚI NÓNG

Đời sống khó khăn làm xuất hiện các luồng di dân. Sự di dân đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá diễn ra rất nhanh. Đô thị hoá tự phát đang đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường ở đới nóng.

1. Sự di dân

Di dân ở các nước thuộc đới nóng diễn ra do nhiều nhân tố tác động : thiên tai, chiến tranh, kinh tế chậm phát triển, sự nghèo đói và thiếu việc làm... Tình trạng di dân ở đây rất đa dạng và phức tạp.

Ở nhiều nước đới nóng, cũng là các nước đang phát triển, làn sóng nông dân di cư tự do vào đô thị tìm kiếm việc làm (vì thu nhập ở vùng nông thôn quá thấp) đã làm cho dân số đô thị tăng nhanh, tạo sức ép lớn đối với vấn đề việc làm và môi trường đô thị.

Hạn hán thường xuyên và các cuộc xung đột tộc người không dứt là những nguyên nhân dẫn đến việc di dân tị nạn rất phổ biến ở nhiều nước châu Phi. Tình trạng này cũng diễn ra với quy mô lớn ở nhiều nước Nam Á và Tây Nam Á.

Tuy nhiên, nhiều nước đới nóng cũng tiến hành di dân có tổ chức, có kế hoạch để khai hoang, lập đồn điền trồng cây xuất khẩu, để xây dựng các công trình công nghiệp mới, phát triển kinh tế ở các vùng núi hay vùng ven biển. Những cuộc di dân như vậy có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đô thị hoá

Trong những năm gần đây, đới nóng là nơi có tốc độ đô thị hoá cao trên thế giới.

Nhiều thành phố phát triển nhanh chóng và trở thành các siêu đô thị. Năm 1950, đới nóng chưa có đô thị nào tới 4 triệu dân ; đến năm 2000 đã có 11 siêu đô thị trên 8 triệu dân.

- Quan sát hình 3.3, nêu tên các siêu đô thị có trên 8 triệu dân ở đới nóng.

Hình 11.1 - Xin-ga-po, thành phố sạch nhất thế giới

Hình 11.2 - Khu nhà ổ chuột ở Ấn Độ

Từ năm 1989 đến năm 2000, dân số đô thị ở đới nóng đã tăng lên gấp đôi. Với đà phát triển kinh tế và gia tăng dân số như hiện nay, trong vòng vài chục năm nữa tổng số dân đô thị của các nước thuộc đới nóng sẽ gấp hai lần tổng số dân đô thị của các nước thuộc đới ôn hoà.

Sự di dân tự do đến các thành phố lớn làm cho số dân đô thị tăng quá nhanh đã dẫn đến những hậu quả nặng nề.

- Nêu những tác động xấu tới môi trường do đô thị hoá tự phát ở đới nóng gây ra.

Ngày nay, nhiều nước ở đới nóng đã thấy được sự cần thiết phải tiến hành đô thị hoá gắn liền với phát triển kinh tế và phân bố dân cư hợp lí.

Đới nóng là nơi có sự di dân và tốc độ đô thị hoá cao. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh và số siêu đô thị ngày càng nhiều. Tuy nhiên, đô thị hoá tự phát đã để lại những hậu quả xấu cho môi trường.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu những nguyên nhân dẫn đến các làn sóng di dân ở đới nóng.
2. Kể tên một số siêu đô thị ở đới nóng.
3. Dựa vào hình 11.3, nhận xét về tốc độ tăng tỉ lệ dân đô thị ở một số nơi trên thế giới.

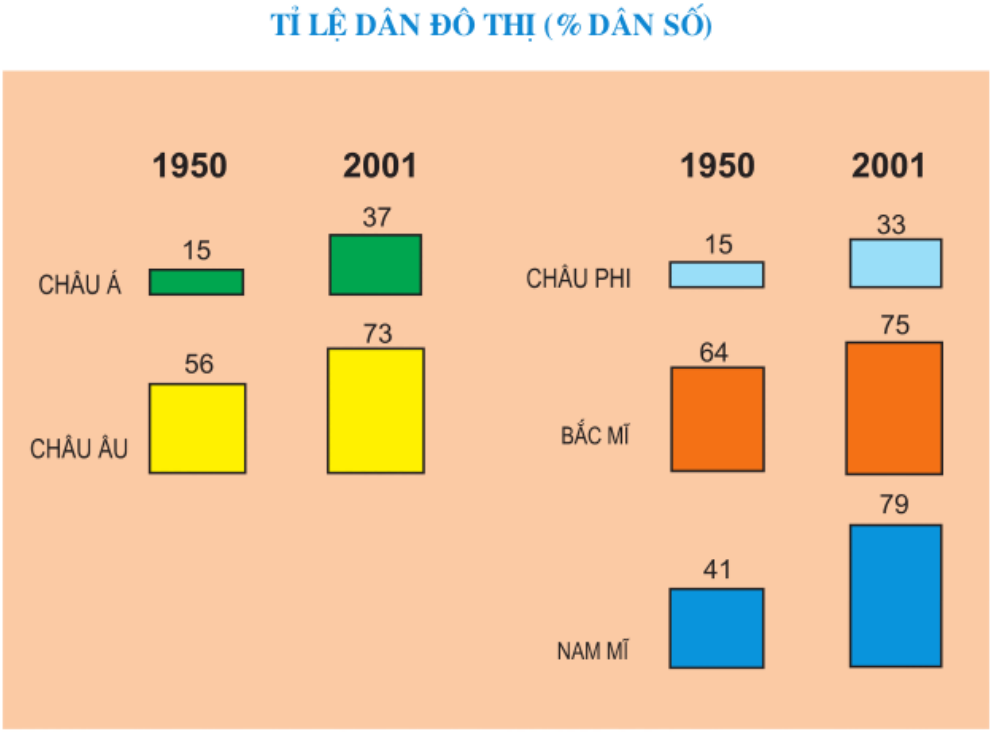

Hình 11.3 - Biểu đồ tỉ lệ dân đô thị

Bài 12 : THỰC HÀNH

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG

1. Có ba ảnh về các kiểu môi trường đới nóng, xác định từng ảnh thuộc kiểu môi trường nào ?

A - Xa-ha-ra

B - Công viên quốc gia Se-ran-gat (Tan-da-ni-a)

C - Bắc Công-gô

2. Trong ba biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây, hãy chọn biểu đồ phù hợp với ảnh xavan kèm theo.

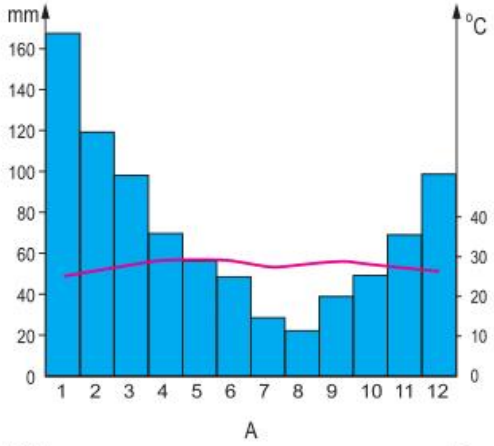

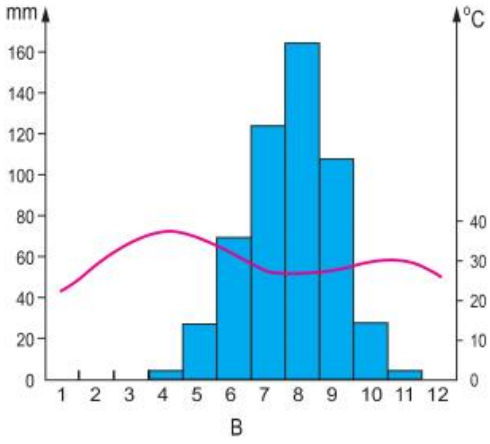

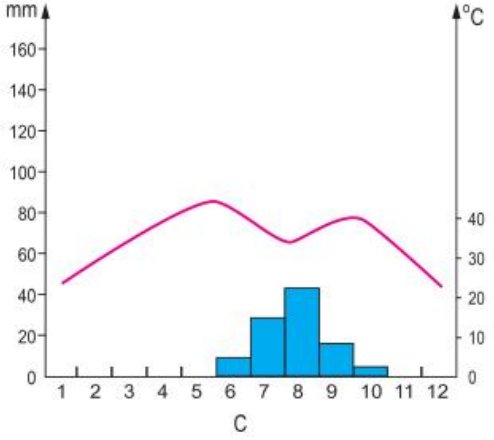

3. Có ba biểu đồ lượng mưa (A - B - C) và hai biểu đồ lưu lượng nước của các con sông (X - Y), hãy chọn và sắp xếp thành hai cặp sao cho phù hợp.

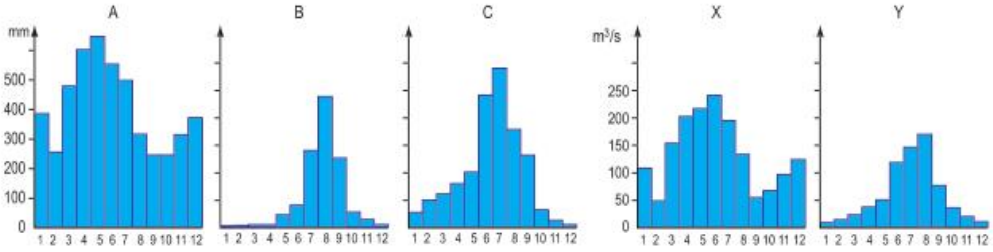

4. Quan sát các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây để chọn ra một biểu đồ thuộc đới nóng. Cho biết lí do chọn.

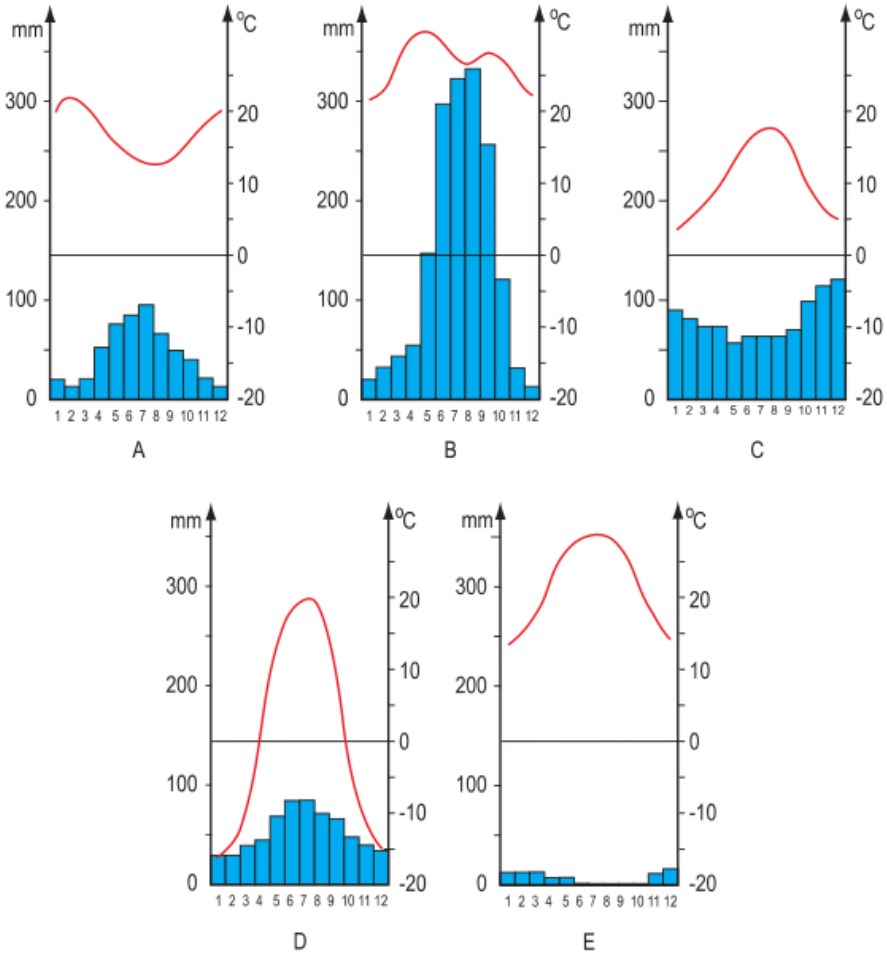

Chương II

MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Bài 13 : MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ

Đới ôn hoà chiếm một nửa diện tích đất nổi trên Trái Đất. Với vị trí trung gian, môi trường đới ôn hoà có những nét khác biệt với các môi trường khác và hết sức đa dạng.

Đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng từ chí tuyến đến vòng cực ở cả hai bán cầu. Phần lớn diện tích đất nổi của đới nằm ở bán cầu Bắc, chỉ có một phần nhỏ ở bán cầu Nam.

1. Khí hậu

Khí hậu đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa khí hậu đới nóng và khí hậu đới lạnh.

- Phân tích bảng số liệu dưới đây để thấy tính chất trung gian của khí hậu đới ôn hoà.

Đới	Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Lượng mưa trung bình năm
Đới lạnh	Ac-khan-ghen (65°B)	-1°C	539mm
Đới ôn hoà	Côn (51°B)	10°C	676mm
Đới nóng	TP. Hồ Chí Minh (10°47'B)	27°C	1931mm

- Quan sát hình 13.1, phân tích những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hoà.

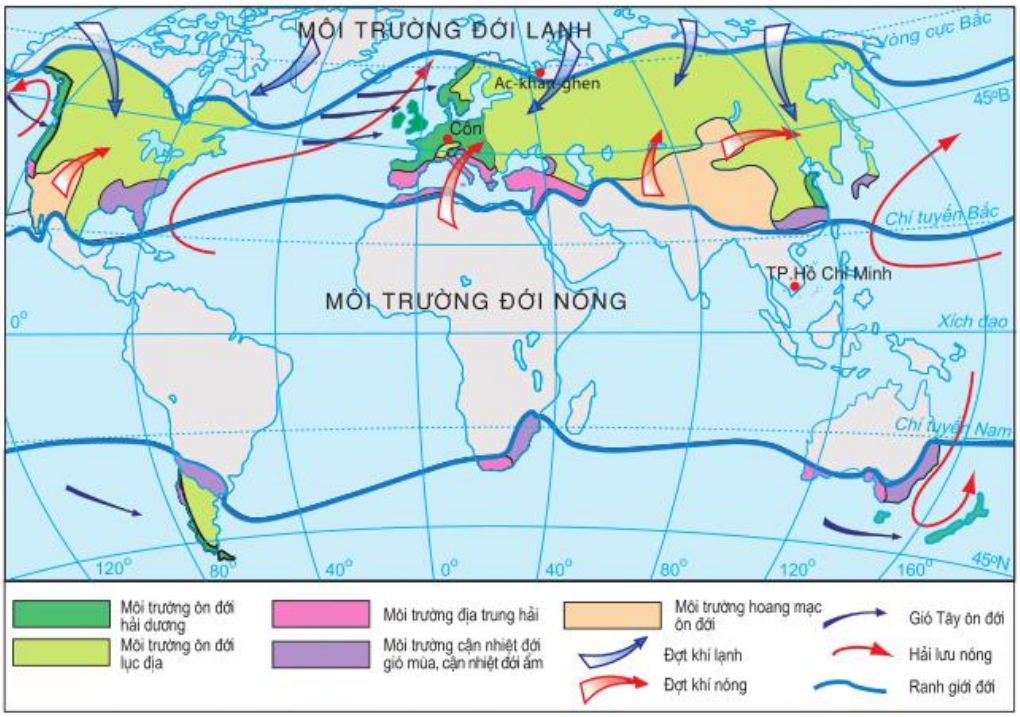

Hình 13.1 - Lược đồ những yếu tố gây biến động thời tiết ở đới ôn hoà

Do vị trí trung gian nên thời tiết đới ôn hoà thay đổi thất thường. Các đợt khí nóng ở chí tuyến và các đợt khí lạnh ở vùng cực có thể tràn tới bất thường gây ra những đợt nóng hay lạnh, có tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của con người, đặc biệt là những vùng ở sâu trong nội địa. Ở phía đông của Hoa Kì, mỗi khi có đợt khí nóng hay đợt khí lạnh tràn đến, nhiệt độ có thể tăng hay giảm 10°C - 15°C trong vài giờ. Gió Tây ôn đới và các khối khí từ đại dương mang theo không khí ẩm và ấm vào đất liền cũng làm cho thời tiết đới ôn hoà luôn biến động, rất khó dự báo trước.

Hình 13.2 - Rừng lá rộng ở Tây Âu

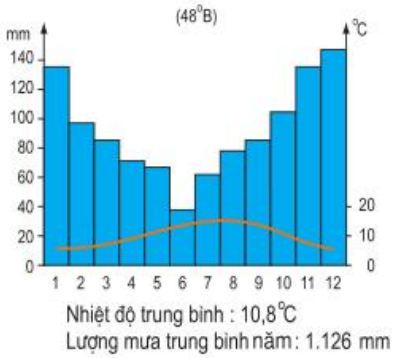

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới hải dương

Hình 13.3 - Rừng lá kim (rừng taiga) ở Liên bang Nga

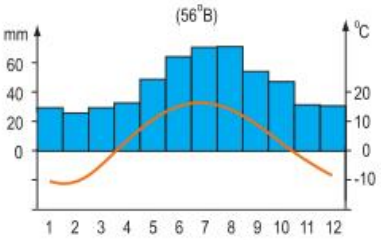

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ôn đới lục địa

Hình 13. 4 - Rừng cây bụi gai ven Địa Trung Hải ở Pháp

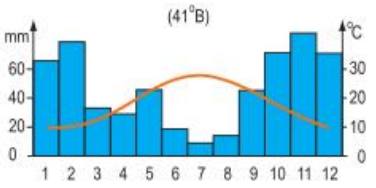

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở ven Địa Trung Hải

2. Sự phân hoá của môi trường

Thiên nhiên đới ôn hoà thay đổi theo bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

Môi trường đới ôn hoà cũng thay đổi từ vùng này sang vùng khác tuỳ thuộc vào vĩ độ, vào ảnh hưởng của dòng biển và gió Tây ôn đới.

- Quan sát hình 13.1 :

+ Nêu tên và xác định vị trí của các kiểu môi trường ở đới ôn hoà.

+ Nêu vai trò của dòng biển nóng và gió Tây ôn đới đối với khí hậu ở đới ôn hoà.

Bờ Tây lục địa chịu ảnh hưởng của dòng biển nóng và gió Tây ôn đới nên có môi trường ôn đới hải dương : ẩm ướt quanh năm, mùa hạ mát mẻ, mùa đông không lạnh lắm. Càng vào sâu trong đất liền, tính chất lục địa càng rõ nét : lượng mưa giảm dần, mùa đông lạnh và tuyết rơi nhiều, mùa hạ nóng. Thảm thực vật thay đổi dần từ tây sang đông : rừng lá rộng chuyển sang rừng hỗn giao và cuối cùng là rừng lá kim.

Ở vĩ độ cao, mùa đông rất lạnh và kéo dài, mùa hạ ngắn. Gần chí tuyến có môi trường địa trung hải : mùa hạ nóng và khô, mùa đông ấm áp, mưa vào mùa thu - đông. Thảm thực vật cũng thay đổi từ bắc xuống nam : rừng lá kim chuyển sang rừng hỗn giao rồi tới thảo nguyên và rừng cây bụi gai.

Đới ôn hoà mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường.

Thiên nhiên đới ôn hoà có sự thay đổi rõ rệt theo thời gian và theo không gian. Một năm chia thành bốn mùa rõ rệt : xuân, hạ, thu, đông. Các kiểu môi trường cũng thay đổi từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Tính chất trung gian của khí hậu và thất thường của thời tiết ở đới ôn hoà thể hiện như thế nào ?
2. Trình bày sự phân hoá của môi trường đới ôn hoà.

Bài 14 : HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Nhìn chung, đới ôn hoà có nền nông nghiệp tiên tiến. Những khó khăn về thời tiết, khí hậu đã và đang được khắc phục nhờ sự tiến bộ của khoa học - kĩ thuật, giúp cho nông nghiệp ở đây phát triển hơn ở đới nóng.

1. Nền nông nghiệp tiên tiến

Tổ chức sản xuất nông nghiệp ở đới ôn hoà có hai hình thức chính : hộ gia đình và trang trại. Hai hình thức này tuy quy mô khác nhau nhưng đều có trình độ sản xuất tiên tiến và sử dụng nhiều dịch vụ nông nghiệp.

Hình 14.1 - Quang cảnh đồng ruộng ở I-ta-li-a

Hình 14.2 - Quang cảnh đồng ruộng ở Hoa Kì

Việc áp dụng những thành tựu kĩ thuật được đặc biệt quan tâm trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thuỷ lợi hoàn chỉnh cùng các phương pháp tưới tiêu khoa học đã cung cấp đủ nước cho đồng ruộng. Các nhà kính đảm bảo cho cây trồng vẫn phát triển ngay trong mùa đông giá lạnh. Ven bờ ruộng, các hàng cây được trồng để chắn những đợt gió mạnh và giữ nước cho cây trồng. Các luống rau được che phủ bằng tấm nhựa trong để chống sương giá và mưa đá... Nhờ trình độ kĩ thuật tiên tiến, người ta đã lai tạo được các giống gia súc, cây trồng có năng suất cao và thích nghi được với những bất lợi của thời tiết, khí hậu...

- Quan sát các ảnh dưới đây, nêu một số biện pháp khoa học - kĩ thuật được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở đới ôn hoà.

Hình 14.3 - Hệ thống kênh mương thuỷ lợi trên đồng ruộng

Hình 14.4 - Hệ thống tự động tưới xoay tròn

Hình 14.5 - Hệ thống tự động tưới phun sương

Nền nông nghiệp ở đới ôn hoà được tổ chức theo kiểu công nghiệp, sản xuất được chuyên môn hoá với quy mô lớn, các thành tựu kĩ thuật tiên tiến được áp dụng rộng rãi, đặc biệt là tuyển chọn và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi. Nhờ đó đã sản xuất ra một khối lượng nông sản lớn với chất lượng cao để cung cấp cho công nghiệp chế biến, cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Các nước ở đới ôn hoà nổi tiếng về xuất khẩu lúa mì, ngô, thịt bò, sữa, lông cừu...

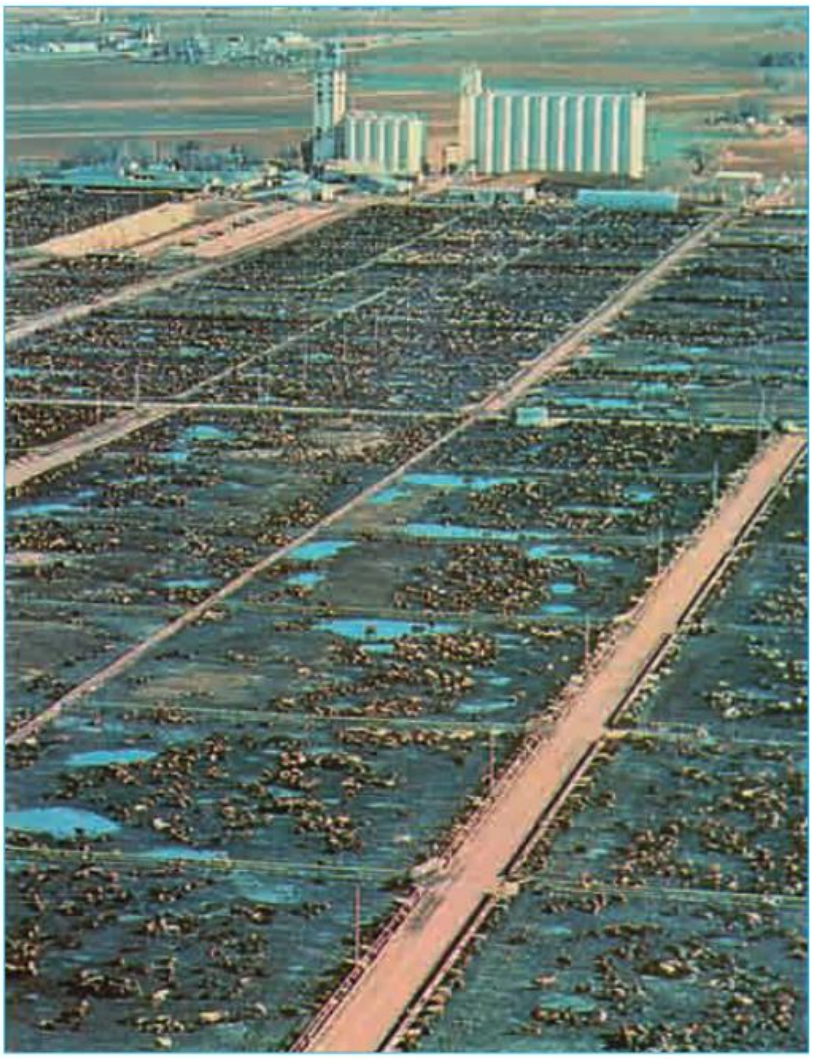

Hình 14.6 - Chăn nuôi bò theo kiểu công nghiệp trong các trang trại ở Hoa Kì
(Phía xa là các nhà máy chế biến thức ăn)

2. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu

Do môi trường đới ôn hoà rất đa dạng nên các nông sản chủ yếu phân bố ở các kiểu môi trường này rất khác nhau.

Nếu đi từ các vĩ độ trung bình lên các vĩ độ cao, có thể thấy :

- Ở vùng cận nhiệt đới gió mùa (Đông Trung Quốc và Đông Nam Hoa Kì) có nguồn nhiệt ẩm phong phú, trồng được nhiều lúa nước, đậu tương, bông, các loại hoa quả (cam, quýt, đào, mận...).

- Ở vùng khí hậu địa trung hải, nhất là ven Địa Trung Hải thuộc Nam Âu và Bắc Phi, nổi tiếng về các loại nho và rượu vang. Những nơi này cũng trồng nhiều cam, chanh, ôliu...

- Ở vùng ôn đới hải dương khí hậu ôn hoà, trên các đồng bằng thường trồng lúa mì, củ cải đường, rau và nhiều loại hoa quả, trên các vùng núi có đồng cỏ tươi tốt, chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

- Vào sâu nội địa là vùng ôn đới lục địa, khí hậu nóng hơn về mùa hạ và lạnh hơn về mùa đông. Các vĩ độ trung bình là vùng trồng lúa mì chủ yếu của thế giới. Ở những nơi khô hơn, trồng đại mạch. Trên các thảo nguyên có đất đen màu mỡ, người ta trồng lúa mì, khoai tây, ngô và chăn nuôi bò, ngựa, lợn.

- Ở các vùng hoang mạc ôn đới, chủ yếu chăn nuôi cừu.

- Trên các vĩ độ cao hơn là vùng ôn đới lạnh, nông nghiệp kém phát triển, chủ yếu trồng khoai tây, lúa mạch đen... và chăn nuôi hươu Bắc cực.

- Nêu các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu ở từng kiểu môi trường trong đới ôn hoà.

Các nước kinh tế phát triển ở đới ôn hoà có nền nông nghiệp sản xuất chuyên môn hoá với quy mô lớn, được tổ chức chặt chẽ theo kiểu công nghiệp, ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - kĩ thuật.

Trong các kiểu môi trường khác nhau, những sản phẩm nông nghiệp chủ yếu cũng khác nhau.

Câu hỏi và bài tập

1. Để sản xuất ra khối lượng nông sản lớn, có giá trị cao, nền nông nghiệp tiên tiến ở đới ôn hoà đã áp dụng những biện pháp gì ?
2. Trình bày sự phân bố các loại cây trồng và vật nuôi chủ yếu ở đới ôn hoà.

Bài 15 : HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng bậc nhất ở đới ôn hoà. Ở đây, những dấu hiệu của một xã hội công nghiệp như : các nhà máy, khu công nghiệp và đô thị luôn hiện ra trước mắt chúng ta. Hệ thống giao thông các loại đan xen nhau...

1. Nền công nghiệp hiện đại, có cơ cấu đa dạng

Bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, ngày nay phần lớn các nước ở đới ôn hoà đã xây dựng được một nền công nghiệp hiện đại, trang bị nhiều máy móc, thiết bị tiên tiến.

Công nghiệp khai thác phát triển ở những nơi tập trung nhiều khoáng sản như vùng Đông Bắc Hoa Kì, vùng U-ran và Xi-bia của Liên bang Nga... hoặc có nhiều rừng như Phần Lan, Ca-na-đa...

Công nghiệp chế biến là thế mạnh nổi bật và hết sức đa dạng, từ các ngành truyền thống như luyện kim, cơ khí, hoá chất... đến các ngành hiện đại, đòi hỏi hàm lượng trí tuệ cao như điện tử, hàng không vũ trụ... Phần lớn nguyên liệu, nhiên liệu được nhập từ các nước đới nóng.

Hoạt động công nghiệp ở đới ôn hoà ngày nay chiếm tới 3/4 tổng sản phẩm công nghiệp của toàn thế giới. Các nước công nghiệp hàng đầu là Hoa Kì, Nhật Bản, Đức, Liên bang Nga, Anh, Pháp, Ca-na-đa...

2. Cảnh quan công nghiệp

Ở đới ôn hoà nổi bật lên cảnh quan công nghiệp : các nhà máy, công xưởng, hầm mỏ... được nối với nhau bằng các tuyến đường giao thông chằng chịt.

Các nhà máy có liên quan với nhau được phân bố tập trung thành các khu công nghiệp để dễ dàng hợp tác trong quá trình sản xuất, giảm chi phí vận chuyển. Trong khu công nghiệp, các nhà máy nằm san sát, thuộc nhiều ngành khác nhau.

Nhiều khu công nghiệp hợp thành một trung tâm công nghiệp. Vì thế, các trung tâm công nghiệp lớn thường có nhiều ngành, với nhiều sản phẩm rất đa dạng.

Hình 15.1 - Một khu công nghiệp hoá dầu ở Bắc Mĩ với nhiều nhà máy, kho hàng san sát nhau

Hình 15.2 - Một cơ sở công nghiệp công nghệ cao kiểu mới ở Tây Âu với thảm cỏ và cây xanh bao quanh

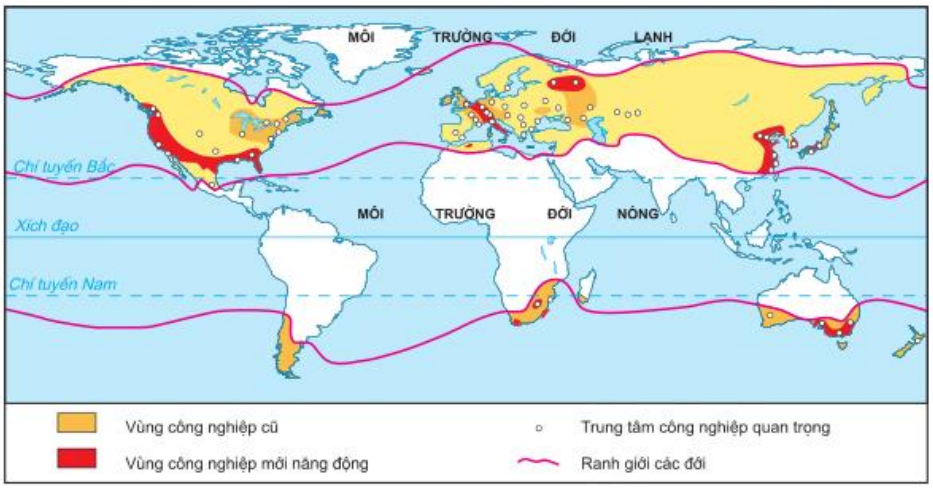

Hình 15.3 - Lược đồ phân bố công nghiệp ở đới ôn hoà

- Quan sát hình 15.3, nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp chính ở đới ôn hoà.

Các trung tâm công nghiệp tập trung trên một lãnh thổ sẽ tạo nên vùng công nghiệp. Các vùng công nghiệp lớn của đới ôn hoà và cũng là của thế giới là vùng Đông Bắc Hoa Kì, vùng Trung tâm nước Anh, vùng Bắc Pháp kéo dài qua Bỉ đến tận vùng Rua của Đức, vùng Tây Bắc I-ta-li-a, vùng Trung tâm của Liên bang Nga, vùng duyên hải Đông Bắc Trung Quốc, vùng Y-ô-cô-ha-ma - Ô-xa-ca của Nhật Bản... Bên cạnh một số vùng công nghiệp phát triển từ cách đây 200 năm như vùng Đông Bắc Hoa Kì... đã xuất hiện những vùng công nghiệp mới, năng động hơn.

Cảnh quan công nghiệp là niềm tự hào của các quốc gia trong đới ôn hoà ; tuy nhiên, các chất thải công nghiệp lại là nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Đới ôn hoà là nơi có nền công nghiệp phát triển sớm nhất, cách đây khoảng 250 năm. 3/4 sản phẩm công nghiệp của thế giới là do đới ôn hoà cung cấp. Công nghiệp chế biến là thế mạnh nổi bật của nhiều nước trong đới ôn hoà. Cảnh quan công nghiệp phổ biến khắp mọi nơi, nhưng cũng lại là nơi tập trung nhiều nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày các ngành công nghiệp chủ yếu ở đới ôn hoà.
2. Cảnh quan công nghiệp ở đới ôn hoà biểu hiện như thế nào ?
3. Quan sát ảnh về cảng sông Đuy-xbua (Đức) và sơ đồ của cảng, phân tích để thấy sự hợp lí trong việc bố trí các khu dân cư (chú ý các mũi tên chỉ hướng gió và hướng dòng chảy).

Hình 15.4 - Cảng Đuy-xbua trên sông Rai-nơ (Đức)

Hình 15.5 - Sơ đồ của cảng Đuy-xbua

Bài 16 : ĐÔ THỊ HOÁ Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Đại bộ phận dân số ở đới ôn hoà sống trong các đô thị lớn, nhỏ. Đô thị hoá ở đới ôn hoà có những nét khác biệt với đô thị hoá ở đới nóng.

1. Đô thị hoá ở mức độ cao

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp và dịch vụ là động lực cuốn hút người dân vào sống trong các đô thị. Đới ôn hoà có tỉ lệ dân đô thị cao, hơn 75% dân cư sinh sống trong các đô thị. Đây còn là nơi tập trung nhiều đô thị nhất trên thế giới.

Các thành phố lớn tăng dân số nhanh, phát triển dần, trở thành các siêu đô thị. Thành phố Niu I-oóc có hơn 21 triệu người, chiếm gần 10% số dân đô thị của Hoa Kì. Thành phố Tô-ki-ô có hơn 27 triệu người, chiếm hơn 27% số dân đô thị của cả nước Nhật. Thành phố Pa-ri có hơn 9,5 triệu dân, chiếm tới 21% số dân đô thị của cả nước Pháp. Các đô thị mở rộng, kết nối với nhau thành các chuỗi đô thị hay chùm đô thị với hàng triệu dân.

Các đô thị của đới ôn hoà phát triển theo quy hoạch. Ở trung tâm đô thị là khu thương mại, dịch vụ với những toà nhà chọc trời được xây dựng bằng đá, xi măng, sắt thép và kính. Hệ thống đường sá với các đường tàu điện ngầm, tàu điện trên không, giao lộ nhiều tầng... toả đi khắp nơi. Phương tiện giao thông di chuyển như mắc cửi.

Ở châu Á và châu Âu, nhiều thành phố vẫn bảo tồn được những toà lâu đài, chùa chiền, thánh đường, nhà thờ, những con đường lát đá và nhiều công trình kiến trúc của những thế kỉ trước.

Các thành phố lớn không chỉ mở rộng, mà còn vươn cả theo chiều cao lẫn chiều sâu. Ngày càng có nhiều đường sá, nhà để xe, kho hàng... được xây dựng ngầm dưới đất.

Lối sống đô thị đã trở thành phổ biến trong phần lớn dân cư ở môi trường đới ôn hoà.

Hình 16.1 - Đô thị cổ A-miêng (Pháp)

Hình 16.2 - Đô thị hiện đại Niu I-oóc (Hoa Kì)

2. Các vấn đề của đô thị

Sự mở rộng, phát triển nhanh của các đô thị lớn đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông trong giờ cao điểm.... Tình trạng thiếu chỗ ở và thiếu các công trình công cộng thường xuyên gây áp lực lên cuộc sống của dân nghèo thành thị. Tại các đô thị lớn của Hoa Kì có tới 3 triệu người vô gia cư, tỉ lệ thất nghiệp ở mức cao (từ 5% đến 10%) trong khi vẫn thiếu nhiều lao động trẻ, có trình độ kĩ thuật.

Hình 16.3 - Khói bụi tạo thành lớp sương mù bao phủ bầu trời

Hình 16.4 - Nạn kẹt xe thường xuyên xảy ra, nhất là vào các giờ cao điểm

Để giải quyết những vấn đề xã hội trong các đô thị, nhiều nước đã tiến hành quy hoạch lại đô thị theo hướng "phi tập trung" : xây dựng nhiều thành phố vệ tinh, chuyển dịch các hoạt động công nghiệp, dịch vụ đến các vùng mới (từ phía bắc xuống phía nam và phía tây ở Hoa Kì, từ phía đông sang phía tây ở Trung Quốc...), đẩy mạnh đô thị hoá nông thôn để giảm áp lực dân số cho các đô thị...

Hơn 75% dân cư đới ôn hoà sống trong các đô thị. Sự phát triển các đô thị được tiến hành theo quy hoạch. Nhiều đô thị mở rộng, kết nối với nhau thành chuỗi đô thị hoặc chùm đô thị. Lối sống đô thị đã trở thành phổ biến.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của các đô thị đã phát sinh nhiều vấn đề nan giải : ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông... Nhiều nước đang quy hoạch lại đô thị theo hướng "phi tập trung" để giảm áp lực cho các đô thị.

Câu hỏi và bài tập

1. Nét đặc trưng của đô thị hoá ở môi trường đới ôn hoà là gì ?
2. Nêu những vấn đề xã hội nảy sinh khi các đô thị phát triển quá nhanh và hướng giải quyết.

Bài 17 : Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà, đặc biệt là ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước đã đến mức báo động. Nguyên nhân là do sự lạm dụng kĩ thuật... và chủ yếu là sự thiếu ý thức bảo vệ môi trường của con người.

1. Ô nhiễm không khí

- Hai ảnh dưới đây gợi cho em những suy nghĩ gì về vấn đề ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà ?

Hình 17.1 - Khí thải ở một khu liên hợp hoá dầu

Hình 17.2 - Cây cối bị chết khô vì mưa axit

Sự phát triển của công nghiệp và các phương tiện giao thông ở đới ôn hoà đòi hỏi phải sử dụng ngày càng nhiều nhiên liệu, làm cho bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề. Hằng năm, các nhà máy và các loại xe cộ hoạt động ở Bắc Mĩ, châu Âu, Đông Bắc Á đã đưa vào khí quyển hàng chục tỉ tấn khí thải. Gió đưa không khí bị ô nhiễm đi xa có khi đến hàng trăm, hàng nghìn kilômét. Hậu quả là tạo nên những trận mưa axit làm chết cây cối, ăn mòn các công trình xây dựng và gây ra các bệnh về đường hô hấp cho con người...

Khí thải làm tăng hiệu ứng nhà kính khiến Trái Đất nóng lên, làm cho khí hậu toàn cầu biến đổi, băng ở hai cực tan chảy, mực nước các đại dương dâng cao, đe doạ cuộc sống của con người ở các đảo và những vùng đất thấp ven biển. Khí thải còn tạo ra lỗ thủng trong tầng ôzôn, gây nguy hiểm cho sức khoẻ của con người.

Sự bất cẩn khi sử dụng năng lượng nguyên tử gây ô nhiễm phóng xạ đưa tới những hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Trước tình trạng đó, hầu hết các nước trên thế giới đã kí Nghị định thư Ki-ô-tô, nhằm cắt giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, bảo vệ bầu không khí trong lành của Trái Đất.

2. Ô nhiễm nước

Các nguồn nước bị ô nhiễm gồm : nước biển, nước sông hồ, nước ngầm...

- Quan sát các ảnh dưới đây kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, nêu một số nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm nước ở đới ôn hoà.

Hình 17.3 - "Thuỷ triều đen" trên Đại Tây Dương do tai nạn của tàu chở dầu

Hình 17.4 - Nước thải từ các nhà máy đổ vào sông ngòi ở ngoại ô Pa-ri (Pháp)

Việc tập trung phần lớn các đô thị vào một dải đất rộng không quá 100 km chạy dọc ven biển đã làm cho nước biển ven bờ bị ô nhiễm nặng.

- Tại sao sự tập trung với mật độ cao các đô thị ở ven biển đới ôn hòa lại dẫn tới ô nhiễm nước biển ven bờ ?

Váng dầu ở các vùng ven biển tạo nên "thuỷ triều đen", cũng là một nguyên nhân quan trọng làm ô nhiễm nước biển.

Hoá chất thải ra từ các nhà máy, lượng phân hoá học và thuốc trừ sâu dư thừa trên đồng ruộng, cùng với chất thải sinh hoạt của các đô thị... làm nhiễm bẩn nguồn nước sông, hồ và nước ngầm trên đất liền. Các chất độc hại đó lại bị đưa ra biển là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng "thuỷ triều đỏ", làm chết ngạt các sinh vật sống trong nước.

Ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước là những vấn đề rất lớn về môi trường ở đới ôn hoà. Các hiện tượng mưa axít, thuỷ triều đỏ, hiệu ứng nhà kính... không những gây hậu quả nghiêm trọng cho đới ôn hoà mà còn cho toàn Trái Đất.

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy nêu những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà.
2. Theo thống kê của các nhà khoa học tại hội nghị về môi trường ở La Hay (Hà Lan) vào cuối năm 2000 thì các nước sau đây có lượng khí thải độc hại bình quân đầu người cao nhất thế giới :

   - Hoa Kì : 20 tấn/năm/người
   - Pháp : 6 tấn/năm/người

   Hãy thể hiện các số liệu trên bằng biểu đồ hình cột.

   Tính tổng lượng khí thải của từng nước nói trên trong năm 2000, cho biết số dân của các nước như sau :

   - Hoa Kì : 281421000 người
   - Pháp : 59330000 người

Bài 18 : THỰC HÀNH

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ

1. Xác định các biểu đồ tương quan nhiệt - ẩm dưới đây thuộc các môi trường nào của đới ôn hoà.

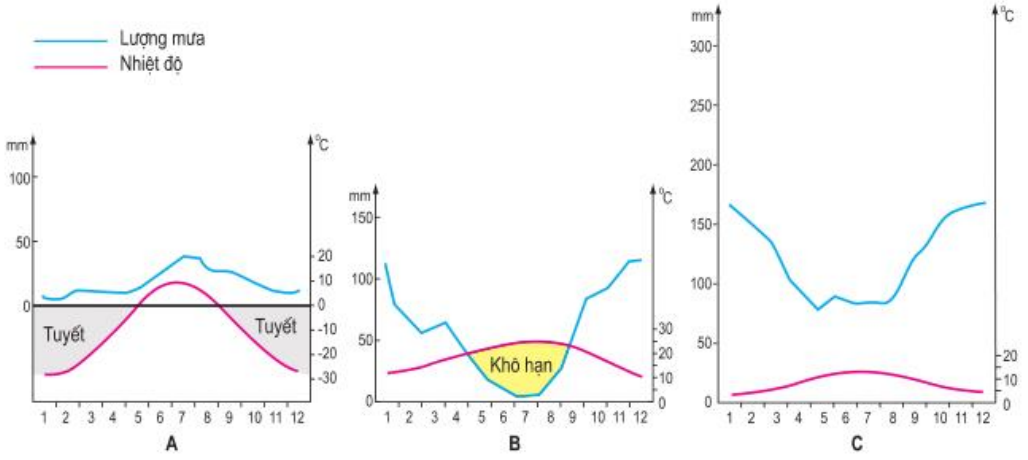

2. Dưới đây là ảnh các kiểu rừng ở đới ôn hoà : rừng hỗn giao, rừng lá kim, rừng lá rộng. Xác định từng ảnh thuộc kiểu rừng nào.

Rừng của Thuỵ Điển vào mùa xuân

Rừng của Pháp vào mùa hạ

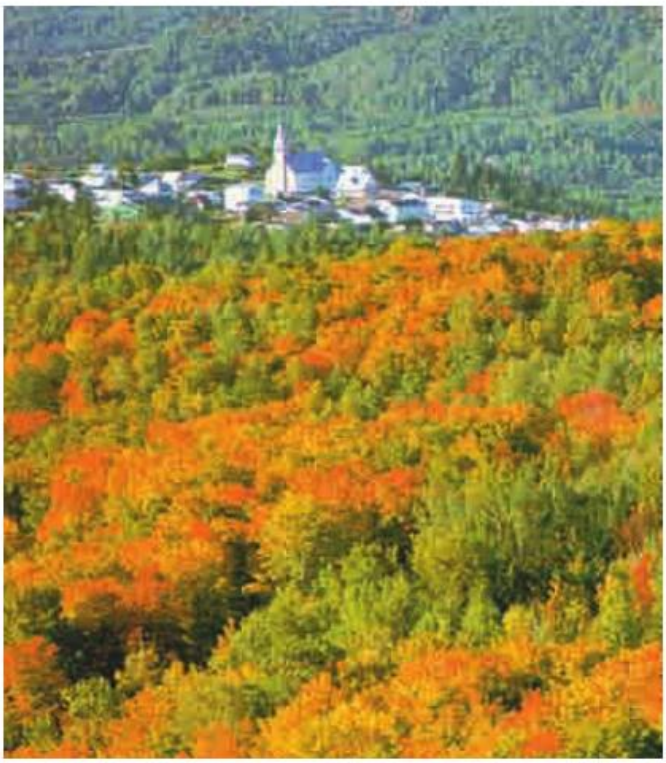

Rừng của Ca-na-đa vào mùa thu

3. Lượng khí thải CO_2 (điôxit cacbon) là nguyên nhân chủ yếu làm cho Trái Đất nóng lên. Cho đến năm 1840, lượng CO_2 trong không khí luôn ổn định ở mức 275 phần triệu (viết tắt là 275 p.p.m). Từ khi bắt đầu cuộc Cách mạng công nghiệp đến nay, lượng CO_2 trong không khí đã không ngừng tăng lên :

Năm 1840 : 275 phần triệu

Năm 1957 : 312 phần triệu

Năm 1980 : 335 phần triệu

Năm 1997 : 355 phần triệu

Vẽ biểu đồ về sự gia tăng lượng CO_2 trong không khí từ năm 1840 đến năm 1997 và giải thích nguyên nhân của sự gia tăng đó.

Chương III

MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Bài 19 : MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

Hoang mạc là nơi có khí hậu hết sức khắc nghiệt và khô hạn. Hoang mạc có ở hầu hết các châu lục và chiếm gần 1/3 diện tích đất nổi của Trái Đất. Diện tích các hoang mạc đang ngày càng mở rộng.

1. Đặc điểm của môi trường

- Quan sát lược đồ hình 19.1, cho biết các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu ?

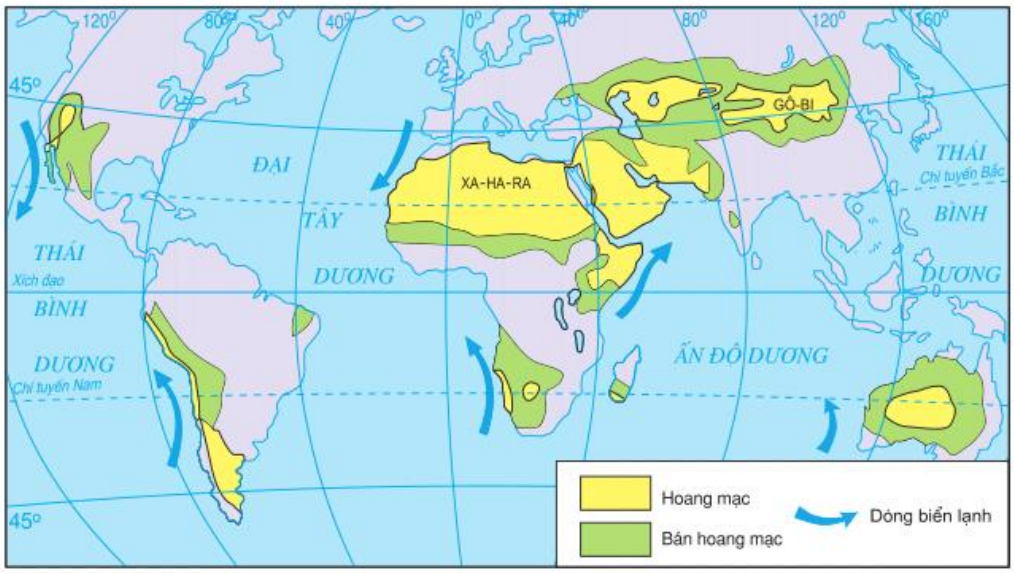

Hình 19.1 - Lược đồ phân bố hoang mạc trên thế giới

Hoang mạc chiếm những diện tích rộng lớn ở châu Á, châu Phi, châu Mĩ và Ô-xtrây-li-a. Phần lớn các hoang mạc nằm dọc theo hai đường chí tuyến và giữa đại lục Á - Âu.

- Qua các hình 19.2 và 19.3, nêu đặc điểm chung của khí hậu hoang mạc và so sánh sự khác nhau về chế độ nhiệt của hoang mạc ở đới nóng và đới ôn hoà.

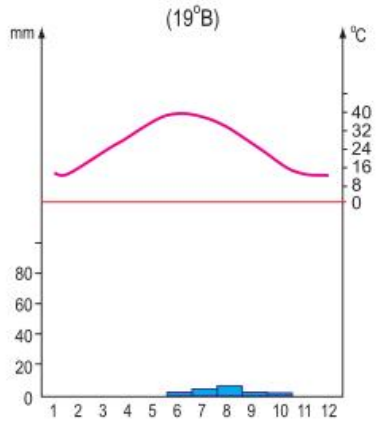

Hình 19.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hoang mạc Xa-ha-ra ở châu Phi

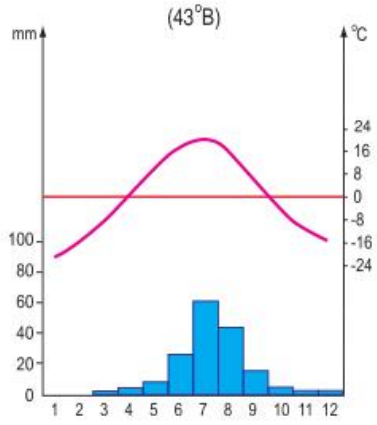

Hình 19.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hoang mạc Gô-bi ở châu Á

Đặc điểm nổi bật của các hoang mạc là tính chất vô cùng khô hạn, vì lượng mưa trong năm rất thấp trong khi lượng bốc hơi lại rất lớn. Có nơi nhiều năm liền không mưa hoặc mưa rơi chưa đến mặt đất đã bốc hơi hết.

Ở hoang mạc, sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn, hơn nhiều so với sự chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa trong năm.

- Mô tả quang cảnh hoang mạc qua các ảnh dưới đây.

Hình 19.4 - Hoang mạc cát và ốc đảo ở châu Phi

Hình 19.5 - Hoang mạc ở Bắc Mĩ

Phần lớn bề mặt các hoang mạc bị sỏi đá hay những cồn cát bao phủ. Thực vật thiếu nước nên cằn cỗi, thưa thớt. Động vật trong hoang mạc rất hiếm, phần lớn là các loài bò sát và côn trùng. Dân cư chỉ tập trung ở các ốc đảo là nơi có mạch nước ngầm lộ ra sát mặt đất.

2. Sự thích nghi của thực, động vật với môi trường

Thực vật và động vật thích nghi với sự khô hạn của hoang mạc bằng cách tự hạn chế sự thoát nước, đồng thời tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể. Một số loài cây rút ngắn chu kì sinh trưởng cho phù hợp với thời kì có mưa ngắn ngủi trong năm. Một số khác, lá biến thành gai hay lá bọc sáp để hạn chế sự thoát hơi nước. Một vài loài cây dự trữ nước trong thân như cây xương rồng nến khổng lồ ở Bắc Mĩ hay cây có thân hình chai ở Nam Mĩ. Phần lớn các loài cây trong hoang mạc có thân lùn thấp nhưng bộ rễ rất to và dài để có thể hút được nước dưới sâu.

Bò sát và côn trùng sống vùi mình trong cát hoặc trong các hốc đá. Chúng chỉ ra ngoài kiếm ăn vào ban đêm. Linh dương, lạc đà... sống được là nhờ có khả năng chịu đói khát và đi xa tìm thức ăn, nước uống. Chính các cách thích nghi với điều kiện khô hạn đã tạo nên sự độc đáo của thế giới thực, động vật ở hoang mạc.

Hoang mạc chiếm một diện tích khá lớn trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu nằm dọc theo hai đường chí tuyến. Khí hậu ở đây hết sức khô hạn, khắc nghiệt. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn. Do thiếu nước nên thực vật cằn cỗi, động vật hiếm hoi. Các loài thực vật và động vật trong hoang mạc thích nghi với môi trường khô hạn khắc nghiệt bằng cách tự hạn chế sự mất nước, tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể...

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các đặc điểm của khí hậu hoang mạc.
2. Thực vật và động vật ở hoang mạc thích nghi với môi trường khắc nghiệt, khô hạn như thế nào ?

Bài 20 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Hoang mạc tuy khô khan, cát đá mênh mông nhưng con người vẫn sinh sống ở đó từ lâu đời. Ngày nay, nhờ những tiến bộ kĩ thuật, con người đang ngày càng tiến sâu vào chinh phục và khai thác hoang mạc.

1. Hoạt động kinh tế

Do trồng trọt khó khăn nên hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc sống trong hoang mạc chủ yếu là chăn nuôi du mục. Họ nuôi dê, cừu, lạc đà... và đưa đàn gia súc đi từ nơi này đến nơi khác để tìm nguồn nước, nguồn thức ăn.

- Quan sát các ảnh dưới đây, cho biết : Ngoài chăn nuôi du mục ở hoang mạc còn có hoạt động kinh tế cổ truyền nào khác ?

Hình 20.1 - Quang cảnh trong ốc đảo

Hình 20.2 - Đoàn lạc đà chở hàng hoá qua hoang mạc

Một số dân tộc dùng lạc đà để vận chuyển hàng hoá và buôn bán xuyên qua các hoang mạc rộng lớn. Một vài dân tộc khác sống định cư trong các ốc đảo ; họ trồng chà là, cam, chanh, lúa mạch, rau đậu... trên những mảnh vườn nhỏ và chăn nuôi dê, cừu...

- Quan sát các ảnh dưới đây, phân tích vai trò của kĩ thuật khoan sâu trong việc làm biến đổi bộ mặt của hoang mạc.

Hình 20.3 - Hệ thống tưới nước tự động, cải tạo hoang mạc thành đồng ruộng (Li-bi)

Hình 20.4 - Một khu khai thác dầu mỏ trong hoang mạc Xa-ha-ra (An-giê-ri)

Trong những năm gần đây, với sự tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu, người ta đã phát hiện được các mỏ dầu khí lớn, các mỏ khoáng sản và các túi nước ngầm trong lòng đất các hoang mạc. Nhờ đó, con người đã tiến vào khai thác và làm biến đổi bộ mặt của nhiều vùng đất hoang mạc như ở Tây Nam Hoa Kì, Trung Đông, bán đảo Ả Rập, Bắc Phi và Trung Á. Sự phát triển của hoạt động du lịch cũng đem lại nguồn lợi lớn cho người dân ở hoang mạc.

2. Hoang mạc đang ngày càng mở rộng

Ranh giới của các hoang mạc luôn thay đổi. Diện tích hoang mạc trên thế giới ngày càng mở rộng, một phần do cát lấn hoặc do biến động của khí hậu toàn cầu, nhưng chủ yếu là do tác động của con người.

- Nêu một số thí dụ cho thấy những tác động của con người đã làm tăng diện tích hoang mạc trên thế giới.

Hiện nay, quá trình hoang mạc hoá làm mất đi khoảng 10 triệu ha đất trồng mỗi năm. Các hoang mạc đới nóng có mùa khô kéo dài cũng là những nơi có tốc độ mở rộng diện tích nhanh nhất.

Hình 20.5 - Một vùng đất ở rìa hoang mạc Xa-ha-ra bị cát lấn

- Nêu một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển của hoang mạc.

Hình 20.6 - Khu rừng chống nạn cát bay từ hoang mạc
(Tây Bắc Trung Quốc)

Hoa Kì và các nước Ả Rập... đã tiến hành cải tạo hoang mạc thành đất trồng theo quy mô lớn. Tuy nhiên, các kế hoạch này hết sức tốn kém. Vì thế phần lớn các quốc gia vẫn chỉ sử dụng những phương pháp khai thác nước ngầm cổ truyền và trồng rừng để ngăn chặn hoang mạc mở rộng.

Hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc sống trong hoang mạc là chăn nuôi du mục và trồng trọt trong ốc đảo. Ngày nay, với sự tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu... con người đang tiến vào khai thác các hoang mạc. Diện tích hoang mạc trên thế giới vẫn đang tiếp tục mở rộng.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày các hoạt động kinh tế cổ truyền và kinh tế hiện đại trong các hoang mạc ngày nay.
2. Nêu một số biện pháp đang được sử dụng để khai thác hoang mạc và hạn chế quá trình hoang mạc mở rộng trên thế giới.

Chương IV

MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI LẠNH

Bài 21 : MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH

Đới lạnh là xứ sở của băng tuyết, khí hậu rất khắc nghiệt. Cho đến nay, còn nhiều điều chúng ta chưa biết về môi trường đới lạnh.

1. Đặc điểm của môi trường

Đới lạnh nằm trong khoảng từ hai vòng cực đến hai cực.

- Quan sát các hình 21.1, 21.2 và 21.3, hãy :

+ Tìm ranh giới của môi trường đới lạnh ở hai bán cầu.

+ Nêu diễn biến nhiệt độ và lượng mưa trong năm ở đới lạnh.

Đới lạnh có khí hậu vô cùng khắc nghiệt. Mùa đông rất dài, hiếm khi thấy Mặt Trời và thường có bão tuyết dữ dội kèm theo cái lạnh cắt da. Nhiệt độ trung bình luôn dưới -10°C, thậm chí xuống đến -50°C.

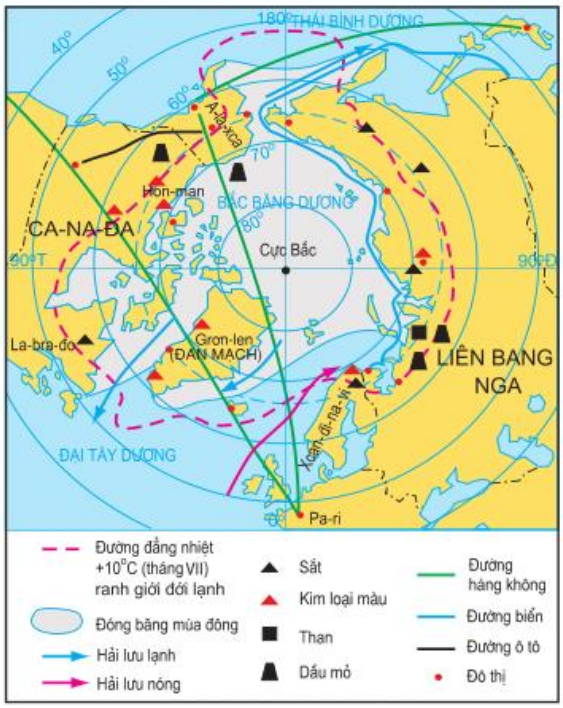

Hình 21.1 - Lược đồ môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực

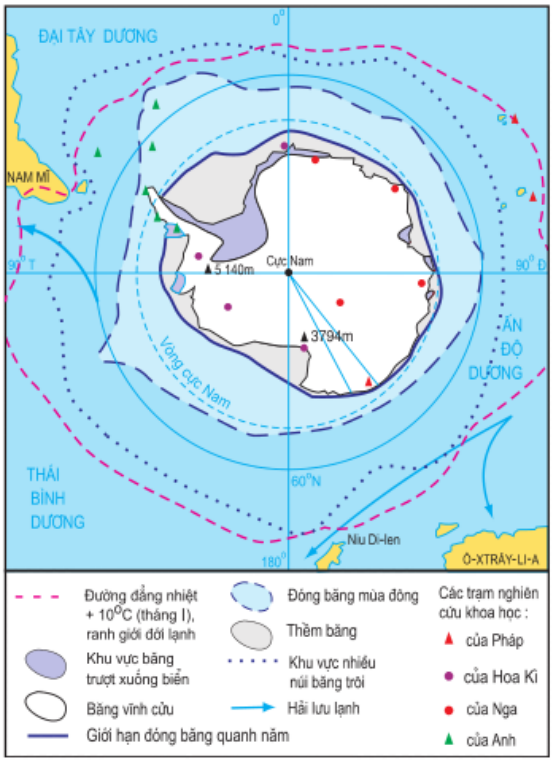

Hình 21.2 - Lược đồ môi trường đới lạnh ở vùng Nam Cực

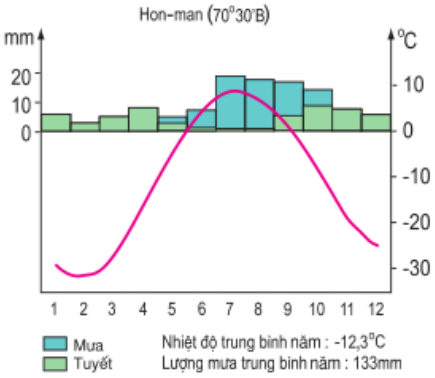

Hình 21.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon-man (Ca-na-đa)

Mùa hạ thật sự chỉ dài 2 - 3 tháng. Mặt Trời di chuyển là là suốt ngày đêm ở đường chân trời, có nơi đến 6 tháng liền. Trong thời gian này, nhiệt độ có tăng lên nhưng cũng ít khi vượt quá 10°C.

Lượng mưa trung bình năm rất thấp (dưới 500mm) và chủ yếu ở dạng tuyết rơi (trừ mùa hạ). Đất đóng băng quanh năm, chỉ tan một lớp mỏng trên mặt khi mùa hạ đến.

Ở vùng Bắc Cực, mặt biển đóng một lớp băng dày đến 10m. Vào mùa hạ, biển băng vỡ ra, hình thành các tảng băng trôi. Ở châu Nam Cực và đảo Grơn-len, băng tuyết đóng thành khiên băng dày hơn 1500m. Đến mùa hạ, rìa các khiên băng trôi trượt xuống biển, vỡ ra thành những núi băng khổng lồ. Nhiều núi băng trôi theo các dòng biển về phía xích đạo hàng năm trời vẫn chưa tan hết.

- Quan sát các hình 21.4 và 21.5, so sánh sự khác nhau giữa núi băng và băng trôi.

Hình 21.4 - Núi băng

Hình 21.5 - Băng trôi

Hiện nay, Trái Đất đang nóng lên, băng ở hai vùng cực tan chảy bớt, diện tích phủ băng thu hẹp lại.

2. Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường

Hình 21.6 - Đài nguyên Bắc Âu vào mùa hạ

Hình 21.7 - Đài nguyên Bắc Mĩ vào mùa hạ

Hình 21.8 - Tuần lộc

Hình 21.9 - Chim cánh cụt

Hình 21.10 - Hải cẩu

Ở vùng đài nguyên phương Bắc, khí hậu lạnh quanh năm, thực vật chỉ phát triển được vào mùa hạ ngắn ngủi, trong những thung lũng kín gió. Cây cối còi cọc, thấp lùn, mọc xen lẫn với rêu, địa y...

Các loài động vật ở đới lạnh thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt nhờ có lớp mỡ dày (hải cẩu, cá voi...), lớp lông dày (gấu trắng, cáo bạc, tuần lộc...) hoặc bộ lông không thấm nước (chim cánh cụt...). Chúng thường sống thành đàn đông đúc để bảo vệ và sưởi ấm cho nhau. Một số loài dùng hình thức ngủ đông để đỡ tiêu hao năng lượng, số khác di cư đến nơi ấm áp để tránh cái lạnh giá buốt trong mùa đông. Cuộc sống ở đới lạnh sinh động hẳn lên vào mùa hạ khi cây cỏ, rêu, địa y... nở rộ trên đất liền và các sinh vật phù du phát triển mạnh trong đại dương đã tan lớp băng trên mặt, đó là nguồn thức ăn dồi dào cho các loài chim, thú, cá...

Đới lạnh nằm trong khoảng từ hai vòng cực về phía hai cực, có khí hậu vô cùng lạnh lẽo. Vùng đài nguyên nằm ven biển gần Bắc cực có các loài thực vật đặc trưng là rêu, địa y... và một số loài cây thấp lùn. Động vật thích nghi được với khí hậu lạnh nhờ có lớp mỡ, lớp lông dày hoặc bộ lông không thấm nước. Một số động vật di cư để tránh mùa đông lạnh, số khác lại ngủ suốt mùa đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Tính chất khắc nghiệt của khí hậu đới lạnh thể hiện như thế nào ?
2. Tại sao lại nói đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất ?
3. Giới thực vật và động vật ở đới lạnh có gì đặc biệt ?
4. Đoạn văn sau đây mô tả cuộc sống trong ngôi nhà băng của người I-nuc (E-xki-mô). Cho biết người I-nuc đã thích nghi với mùa đông giá lạnh như thế nào ?

"Cuộc sống trong ngôi nhà băng thật chẳng tiện nghi chút nào nhưng con người vẫn phải sống cho qua mùa đông giá lạnh từ -30°C đến -40°C. Nhà băng là nơi cư trú tốt nhất cho người I-nuc, các chú chó và lương thực của họ. Nhờ có ngọn đèn mỡ hải cẩu thắp liên tục, nhiệt độ trong nhà luôn duy trì từ 0°C đến 2°C. Vào nhà, người ta phải cởi bỏ bộ quần áo khoác ngoài bằng da và lông thú đã lạnh cứng lại, để tránh băng tan làm ướt người. Cơ thể cần luôn khô ráo mới chống được cái lạnh. Đối với chúng tôi, điều đáng sợ nhất trong ngôi nhà là sự hỗn tạp của hơi người, mùi thịt cá tươi, mùi lông chó, mùi mỡ hải cẩu cháy và mùi bếp núc. Trên trần chỉ có một lỗ thông hơi nhỏ cho cả ngôi nhà đông đúc, lối ra vào đã bị đống quần áo nút kín lại".

(*Theo* P.E. Vic-to)

Hình 21.11 - Ngôi nhà băng của người I-nuc ở Bắc Mĩ.

Bài 22 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI LẠNH

Bất chấp cái lạnh và băng tuyết, nhiều dân tộc đã sinh sống ở phương Bắc từ hàng nghìn năm nay. Họ chăn nuôi, đánh cá hoặc săn bắn. Ngày nay, với phương tiện kĩ thuật hiện đại, con người đã bắt đầu khai thác các tài nguyên ở vùng cực.

1. Hoạt động kinh tế của các dân tộc ở phương Bắc

- Quan sát hình 22.1, cho biết :

+ Có các dân tộc nào sinh sống ở đới lạnh phương Bắc ?

+ Địa bàn cư trú của các dân tộc sống bằng nghề chăn nuôi và địa bàn cư trú của các dân tộc sống bằng nghề săn bắt.

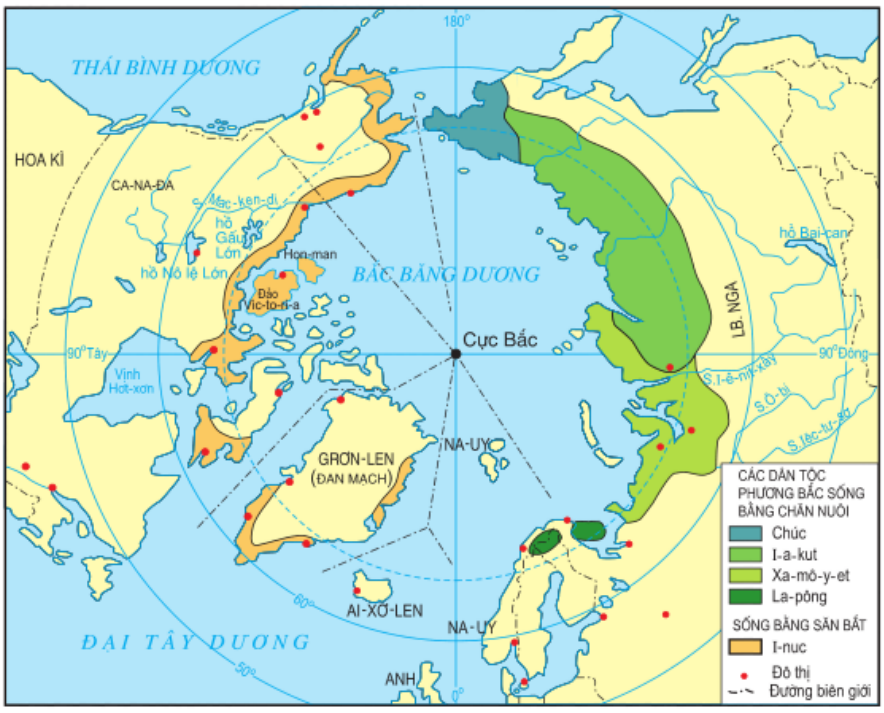

Hình 22.1 - Lược đồ địa bàn cư trú của các dân tộc ở môi trường đới lạnh phương Bắc

Khí hậu khắc nghiệt, lạnh lẽo khiến cho đới lạnh là nơi có rất ít dân. Dù đã thích nghi, các dân tộc sống lâu đời ở phương Bắc cũng chỉ sống được trong các đài nguyên ven biển phía bắc châu Âu, châu Á và Bắc Mĩ. Người La-pông ở Bắc Âu và người Chúc, người I-a-kut, người Xa-mô-y-et ở Bắc Á sống bằng nghề chăn nuôi tuần lộc và săn thú có lông quý. Người I-nuc ở Bắc Mĩ và ở đảo Grơn-len sống bằng nghề đánh bắt cá hoặc săn bắn tuần lộc, hải cẩu, gấu trắng... để lấy mỡ, thịt và da. Họ di chuyển trên các xe trượt do chó kéo.

Hình 22.2 - Người La-pông ở Bắc Âu đang chăn dắt đàn tuần lộc

Hình 22.3 - Người I-nuc câu cá qua một hố băng

2. Việc nghiên cứu và khai thác môi trường

Đới lạnh là nơi có nguồn tài nguyên phong phú : hải sản, thú có lông quý, khoáng sản (đồng, uranium, kim cương, kẽm, vàng, dầu mỏ...) nhưng điều kiện khai thác rất khó khăn. Gần đây, nhờ các phương tiện vận chuyển hiện đại và kĩ thuật tiên tiến, con người đã có thể tiến sâu vào vùng cực để nghiên cứu khoa học hoặc khai thác tài nguyên. Nhiều thành phố và các trang trại chăn nuôi thú có lông quý được xây dựng ở vùng gần cực.

Tuy nhiên, việc săn bắt quá mức đã làm cho cá voi và nhiều loài thú có lông quý đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.

Hình 22.4 - Dàn khoan dầu mỏ trên biển băng phương Bắc

Hình 22.5 - Khoan thăm dò trên lục địa Nam Cực

Bảo vệ các loài động vật bị đe doạ tuyệt chủng và giải quyết sự thiếu nhân lực là hai vấn đề lớn đang đặt ra cho đới lạnh.

Đới lạnh là nơi có ít người sinh sống nhất trên Trái Đất. Hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở đới lạnh phương Bắc là chăn nuôi tuần lộc, đánh bắt cá, săn thú có lông quý để lấy mỡ, thịt và da. Ngày nay, con người đang nghiên cứu để khai thác tài nguyên ở đới lạnh. Hai vấn đề lớn phải giải quyết là thiếu nhân lực và nguy cơ tuyệt chủng của một số loài động vật quý.

Câu hỏi và bài tập

1. Kể tên những hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở phương Bắc.
2. Đới lạnh có những nguồn tài nguyên chính nào ? Tại sao cho đến nay nhiều tài nguyên của đới lạnh vẫn chưa được khai thác ?
3. Cho những cụm từ : khí hậu rất lạnh, băng tuyết phủ quanh năm, thực vật rất nghèo nàn, rất ít người sinh sống, hãy lập một sơ đồ theo mẫu thể hiện mối quan hệ giữa môi trường và con người ở đới lạnh.

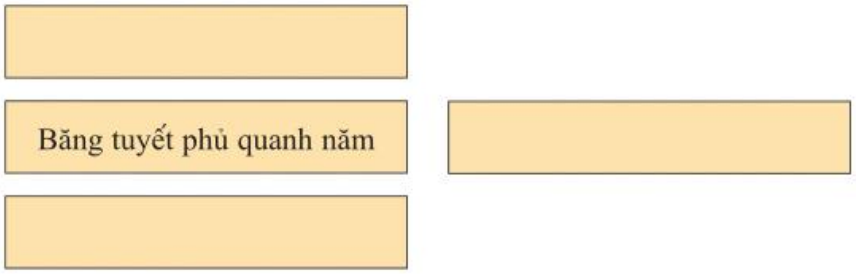

Chương V

MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

Bài 23 : MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI

Môi trường vùng núi có khí hậu và thực vật thay đổi theo độ cao và theo hướng của sườn núi. Càng lên cao, không khí càng loãng và càng lạnh làm cho quang cảnh tự nhiên và cuộc sống của con người ở các vùng núi có nhiều điểm khác biệt so với ở đồng bằng.

1. Đặc điểm của môi trường

Ở vùng núi, khí hậu và thực vật thay đổi theo độ cao. Càng lên cao không khí càng loãng dần, cứ lên cao 100m nhiệt độ không khí lại giảm 0,6^{o}C. Từ trên độ cao khoảng 3000m ở đới ôn hoà và khoảng 5500m ở đới nóng là nơi có băng tuyết phủ vĩnh viễn.

Sự thay đổi nhiệt độ, độ ẩm không khí từ chân núi lên đỉnh núi đã tạo nên sự phân tầng thực vật theo độ cao, gần giống như khi chúng ta đi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao.

Hình 23.1 - Quang cảnh vùng núi Hi-ma-lay-a ở Nê-pan

- Quan sát hình 23.2, nhận xét về sự phân tầng thực vật ở hai sườn của dãy núi An-pơ. Cho biết nguyên nhân.

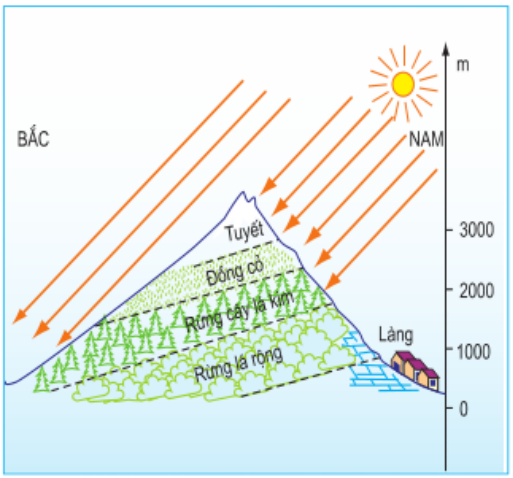

Hình 23.2 - Sơ đồ phân tầng thực vật theo độ cao ở dãy núi An-pơ thuộc châu Âu

Khí hậu và thực vật còn thay đổi theo hướng của sườn núi. Những sườn núi đón gió ẩm thường có mưa nhiều, cây cối tốt tươi hơn so với sườn khuất gió hoặc đón gió lạnh. Ở đới ôn hoà, trên những sườn núi đón ánh nắng, cây cối phát triển lên đến những độ cao lớn hơn phía sườn khuất nắng.

Trên các sườn núi có độ dốc lớn dễ xảy ra lũ quét, lở đất... khi mưa to kéo dài, đe doạ cuộc sống của người dân sống ở các thung lũng phía dưới. Độ dốc lớn còn gây trở ngại cho việc đi lại và khai thác tài nguyên ở vùng núi.

2. Cư trú của con người

Các vùng núi trên thế giới thường là nơi cư trú của các dân tộc ít người. Do độ dốc lớn, đi lại khó khăn, nên họ thường sống rải rác men theo sườn núi hay dưới thung lũng. Các dân tộc ở miền núi châu Á thường sống ở vùng núi thấp có khí hậu mát mẻ và nhiều lâm sản. Các dân tộc ở miền núi Nam Mĩ lại ưa sống ở độ cao trên 3000m là nơi có nhiều vùng đất bằng phẳng, thuận tiện cho việc trồng trọt và chăn nuôi. Ở vùng Sừng châu Phi có khí hậu nóng và khô, người Ê-ti-ô-pi-a sống tập trung trên các sườn núi cao chắn gió có nhiều mưa, khí hậu mát mẻ trong lành.

Khí hậu và thực vật ở vùng núi thay đổi theo độ cao. Sự phân tầng thực vật thành các đai cao ở vùng núi cũng gần giống như khi đi từ vùng vĩ độ thấp lên vùng vĩ độ cao.

Các vùng núi thường là nơi thưa dân. Người dân ở những vùng núi khác nhau trên Trái Đất có những đặc điểm cư trú khác nhau.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày sự thay đổi của thảm thực vật theo độ cao, theo hướng sườn ở vùng núi An-pơ.
2. Quan sát hình 23.3, nhận xét về sự thay đổi của các vành đai thực vật ở vùng núi đới nóng và vùng núi đới ôn hoà. Giải thích.

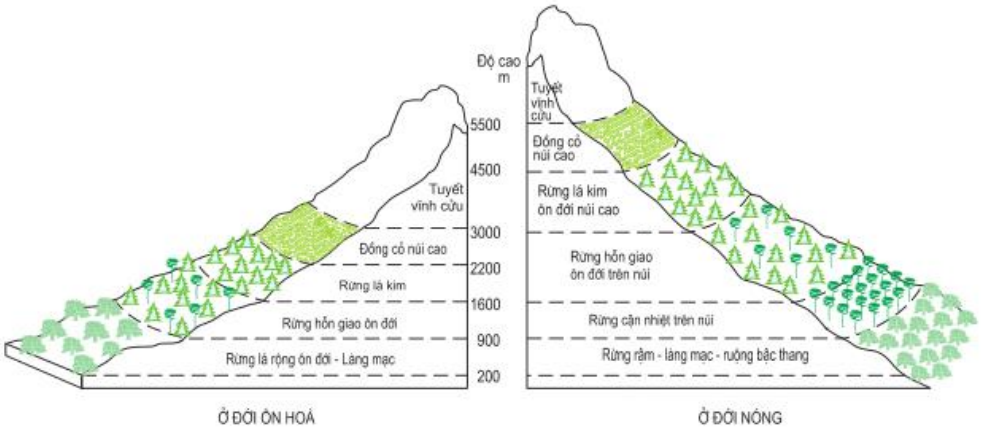

Hình 23.3 - Phân tầng thực vật theo độ cao ở đới ôn hoà và đới nóng

Bài 24 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

Ngày nay, nhờ sự phát triển lưới điện và đường giao thông... vùng núi đã giảm dần sự cách biệt với vùng đồng bằng và vùng ven biển. Bộ mặt nhiều vùng núi đang thay đổi nhanh chóng.

1. Hoạt động kinh tế cổ truyền

- Quan sát các ảnh dưới đây kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, kể tên một số hoạt động kinh tế cổ truyền ở vùng núi.

Hình 24.1 - Chăn nuôi lạc đà Lama trên một vùng núi ở Nam Mĩ

Hình 24.2 - Làm nghề thủ công trong một vùng núi ở châu Âu

Người dân ở các vùng núi trên thế giới thường sống dựa vào trồng trọt, chăn nuôi, khai thác và chế biến lâm sản. Hình thức trồng trọt và chăn nuôi cũng như các loại cây trồng và vật nuôi hết sức đa dạng, có sự khác nhau giữa các châu lục và các địa phương, phù hợp với môi trường tự nhiên của từng vùng núi. Ngoài chăn nuôi và trồng trọt, người dân vùng núi còn làm các nghề thủ công như chế biến thực phẩm, dệt vải hoặc dệt len, làm đồ mĩ nghệ... Nền kinh tế vùng núi phần lớn mang tính chất tự cung tự cấp, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Một số sản phẩm thủ công của vùng núi được ưa chuộng ở cả trong nước và ngoài nước do chúng mang đậm sắc thái của từng dân tộc.

2. Sự thay đổi kinh tế - xã hội

Bộ mặt của nhiều vùng núi trên thế giới biến đổi nhanh chóng từ khi xuất hiện các tuyến đường ô tô, đường sắt, đường hầm xuyên núi... giúp cho việc trao đổi hàng hoá, giảm bớt sự cách trở giữa vùng núi với vùng đồng bằng và vùng

ven biển. Các đập thuỷ điện được xây dựng ở vùng núi đã cung cấp năng lượng, đẩy nhanh quá trình khai thác tài nguyên khoáng sản, hình thành các khu công nghiệp và khu dân cư mới. Du lịch và nghỉ dưỡng cùng các hoạt động thể thao (trượt tuyết, leo núi...) đem lại nguồn lợi lớn cho nhiều vùng núi. Tuy nhiên, phần lớn các vùng núi trên thế giới vẫn còn trong tình trạng chậm phát triển.

Sự phát triển kinh tế ở các vùng núi cũng đặt ra nhiều vấn đề về môi trường : Các rừng cây bị triệt hạ. Chất thải từ các hầm mỏ, các khu công nghiệp quanh các nhà máy thuỷ điện, các khu nghỉ mát làm ô nhiễm nguồn nước, là mầm bệnh làm ảnh hưởng tới sức khoẻ của người dân ở các đô thị nằm ven sông. Lượng du khách ngày càng lớn đã tác động tiêu cực tới khung cảnh thiên nhiên. Nhiều ngành kinh tế cổ truyền và bản sắc văn hoá dân tộc ở một số vùng núi có nguy cơ bị mai một dần.

- Tại sao phát triển giao thông và điện lực lại là những việc cần làm trước để biến đổi bộ mặt của các vùng núi ?

Hình 24.3 - Đường ô tô vượt qua một vùng núi hiểm trở của châu Á

Hình 24.4 - Một đập thuỷ điện trong vùng núi ở châu Âu

Trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất hàng thủ công, khai thác và chế biến lâm sản... là những hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ít người ở vùng núi. Các hoạt động kinh tế này hết sức đa dạng và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng nơi. Nhờ phát triển giao thông và điện lực... nhiều ngành kinh tế mới đã xuất hiện, làm cho bộ mặt nhiều vùng núi biến đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, ở một số nơi sự phát triển này đã tác động tiêu cực đến môi trường, đến bản sắc văn hoá của các dân tộc ở vùng núi.

Câu hỏi và bài tập

1. Cho biết một số hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở vùng núi. Tại sao các hoạt động kinh tế này lại đa dạng và không giống nhau giữa các địa phương, các châu lục ?
2. Sự phát triển kinh tế của các vùng núi đã đặt ra những vấn đề gì về môi trường ?

Phần ba

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC

Bài 25 : THẾ GIỚI RỘNG LỚN VÀ ĐA DẠNG

Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng. Bề mặt Trái Đất có các lục địa và các đại dương. Trên các châu lục có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau về điều kiện tự nhiên, về kinh tế - xã hội và văn hoá...

1. Các lục địa và các châu lục

Trong cuộc sống và học tập, chúng ta thường gặp hai khái niệm : lục địa và châu lục. Hai khái niệm này khác nhau như thế nào ?

Lục địa là khối đất liền rộng hàng triệu ki lô mét vuông, có biển và đại dương bao quanh. Sự phân chia các lục địa mang ý nghĩa về mặt tự nhiên là chính. Trên thế giới có sáu lục địa là lục địa Á - Âu, lục địa Phi, lục địa Bắc Mĩ, lục địa Nam Mĩ, lục địa Ô-xtrây-li-a, lục địa Nam Cực và bốn đại dương là Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương.

- Quan sát bản đồ thế giới (hoặc quả Địa Cầu) :

+ Xác định vị trí của sáu lục địa.

+ Nêu tên các đại dương bao quanh từng lục địa.

Châu lục bao gồm phần lục địa và các đảo, quần đảo chung quanh. Sự phân chia này chủ yếu mang ý nghĩa lịch sử, kinh tế, chính trị. Trên thế giới có sáu châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mĩ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

- Quan sát bản đồ thế giới, kể tên một số đảo và quần đảo lớn nằm chung quanh từng lục địa.

2. Các nhóm nước trên thế giới

Hiện nay, trên thế giới có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ (1).

Châu lục	Số quốc gia
Châu Á	47
Châu Âu	43
Châu Phi	54
Châu Mĩ	35
Châu Đại Dương	14
Châu Nam Cực	0

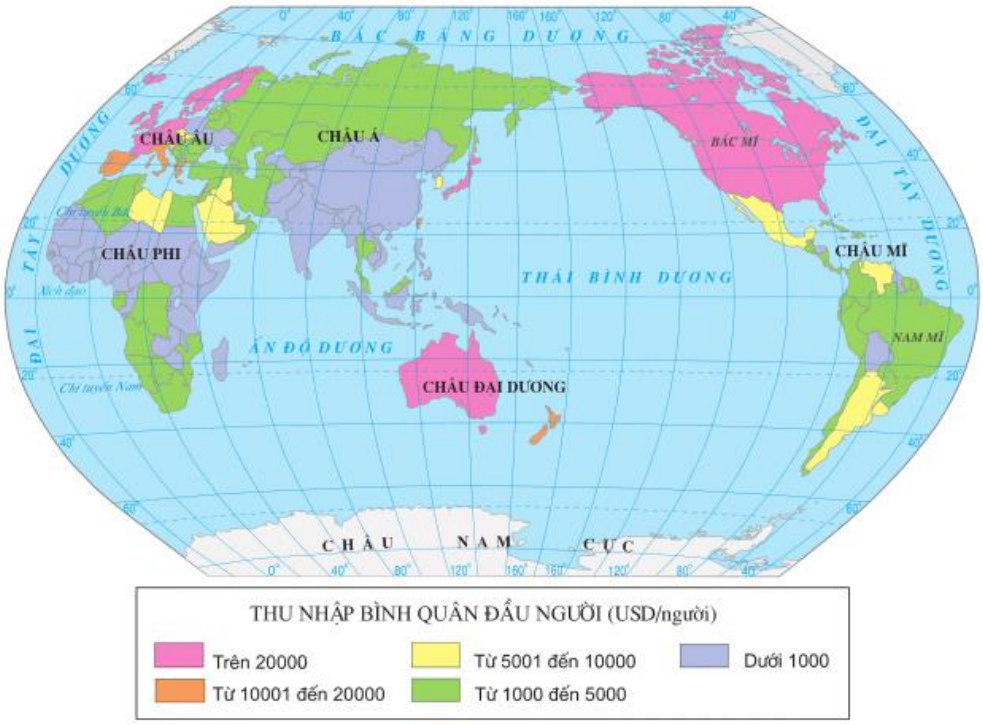

Hình 25.1 - Lược đồ thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia trên thế giới (năm 2000)

(1) Theo *Tập bản đồ thế giới và các châu lục*. Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục - 2001.

Người ta thường dựa vào các chỉ tiêu : thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ tử vong của trẻ em ... hoặc chỉ số phát triển con người (HDI) để phân loại các quốc gia trên thế giới và đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của từng nước, từng châu lục.

Các quốc gia phát triển có thu nhập bình quân đầu người trên 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong của trẻ em thường rất thấp và chỉ số phát triển con người từ 0,7 đến gần bằng 1.

Các quốc gia đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người dưới 20000 USD/năm, tỉ lệ tử vong của trẻ em thường khá cao và chỉ số phát triển con người dưới 0,7.

Ngoài ra, còn có các cách phân loại khác. Thí dụ, căn cứ vào cơ cấu kinh tế, người ta chia các quốc gia trên thế giới ra các nhóm nước : nước công nghiệp, nước nông nghiệp...

Trên thế giới, có sáu châu lục với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau.

Người ta thường dựa vào các chỉ tiêu : thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ tử vong của trẻ em ... hoặc chỉ số phát triển con người để phân loại các quốc gia vào nhóm nước phát triển hay nhóm nước đang phát triển.

Câu hỏi và bài tập

1. Tại sao nói "Thế giới chúng ta đang sống thật rộng lớn và đa dạng" ?
2. Dựa vào kiến thức đã học và các số liệu trong bảng, sắp xếp các quốc gia sau đây thành hai nhóm : các nước phát triển và các nước đang phát triển (số liệu năm 1997).

Tên nước	Thu nhập bình quân đầu người (USD)	HDI	Tỉ lệ tử vong của trẻ em (‰)
Hoa Kì	29010	0,827	7
An-giê-ri	4460	0,665	34
Đức	21260	0,906	5
A-rập Xê-ut	10120	0,740	24
Bra-xin	6480	0,739	37

Chương VI

CHÂU PHI

Bài 26 : THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi nằm trong đới nóng, có khí hậu nóng và khô. Châu Phi ngăn cách với châu Âu bởi Địa Trung Hải, với châu Á bởi Biển Đỏ và kênh đào Xuy-ê.

1. Vị trí địa lí

- Quan sát hình 26.1 :

+ Cho biết châu Phi tiếp giáp với các biển và đại dương nào ?

+ Xích đạo đi qua phần nào của châu lục ?

+ Lãnh thổ châu Phi chủ yếu thuộc môi trường nào ?

Châu Phi là châu lục lớn thứ ba trên thế giới, sau châu Á và châu Mĩ. Diện tích hơn 30 triệu km^2. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam, vì vậy châu Phi có khí hậu nóng quanh năm.

Bao bọc quanh châu Phi là các đại dương và biển : Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Địa Trung Hải, Biển Đỏ. Phía đông bắc, châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất Xuy-ê. Người ta đã đào kênh Xuy-ê cắt qua eo đất này, thông Địa Trung Hải với Biển Đỏ.

Đường bờ biển châu Phi ít bị chia cắt, rất ít các vịnh biển, bán đảo và đảo ; lớn hơn cả là đảo Ma-đa-ga-xca và bán đảo Xô-ma-li.

- Quan sát hình 26.1 :

+ Nêu tên các dòng biển nóng, các dòng biển lạnh chảy ven bờ biển châu Phi.

+ Cho biết ý nghĩa của kênh đào Xuy-ê đối với giao thông đường biển trên thế giới.

2. Địa hình và khoáng sản

- Quan sát hình 26.1 :

+ Cho biết ở châu Phi dạng địa hình nào là chủ yếu.

+ Nhận xét về sự phân bố của địa hình đồng bằng ở châu Phi.

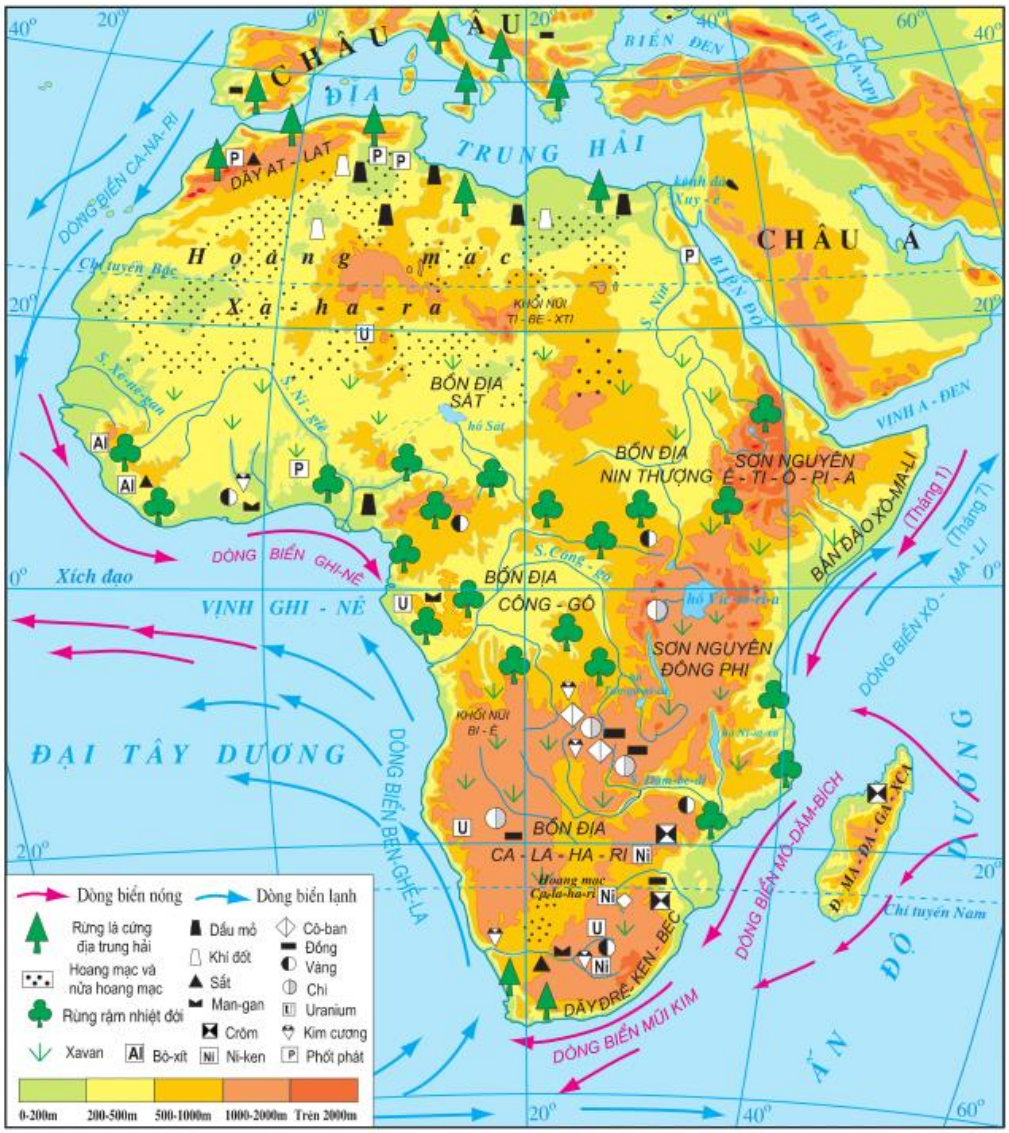

Hình 26.1 - Lược đồ tự nhiên châu Phi

Địa hình châu Phi khá đơn giản. Có thể coi toàn bộ lục địa là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750 m ; trên đó chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp. Phần đông của lục địa được nâng lên mạnh, nền đá bị nứt vỡ và đổ sụp, tạo thành nhiều thung lũng sâu, nhiều hồ hẹp và dài. Châu Phi có rất ít núi cao và đồng bằng thấp.

- Xác định trên hình 26.1 :

+ Các bồn địa và sơn nguyên, các hồ, các dãy núi chính của châu Phi.

+ Hướng nghiêng chính của địa hình châu Phi.

Châu Phi có nguồn khoáng sản phong phú : vàng, kim cương, uranium, sắt, đồng, phốt phát... Ngoài ra, còn có nhiều dầu mỏ và khí đốt.

Lục địa Phi là một khối cao nguyên khổng lồ, cao trung bình 750 m, phần lớn diện tích nằm trong đới nóng, biển ít lấn sâu vào đất liền.

Tài nguyên khoáng sản của châu Phi phong phú, đặc biệt là kim loại quý hiếm.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát hình 26.1, nhận xét đặc điểm đường bờ biển châu Phi. Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu châu Phi ?

2. Xác định trên hình 26.1, hồ Vich-to-ri-a và sông Nin, sông Ni-giê, sông Công-gô, sông Dăm-be-di.

3. Dựa vào hình 26.1, lập bảng theo mẫu sau :

KHOÁNG SẢN CHÂU PHI

Các khoáng sản chính	*Sự phân bố*

Bài 27 : THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

(Tiếp theo)

3. Khí hậu

- Dựa vào kiến thức đã học, kết hợp quan sát các hình 26.1 và 27.1, giải thích vì sao :

+ Châu Phi là châu lục nóng.

+ Khí hậu châu Phi khô, hình thành những hoang mạc lớn.

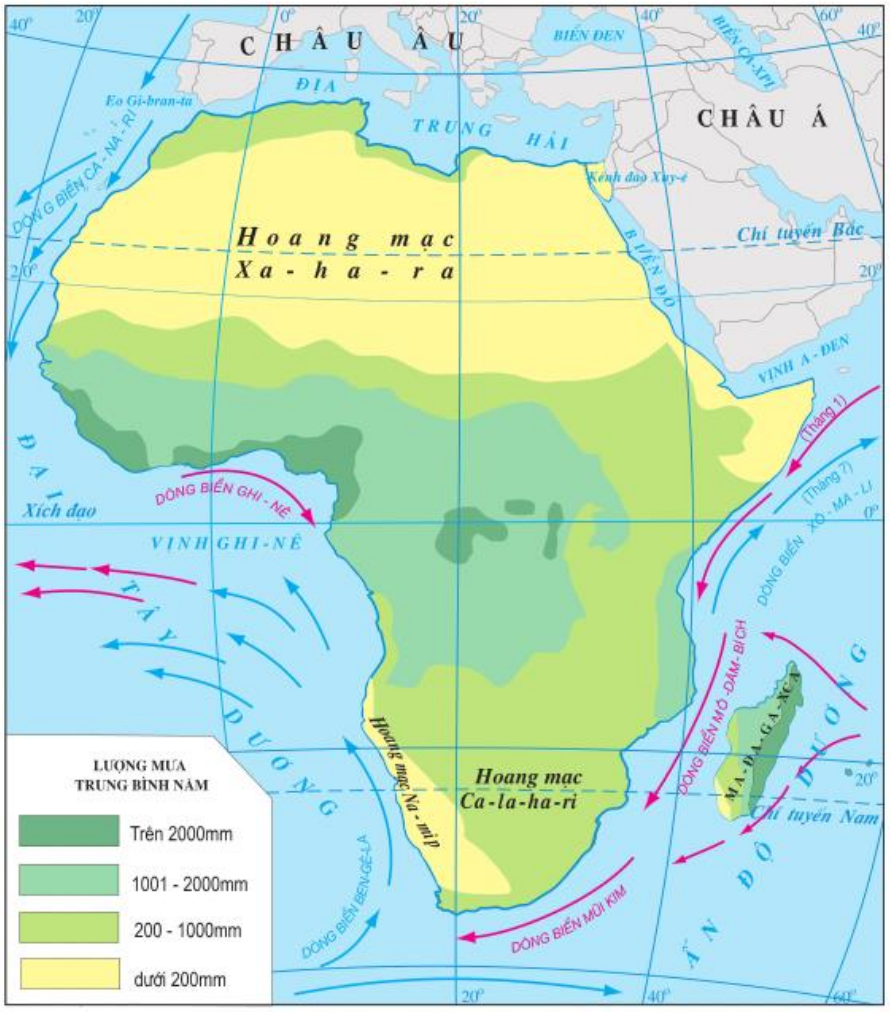

Hình 27.1 - Lược đồ phân bố lượng mưa châu Phi

Châu Phi có khí hậu nóng, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, thời tiết ổn định. Lượng mưa tương đối ít và giảm dần về phía hai chí tuyến, hình thành những hoang mạc lớn, lan ra sát biển. Xa-ha-ra là hoang mạc có diện tích lớn nhất trên thế giới.

- Quan sát hình 27.1, cho biết các dòng biển nóng, lạnh có ảnh hưởng tới lượng mưa các vùng ven biển châu Phi như thế nào.

4. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

- Quan sát hình 27.2, nhận xét về sự phân bố của các môi trường tự nhiên ở châu Phi. Giải thích vì sao lại có sự phân bố như vậy ?

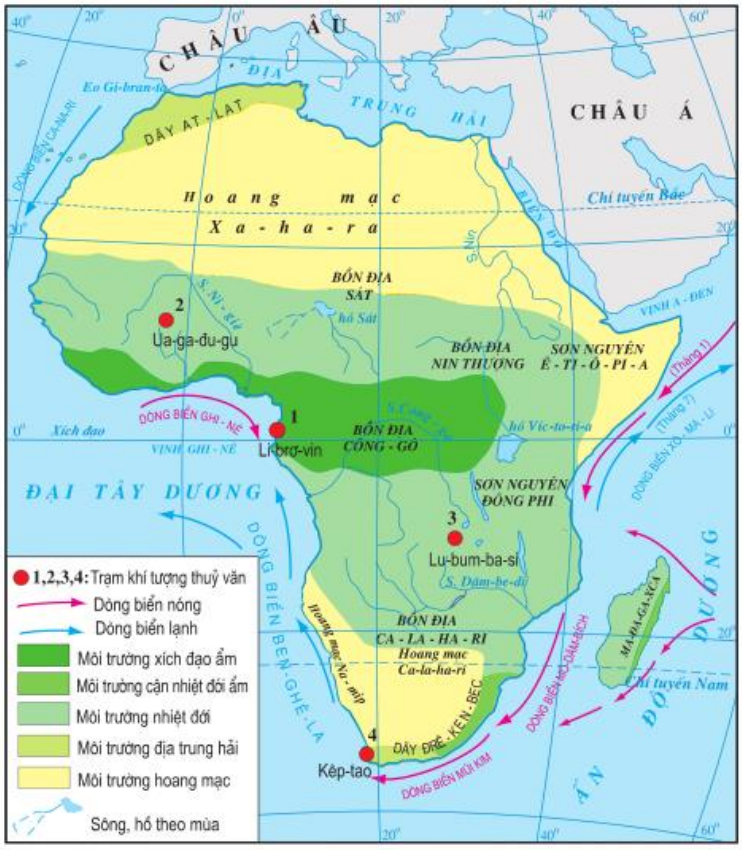

Hình 27.2 - Lược đồ các môi trường tự nhiên của châu Phi

Các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua xích đạo :

- Môi trường xích đạo ẩm với thảm thực vật rừng rậm xanh quanh năm, gồm bồn địa Công-gô và miền duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê.

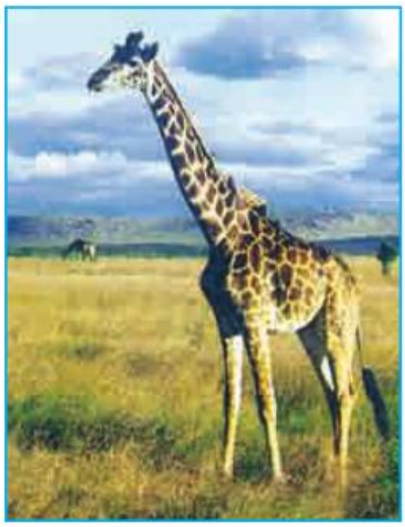

Hình 27.3 - Xavan ở Tây Phi

Hình 27.4 - Xavan ở Đông Phi

- Hai môi trường nhiệt đới, càng xa Xích đạo lượng mưa càng giảm, rừng rậm nhường chỗ cho rừng thưa và xavan cây bụi. Nhờ nguồn thức ăn phong phú, xavan là nơi tập trung nhiều động vật ăn cỏ (ngựa vằn, sơn dương, hươu cao cổ...) và động vật ăn thịt (sư tử, báo gấm...).

- Hai môi trường hoang mạc, gồm hoang mạc Xa-ha-ra ở phía bắc và hoang mạc Ca-la-ha-ri, hoang mạc Na-mip ở phía nam. Khí hậu khắc nghiệt, mưa rất hiếm, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm lớn. Thực, động vật nghèo nàn.

- Hai môi trường địa trung hải ở phần cực Bắc và phần cực Nam châu Phi. Mùa đông mát mẻ và có mưa, mùa hạ nóng và khô. Thảm thực vật là rừng cây bụi lá cứng.

Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

Các môi trường tự nhiên của châu Phi nằm đối xứng qua Xích đạo, gồm : môi trường xích đạo ẩm, môi trường nhiệt đới, môi trường hoang mạc và môi trường địa trung hải. Hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát các hình 27.1, 27.2 và dựa vào kiến thức đã học, nêu mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ở châu Phi.
2. Xác định vị trí, ranh giới của môi trường hoang mạc và môi trường nhiệt đới trên hình 27.2. Nêu đặc điểm của hai loại môi trường này. Giải thích tại sao hoang mạc lại chiếm diện tích lớn ở Bắc Phi ?

Bài 28 : THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ CÁC MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở CHÂU PHI

1. Trình bày và giải thích sự phân bố các môi trường tự nhiên

- Quan sát hình 27.2 và dựa vào kiến thức đã học :

+ So sánh diện tích của các môi trường ở châu Phi.

+ Giải thích vì sao các hoang mạc ở châu Phi lại lan ra sát bờ biển ?

2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

- Phân tích các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây theo gợi ý sau :

+ Lượng mưa trung bình năm, sự phân bố lượng mưa trong năm.

+ Biên độ nhiệt trong năm, sự phân bố nhiệt độ trong năm.

+ Cho biết từng biểu đồ thuộc kiểu khí hậu nào. Nêu đặc điểm chung của kiểu khí hậu đó.

- Sắp xếp các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa A, B, C, D vào các vị trí đánh dấu 1, 2, 3, 4 trên hình 27.2 sao cho phù hợp.

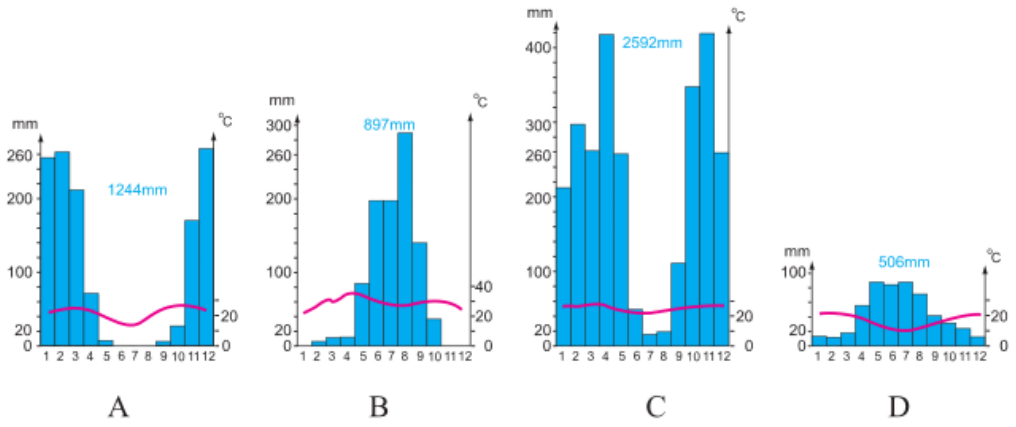

Hình 28.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm ở châu Phi

Bài 29 : DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Dân cư châu Phi phân bố không đều và gia tăng nhanh. Bùng nổ dân số, đại dịch AIDS, xung đột giữa các tộc người và sự can thiệp của nước ngoài là những nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của châu lục này.

1. Lịch sử và dân cư

a) Sơ lược lịch sử

Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người. Vào khoảng 3000 năm trước Công nguyên, người Ai Cập đã xây dựng ở đây nền văn minh sông Nin rực rỡ.

Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, thực dân châu Âu xâm nhập và chiếm thuộc địa, đưa người da đen ở châu Phi bán sang châu Mĩ làm nô lệ. Trong gần ba thế kỉ, chúng đã cướp đi của châu Phi khoảng 125 triệu người.

Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, gần như toàn bộ châu Phi bị xâm chiếm làm thuộc địa. Sự thống trị lâu dài của chủ nghĩa thực dân đã kìm hãm các nước châu Phi trong nghèo nàn, lạc hậu.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là sau thắng lợi của cách mạng Việt Nam, phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi phát triển mạnh mẽ. Hiện nay, các nước châu Phi đã giành được độc lập và thuộc nhóm các nước đang phát triển.

b) Dân cư

- Dựa vào hình 29.1 và kiến thức đã học, trình bày sự phân bố dân cư ở châu Phi. Tại sao dân cư châu Phi phân bố không đều ?

Dân cư châu Phi phân bố rất không đều. Nhiều vùng rộng lớn hầu như không có người như vùng rừng rậm xích đạo, các hoang mạc Xa-ha-ra, Ca-la-ha-ri ... Trong khi đó, hầu hết vùng duyên hải ở phần cực Bắc và cực Nam của châu Phi, ven vịnh Ghi-nê và nhất là thung lũng sông Nin, dân cư tập trung rất đông.

- Tìm trên hình 29.1 các thành phố ở châu Phi có từ 1 triệu dân trở lên. Các thành phố này phân bố chủ yếu ở đâu ?

Tuy đa số dân cư sống ở nông thôn nhưng châu Phi vẫn có nhiều thành phố. Các thành phố lớn của châu Phi thường là các thành phố cảng.

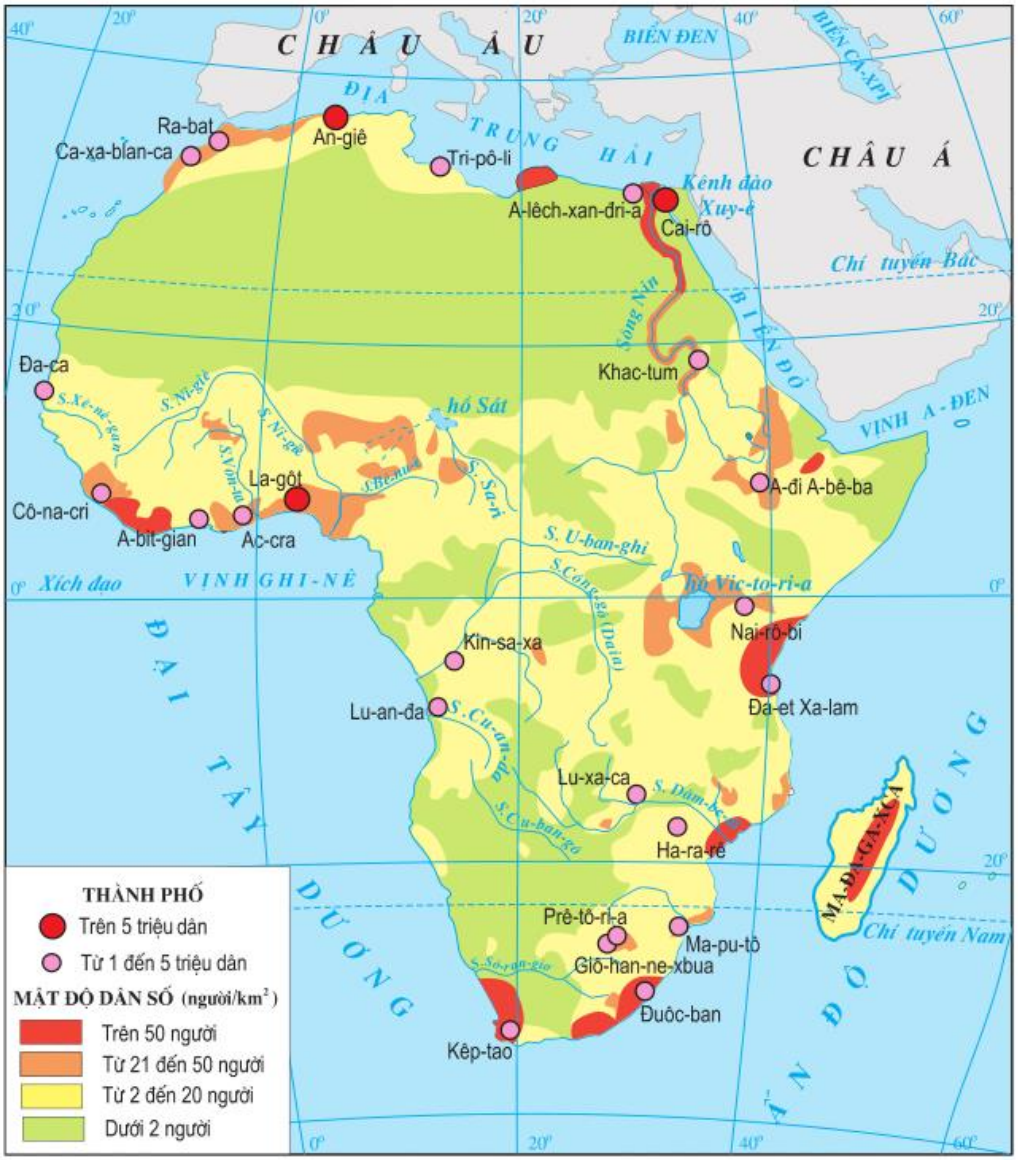

Hình 29.1 - Lược đồ phân bố dân cư và đô thị châu Phi

2. Sự bùng nổ dân số và xung đột tộc người ở châu Phi

a) Bùng nổ dân số

Năm 2001, châu Phi có hơn 818 triệu dân, chiếm 13,4% dân số thế giới. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của châu Phi cao nhất thế giới (2,4%).

TÌNH HÌNH DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA Ở CHÂU PHI

(Năm 2001)

Tên nước	Dân số (triệu người)	Tỉ lệ sinh (‰)	Tỉ lệ tử (‰)	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)
Ê-ti-ô-pi-a	65,4	44	15	2,9
Ai Cập	69,8	28	7	2,1
Tan-da-ni-a	36,2	41	13	2,8
Ni-giê-ri-a	126,6	41	14	2,7
CH Nam Phi	43,6	25	14	1,1

- Tìm trên bản đồ các quốc gia trong bảng số liệu, cho biết :

+ Các quốc gia có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao hơn mức trung bình nằm ở vùng nào của châu Phi ?

+ Các quốc gia có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp hơn mức trung bình nằm ở vùng nào của châu Phi ?

Bùng nổ dân số và hạn hán triền miên đã làm cho hàng chục triệu người ở châu Phi thường xuyên bị nạn đói đe doạ.

Đại dịch AIDS đang đe doạ sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Phi (hơn 25 triệu người nhiễm HIV/AIDS vào năm 2000, trong đó phần lớn là những người ở độ tuổi lao động).

b) Xung đột tộc người

Châu Phi có nhiều tộc người, với hàng nghìn thổ ngữ khác nhau.

Trước đây, thực dân châu Âu thành lập các quốc gia ở châu Phi trên lãnh thổ của các tộc người khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tôn giáo... và lợi

dụng điều này nhằm thực hiện chính sách chia để trị. Chính quyền ở nhiều nước thường nằm trong tay các thủ lĩnh của một vài tộc người. Điều đó đã làm tăng mâu thuẫn giữa các tộc người trong từng nước và giữa các nước láng giềng với nhau, dẫn đến xung đột biên giới và nội chiến liên miên (như ở Li-bê-ri-a, Ê-ti-ô-pi-a, Xu-đăng, Xô-ma-li, Bu-run-đi, Ru-an-đa...), gây ra những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế - xã hội và tạo cơ hội để nước ngoài can thiệp.

Nền kinh tế của nhiều nước châu Phi vẫn là tự cấp tự túc. Việc trao đổi hàng hoá và giao lưu văn hoá còn quá ít, khiến sự ngăn cách giữa các bộ tộc càng thêm nặng nề.

Hình 29.2 - Dòng người tị nạn chiến tranh ở Ru-an-đa (năm 1994)

Châu Phi có nền văn minh sông Nin rực rỡ trong thời Cổ đại.

Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, 125 triệu người da đen ở châu Phi bị đưa sang châu Mĩ làm nô lệ. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, gần như toàn bộ châu Phi bị chiếm làm thuộc địa. Từ thập niên 60 của thế kỉ XX, lần lượt các nước châu Phi giành được độc lập, chủ quyền.

Dân cư châu Phi phân bố rất không đều. Đa số dân châu Phi sống ở nông thôn. Các thành phố có trên 1 triệu dân thường tập trung ở ven biển.

Bùng nổ dân số, xung đột tộc người, đại dịch AIDS và sự can thiệp của nước ngoài là những nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Phi.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày và giải thích sự phân bố dân cư ở châu Phi.
2. Những nguyên nhân xã hội nào đã kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của châu Phi ?

Bài 30 : KINH TẾ CHÂU PHI

Kinh tế châu Phi còn lạc hậu. Nền kinh tế phát triển theo hướng chuyên môn hoá phiến diện, phụ thuộc nhiều vào thị trường nên dễ bị thiệt hại khi kinh tế thế giới biến động. Đô thị hoá diễn ra nhanh nhưng chủ yếu là tự phát.

1. Nông nghiệp

a) Ngành trồng trọt

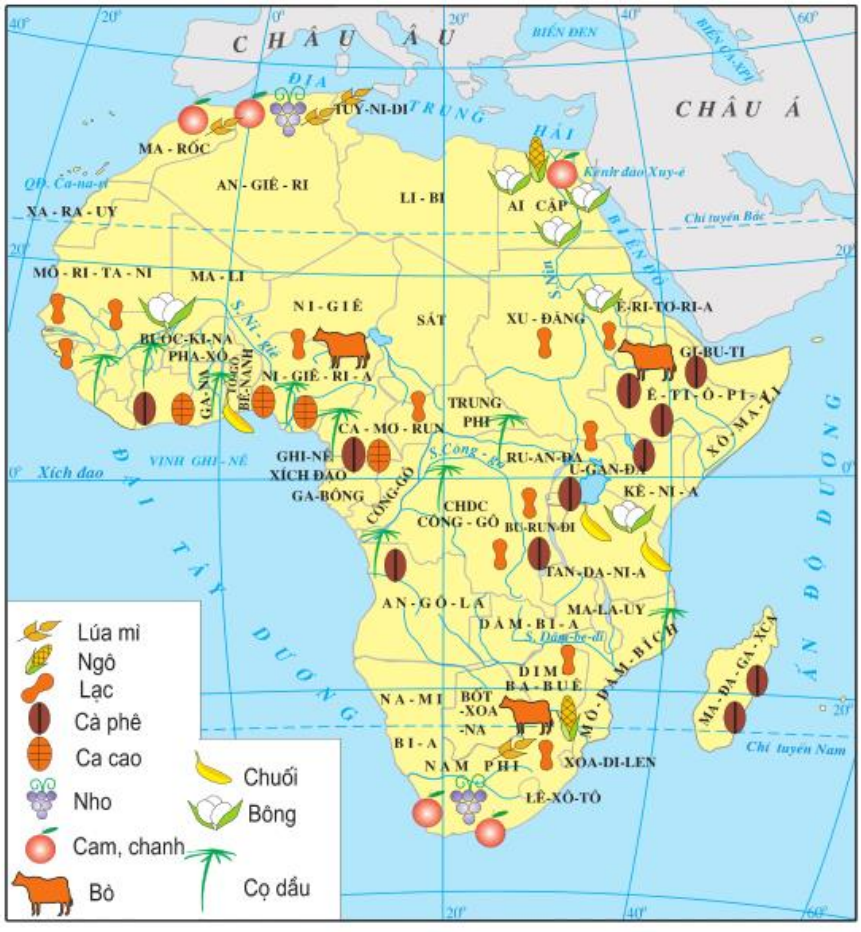

Hình 30.1 - Lược đồ nông nghiệp châu Phi

- Quan sát hình 30.1, nêu sự phân bố các cây công nghiệp chính ở châu Phi.

Cây công nghiệp nhiệt đới được trồng trong các đồn điền, theo hướng chuyên môn hoá, nhằm mục đích xuất khẩu. Các đồn điền thường thuộc sở hữu của các công ti tư bản nước ngoài, tổ chức sản xuất theo quy mô lớn. Ca cao là cây trồng quan trọng bậc nhất, phân bố ở vùng duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê. Cà phê được trồng nhiều ở các nước phía tây và phía đông châu Phi. Cọ dầu cũng được trồng tập trung ở vùng ven vịnh Ghi-nê và ở những nơi có khí hậu nhiệt đới. Ngoài ra còn có lạc, cao su, bông, thuốc lá, chè...

Các cây ăn quả cận nhiệt như nho, ôliu, cam, chanh... được trồng ở phần cực Bắc và cực Nam châu Phi, trong môi trường địa trung hải.

Cây lương thực chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu ngành trồng trọt ; hình thức canh tác nương rẫy còn khá phổ biến, kĩ thuật lạc hậu, thiếu phân bón, chủ yếu dựa vào sức người. Sản lượng lương thực không đáp ứng được nhu cầu. Hằng năm, có khoảng 300 triệu người ở châu Phi phải sống dựa vào nguồn lương thực nhập khẩu, gần 30 triệu người thường xuyên bị nạn đói đe doạ. Kê được trồng khá phổ biến ở châu Phi nhưng năng suất và sản lượng thấp. Lúa mì và ngô có nhiều ở Cộng hoà Nam Phi và các nước nằm ven Địa Trung Hải. Lúa gạo có ở Ai Cập, trong vùng châu thổ sông Nin.

b) Ngành chăn nuôi

Ngành chăn nuôi nhìn chung kém phát triển, chăn thả gia súc là hình thức phổ biến nhất. Một số quốc gia có ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao trong nông nghiệp là Xu-đăng, Ê-ti-ô-pi-a, Tan-da-ni-a ... Cừu, dê được chăn thả thành từng đàn với quy mô khá lớn ở các đồng cỏ trên cao nguyên và các vùng nửa hoang mạc. Lợn được nuôi ở các quốc gia Trung Phi và Nam Phi. Các nước có đàn bò lớn là Ê-ti-ô-pi-a, Ni-giê-ri-a ...

2. Công nghiệp

Tuy có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú nhưng phần lớn các nước châu Phi có nền công nghiệp chậm phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp của châu Phi chỉ chiếm 2% toàn thế giới. Ngoài ngành khai khoáng truyền thống, nhiều nước châu Phi chỉ phát triển công nghiệp thực phẩm và lắp ráp cơ khí. Công nghiệp luyện kim và chế tạo máy chỉ phát triển ở một vài nước. Các nước có nền công nghiệp tương đối phát triển là Cộng hoà Nam Phi , An-giê-ri...

Hình 30.2 - Lược đồ công nghiệp châu Phi

PHÂN BỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CHÂU PHI

Ngành công nghiệp	Sự phân bố
Khai thác khoáng sản	Cộng hoà Nam Phi, An-giê-ri, CHDC Công-gô ...
Luyện kim màu	Cộng hoà Nam Phi, Ca-mơ-run, Dăm-bi-a ...
Cơ khí	Cộng hoà Nam Phi, Ai Cập, An-giê-ri ...
Lọc dầu	Li-bi, An-giê-ri, Ma-rốc ...

Những trở ngại lớn nhất trong sự phát triển công nghiệp ở châu Phi là : thiếu lao động chuyên môn kĩ thuật, cơ sở vật chất lạc hậu, thiếu vốn nghiêm trọng...

Nền kinh tế châu Phi phát triển theo hướng chuyên môn hoá phiến diện. Phần lớn các quốc gia châu Phi có nền kinh tế lạc hậu. Một số nước tương đối phát triển là Cộng hòa Nam Phi, Li-bi, An-giê-ri, Ai Cập.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu sự khác nhau trong sản xuất cây công nghiệp và cây lương thực ở châu Phi.
2. Tại sao công nghiệp châu Phi còn chậm phát triển ? Kể tên một số nước tương đối phát triển ở châu Phi.
3. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ dân số và sản lượng công nghiệp của châu Phi so với thế giới theo số liệu dưới đây :
   - Dân số châu Phi chiếm 13,4% dân số thế giới.
   - Sản lượng công nghiệp châu Phi chiếm 2% sản lượng công nghiệp thế giới.

   Qua biểu đồ, nêu nhận xét về trình độ phát triển công nghiệp của châu Phi.

Bài 31 : KINH TẾ CHÂU PHI

(Tiếp theo)

3. Dịch vụ

Hình 31.1 - Lược đồ kinh tế châu Phi hướng về xuất khẩu

- Quan sát hình 31.1, nêu nhận xét để thấy các tuyến đường sắt quan trọng ở châu Phi chủ yếu phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

Lệ phí qua kênh đào Xuy-ê là nguồn thu ngoại tệ lớn của Ai Cập.

Hầu hết các nước châu Phi có hoạt động kinh tế đối ngoại tương đối đơn giản, chủ yếu là nơi cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ hàng hoá cho các nước tư bản.

Do công nghiệp kém phát triển nên phần lớn các nước châu Phi phải xuất khẩu khoáng sản, nguyên liệu chưa chế biến và nhập máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng.

Các nông sản xuất khẩu chủ yếu là cà phê, ca cao, lạc, dầu cọ, bông. Trong khi đó châu Phi vẫn phải nhập một lượng lương thực rất lớn.

Khoảng 90% thu nhập ngoại tệ của nhiều nước ở châu Phi là nhờ xuất khẩu nông sản, khoáng sản. Từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, nhiều nông sản và khoáng sản chủ yếu của châu Phi bị giảm giá trên thị trường thế giới, làm cho nền kinh tế nhiều nước châu Phi rơi vào khủng hoảng.

Du lịch cũng là hoạt động đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho nhiều nước ở châu Phi (Ai Cập, Kê-ni-a...).

4. Đô thị hoá

Phần lớn các quốc gia châu Phi có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nhưng tỉ lệ dân thành thị không ngừng tăng (năm 2000, tỉ lệ dân thành thị là trên 33%).

- Quan sát bảng số liệu dưới đây kết hợp với hình 29.1, cho biết sự khác nhau về mức độ đô thị hoá giữa các quốc gia ven vịnh Ghi-nê, duyên hải Bắc Phi và duyên hải Đông Phi.

TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA Ở CHÂU PHI

(Năm 2000)

Quốc gia	Dân số (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
An-giê-ri	31,0	49
Ai Cập	69,8	43
Ni-giê-ri-a	126,6	36
Xô-ma-li	7,5	18
Kê-ni-a	29,8	20

Tốc độ đô thị hoá ở châu Phi khá nhanh nhưng không tương xứng với trình độ phát triển công nghiệp. Bùng nổ dân số đô thị là kết quả của gia tăng dân số tự nhiên cao, cùng với sự di dân ồ ạt từ nông thôn vào các thành phố lớn vì lí do thiên tai, xung đột tộc người, xung đột biên giới...

Đô thị hoá nhanh làm xuất hiện nhiều khu nhà ổ chuột quanh các thành phố, nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cần phải giải quyết.

Hình 31.2 - Khu nhà ổ chuột ở A-bit-gian (Cốt Đi-voa)

- Nêu những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh do sự bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi.

Hoạt động kinh tế đối ngoại của các nước châu Phi tương đối đơn giản : xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp nhiệt đới và khoáng sản ; nhập khẩu máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, lương thực.

Bùng nổ dân số đô thị ở châu Phi làm nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cần phải giải quyết.

Câu hỏi và bài tập

1. Vì sao châu Phi chủ yếu xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp nhiệt đới, khoáng sản và nhập khẩu máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, lương thực ?
2. Quan sát các hình 31.1 và 29.1, cho biết :

- Tên một số cảng lớn ở châu Phi.
- Châu Phi có bao nhiêu đô thị trên 1 triệu dân ? Nêu tên các đô thị có trên 5 triệu dân ở châu Phi.

Bài 32 : CÁC KHU VỰC CHÂU PHI

Châu Phi có trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất không đều : các nước ở Nam Phi và Bắc Phi phát triển hơn, các nước Trung Phi có một thời gian dài trải qua khủng hoảng kinh tế lớn.

Châu Phi gồm ba khu vực có mức độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau.

Hình 32.1 - Lược đồ ba khu vực châu Phi

- Xác định trên hình 32.1 các khu vực Bắc Phi, Trung Phi và Nam Phi.

1. Khu vực Bắc Phi

a) Khái quát tự nhiên

Át-lát là dãy núi trẻ duy nhất của châu Phi, nằm ở rìa phía tây bắc của châu lục ; các đồng bằng ven Địa Trung Hải và các sườn núi hướng về phía biển hằng năm có mưa khá nhiều, rừng sồi và dẻ mọc rậm rạp. Vào sâu trong nội địa, lượng mưa giảm nhanh chóng, rừng nhường chỗ cho xavan và cây bụi phát triển.

Lùi xuống phía nam là hoang mạc Xa-ha-ra, hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới. Khí hậu rất khô và nóng. Lượng mưa trung bình hằng năm thường không quá 50 mm, vì thế nước trên mặt cực kì hiếm. Khắp nơi chỉ thấy các bãi đá, các cồn cát mênh mông hoặc các núi đá khô khốc và trơ trụi. Thực vật chỉ gồm những bụi cỏ gai thưa thớt, cằn cỗi với bộ rễ dài ăn sâu xuống đất để hút nước ngầm. Tuy vậy, ở những chỗ có nước ngầm lộ ra cây cối vẫn mọc xanh tốt, đó là các ốc đảo. Thực vật trong ốc đảo chủ yếu là cây chà là.

b) Khái quát kinh tế - xã hội

- Quan sát hình 32.1, nêu tên các nước ở khu vực Bắc Phi.

Dân cư ở Bắc Phi chủ yếu là người Ả Rập và người Béc-be, thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it, theo đạo Hồi.

Các nước ven Địa Trung Hải có nền văn minh phát triển rất sớm. Điển hình là nền văn minh sông Nin rực rỡ trong thời cổ đại. Ngày nay, kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác - xuất khẩu dầu mỏ, khí đốt, phốt phát và phát triển du lịch.

Hình 32.2 - Nhà thờ Hồi giáo

Trong nhiều vùng của Xa-ha-ra thuộc Li-bi, An-giê-ri trước kia hoang vắng đã xuất hiện các đô thị mới với các công trình khai thác, chế biến dầu mỏ.

Các nước ven Địa Trung Hải trồng lúa mì, ô liu, cây ăn quả cận nhiệt đới... Các nước phía nam Xa-ha-ra trồng một số loại cây nhiệt đới như lạc, bông, ngô... nhưng sản lượng không lớn.

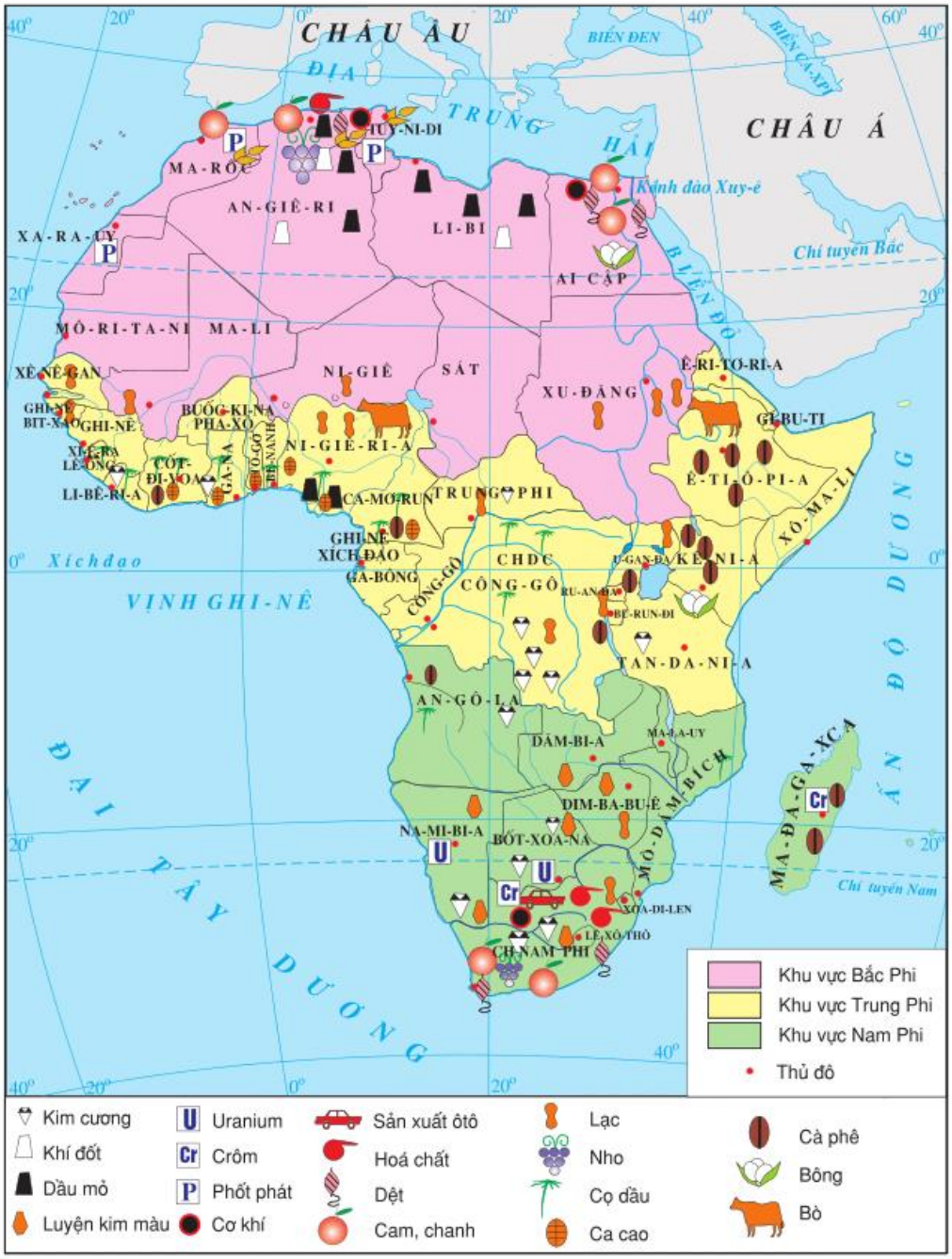

Hình 32.3 - Lược đồ kinh tế châu Phi

2. Khu vực Trung Phi

a) Khái quát tự nhiên

Phần phía tây của Trung Phi chủ yếu là các bồn địa, có hai môi trường tự nhiên khác nhau :

- Môi trường xích đạo ẩm có khí hậu nóng, mưa nhiều, đất đai màu mỡ, rừng rậm xanh quanh năm chiếm diện tích lớn. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, quanh năm nhiều nước ; lớn nhất là sông Công-gô.

- Môi trường nhiệt đới gồm hai dải nằm ở phía bắc và phía nam môi trường xích đạo ẩm. Lượng mưa giảm rõ rệt, trong năm có một mùa mưa và một mùa khô. Do độ ẩm không đủ nên rừng thưa và xavan phát triển.

Phần phía đông của Trung Phi trước đây được nâng lên rất mạnh nên có độ cao lớn nhất châu Phi, dung nham núi lửa phun trào bao phủ nhiều vùng rộng lớn. Trên bề mặt các sơn nguyên có các đỉnh núi cao và nhiều hồ kiến tạo sâu, dài. Đông Phi có khí hậu gió mùa xích đạo. Trên các sơn nguyên quanh năm mát dịu hình thành kiểu "xavan công viên" độc đáo, còn trên các sườn núi mưa nhiều có rừng rậm bao phủ. Đông Phi có nhiều khoáng sản như vàng, đồng, chì ...

b) Khái quát kinh tế - xã hội

- Quan sát hình 32.1, nêu tên các nước ở khu vực Trung Phi.

Trung Phi là khu vực đông dân nhất châu Phi, dân cư chủ yếu là người Ban-tu thuộc chủng tộc Nê-grô-it. Tín ngưỡng rất đa dạng.

Xung quanh hồ Vich-to-ri-a và một vài hồ khác dân cư tập trung rất đông.

Các quốc gia ở Trung Phi phần lớn là nghèo, nền kinh tế chủ yếu dựa vào trồng trọt và chăn nuôi theo lối cổ truyền, khai thác lâm sản và khoáng sản, trồng cây công nghiệp xuất khẩu. Đất đai thoái hoá, hạn hán kéo dài và nạn châu chấu là những nguyên nhân chủ yếu khiến nạn đói thường xuyên xảy ra.

Hình 32.4 - Chăn nuôi du mục

Hình 32.5 - Xuất khẩu gỗ

Giá nông sản và khoáng sản trên thế giới không ổn định làm cho nền kinh tế của nhiều nước trong khu vực thường xuyên rơi vào khủng hoảng.

- Dựa vào hình 32.3 :

+ Nêu tên các cây công nghiệp chủ yếu ở Trung Phi.

+ Cho biết sản xuất nông nghiệp của Trung Phi phát triển ở những khu vực nào ? Tại sao lại phát triển ở đó ?

Dân cư Bắc Phi chủ yếu là người Ả Rập và người Béc-be thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it, theo đạo Hồi. Kinh tế tương đối phát triển trên cơ sở các ngành dầu khí và du lịch.

Dân cư Trung Phi chủ yếu là người Ban-tu thuộc chủng tộc Nê-grô-it, có tín ngưỡng đa dạng. Kinh tế chậm phát triển, chủ yếu dựa vào khai thác lâm sản, khoáng sản và trồng cây công nghiệp xuất khẩu.

Câu hỏi và bài tập

1. Lập bảng so sánh sự khác biệt về tự nhiên giữa phần phía tây và phần phía đông của khu vực Trung Phi theo mẫu sau :

Thành phần tự nhiên	Phần phía tây khu vực Trung Phi	Phần phía đông khu vực Trung Phi
Dạng địa hình chủ yếu		
Khí hậu		
Thảm thực vật		

2. Nêu sự khác biệt về kinh tế giữa khu vực Bắc Phi và khu vực Trung Phi.

Bài 33 : CÁC KHU VỰC CHÂU PHI

(Tiếp theo)

3. Khu vực Nam Phi

a) Khái quát tự nhiên

Khu vực Nam Phi có độ cao trung bình hơn 1000m. Phần trung tâm trũng xuống tạo thành bồn địa Ca-la-ha-ri. Phần đông nam được nâng lên rất cao tạo thành dãy Đrê-ken-béc, ăn ra sát biển, cao hơn 3000m, tựa như một bức thành đồ sộ.

Phần lớn khu vực Nam Phi nằm trong môi trường nhiệt đới, nhưng ẩm và dịu hơn khu vực Bắc Phi. Phần phía đông, nhờ ảnh hưởng của dòng biển nóng và gió đông nam thổi từ đại dương vào nên thời tiết quanh năm nóng, ẩm và mưa tương đối nhiều. Trên các đồng bằng duyên hải và sườn núi hướng ra biển có rừng nhiệt đới bao phủ. Càng đi sâu vào nội địa, lượng mưa càng giảm, khí hậu trở nên khô hạn dần, rừng nhiệt đới ẩm chuyển sang rừng thưa rồi xavan. Rừng thưa và xavan ở Nam Phi có diện tích khá rộng với giới động vật phong phú không kém xavan ở Trung Phi.

Dải đất hẹp ở cực Nam có khí hậu địa trung hải, thích hợp trồng các loại cây ăn quả cận nhiệt đới.

b) Khái quát kinh tế - xã hội

- Quan sát hình 32.1, nêu tên các nước thuộc khu vực Nam Phi.

Dân cư khu vực Nam Phi thuộc các chủng tộc Nê-grô-it, Ơ-rô-pê-ô-it và người lai, phần lớn theo đạo Thiên Chúa. Trên đảo Ma-đa-ga-xca có người Man-gát thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it.

- Thành phần chủng tộc của Nam Phi khác với của Bắc Phi và Trung Phi như thế nào ?

Trước đây, Cộng hoà Nam Phi là quốc gia có chế độ phân biệt chủng tộc (chế độ A-pac-thai) nặng nề bậc nhất thế giới. Phong trào đấu tranh của người da đen chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi đã giành được thắng lợi với cuộc tổng tuyển cử không phân biệt chủng tộc đầu tiên được tổ chức vào cuối tháng 4-1994.

- Quan sát hình 32.3, nêu sự phân bố các loại khoáng sản chính của khu vực Nam Phi.

Các nước ở khu vực Nam Phi có trình độ phát triển kinh tế rất chênh lệch. Trong khi Cộng hoà Nam Phi là nước công nghiệp phát triển nhất ở châu Phi thì Mô-dăm-bích, Ma-la-uy... lại là những nước nông nghiệp lạc hậu.

Cộng hoà Nam Phi là nước xuất khẩu vàng nhiều nhất và cũng là một trong những nước sản xuất chủ yếu uranium, kim cương, crôm... của thế giới. Các ngành công nghiệp chính là khai thác khoáng sản, luyện kim màu, cơ khí, hoá chất... Sản phẩm nông nghiệp chiếm 1/3 tổng sản phẩm xuất khẩu của Nam Phi, chủ yếu là hoa quả cận nhiệt đới, ngô...

Phần lớn khu vực Nam Phi có khí hậu nhiệt đới, riêng phần cực Nam có khí hậu địa trung hải.

Dân cư khu vực Nam Phi thuộc các chủng tộc Nê-grô-it, Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it và người lai, phần lớn theo đạo Thiên Chúa. Các nước ở khu vực Nam Phi có trình độ phát triển kinh tế rất chênh lệch, phát triển nhất là Cộng hoà Nam Phi.

Câu hỏi và bài tập

1. Tại sao phần lớn Bắc Phi và Nam Phi đều nằm trong môi trường nhiệt đới nhưng khí hậu của Nam Phi lại ẩm và dịu hơn khí hậu của Bắc Phi ?
2. Nêu một số đặc điểm của công nghiệp và nông nghiệp Cộng hoà Nam Phi.
3. Tính mức thu nhập bình quân đầu người của Cộng hoà Nam Phi theo số liệu sau :

Dân số :	43 600 000 người
GDP :	113 247 triệu USD

Bài 34 : THỰC HÀNH

SO SÁNH NỀN KINH TẾ CỦA BA KHU VỰC CHÂU PHI

Hình 34.1 - Lược đồ thu nhập bình quân đầu người của các nước châu Phi (năm 2000)

1. Quan sát hình 34.1, cho biết :

- Tên các quốc gia ở châu Phi có thu nhập bình quân đầu người trên 1000 USD/năm. Các quốc gia này chủ yếu nằm ở khu vực nào của châu Phi ?

- Tên các quốc gia ở châu Phi có thu nhập bình quân đầu người dưới 200 USD/năm. Các quốc gia này chủ yếu nằm ở khu vực nào ở châu Phi ?

- Nêu nhận xét về sự phân hoá thu nhập bình quân đầu người giữa ba khu vực kinh tế của châu Phi.

2. Lập bảng so sánh đặc điểm kinh tế của ba khu vực châu Phi theo mẫu sau :

Khu vực	Đặc điểm chính của nền kinh tế
Bắc Phi	
Trung Phi	
Nam Phi	

Chương VII

CHÂU MĨ

Bài 35 : KHÁI QUÁT CHÂU MĨ

Châu Mĩ được người châu Âu phát kiến vào cuối thế kỉ XV nên được gọi là Tân thế giới. Những luồng di dân trong quá trình lịch sử đã góp phần hình thành một cộng đồng dân cư năng động và đa dạng ở châu lục này.

1. Một lãnh thổ rộng lớn

Châu Mĩ rộng 42 triệu km^2, nằm hoàn toàn ở nửa cầu Tây.

- Quan sát hình 35.1, cho biết châu Mĩ tiếp giáp những đại dương nào ? Tại sao nói châu Mĩ nằm hoàn toàn ở nửa cầu Tây ?

So với các châu lục khác, châu Mĩ nằm trải dài trên nhiều vĩ độ hơn cả, từ vùng cực Bắc đến tận vùng cận cực Nam. Nơi hẹp nhất của châu Mĩ là eo đất Pa-na-ma rộng không đến 50km. Kênh đào Pa-na-ma đã cắt qua eo đất này, nối liền Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

- Quan sát hình 35.1, cho biết ý nghĩa kinh tế của kênh đào Pa-na-ma.

2. Vùng đất của dân nhập cư. Thành phần chủng tộc đa dạng

Trước khi Cri-xtốp Cô-lôm-bô phát hiện ra Tân thế giới, chủ nhân của châu Mĩ là người Anh-điêng và người E-xki-mô thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, họ là con cháu của người châu Á di cư đến từ xa xưa.

Hình 35.1 - Lược đồ tự nhiên châu Mĩ

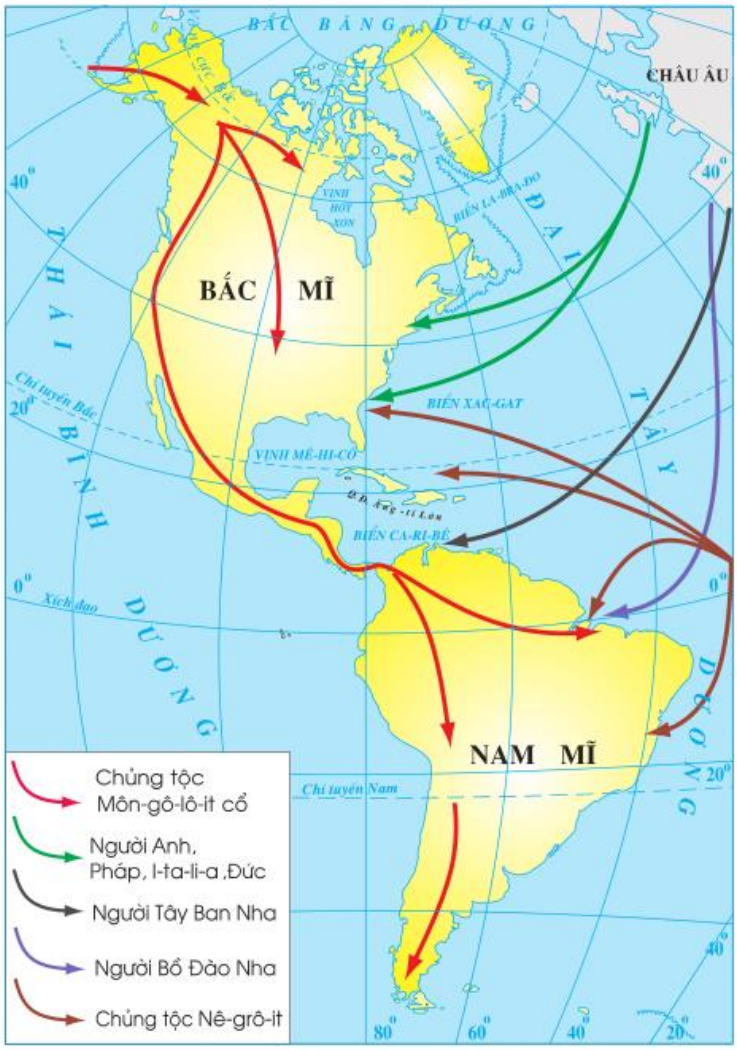

Hình 35.2 - Lược đồ các luồng nhập cư vào châu Mĩ

Người Anh-điêng phân bố rải rác trên hầu khắp châu lục, sống chủ yếu bằng nghề săn bắn và trồng trọt. Một số bộ lạc cổ của người Mai-a, người A-xơ-tếch ở Trung Mĩ, người In-ca ở Nam Mĩ có trình độ phát triển khá cao. Họ đã biết luyện kim, có nghề trồng trọt phát triển, có kĩ thuật xây dựng và đã từng lập nên những quốc gia hùng mạnh. Đó là các nền văn minh : Mai-a, In-ca, A-xơ-tếch.

Người E-xki-mô cư trú ở ven Bắc Băng Dương, sống bằng nghề bắt cá và săn thú.

Từ thế kỉ XVI, châu Mĩ có thêm người gốc Âu nhập cư, thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it, với số lượng ngày càng tăng. Trong quá trình xâm chiếm châu Mĩ, thực dân da trắng đã tàn sát người Anh-điêng để cướp đất, đồng thời cưỡng bức người da đen thuộc chủng tộc Nê-grô-it từ châu Phi sang làm nô lệ, khai thác đất hoang, lập các đồn điền trồng bông, thuốc lá, mía, cà phê...

Lịch sử nhập cư đã tạo nên thành phần chủng tộc đa dạng ở châu Mĩ. Trong quá trình chung sống, các chủng tộc này hoà huyết, làm xuất hiện các thành phần người lai.

- Quan sát hình 35.2, nêu các luồng nhập cư vào châu Mĩ.

- Giải thích tại sao có sự khác nhau về ngôn ngữ giữa dân cư ở khu vực Bắc Mĩ với dân cư ở khu vực Trung và Nam Mĩ ?

Châu Mĩ rộng 42 triệu km^2, nằm hoàn toàn ở nửa cầu Tây, trải dài từ vòng cực Bắc đến tận vùng cận cực Nam.

Do lịch sử nhập cư lâu dài, châu Mĩ có thành phần chủng tộc đa dạng : Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Nê-grô-it. Các chủng tộc ở châu Mĩ đã hoà huyết, tạo nên các thành phần người lai.

Câu hỏi và bài tập

1. Lãnh thổ châu Mĩ (phần lục địa) kéo dài trên khoảng bao nhiêu vĩ độ ?
2. Các luồng nhập cư có vai trò quan trọng như thế nào đến sự hình thành cộng đồng dân cư châu Mĩ ?

Bài 36 : THIÊN NHIÊN BẮC MĨ

Bắc Mĩ gồm ba quốc gia : Ca-na-đa, Hoa Kì và Mê-hi-cô. Bắc Mĩ có cấu trúc địa hình đơn giản nhưng khí hậu đa dạng.

1. Các khu vực địa hình

Địa hình chia làm ba khu vực rõ rệt, kéo dài theo chiều kinh tuyến.

- Quan sát các hình 36.1 và 36.2, nêu đặc điểm cấu trúc địa hình của Bắc Mĩ.

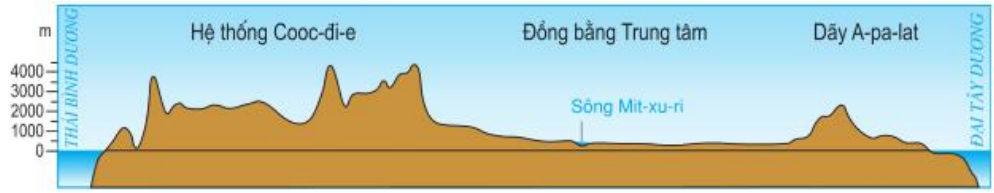

Hình 36.1 - Lát cắt địa hình Bắc Mĩ cắt ngang Hoa Kì theo vĩ tuyến 40°B

a) Hệ thống Cooc-đi-e ở phía tây

- Quan sát các hình 36.1 và 36.2, xác định độ cao trung bình, sự phân bố các dãy núi và các cao nguyên của hệ thống Cooc-đi-e.

Hệ thống Cooc-đi-e cao, đồ sộ, hiểm trở là một trong những miền núi lớn trên thế giới. Miền núi này chạy dọc bờ phía tây của lục địa, kéo dài 9000 km, cao trung bình 3000m - 4000m, gồm nhiều dãy chạy song song, xen vào giữa là các cao nguyên và sơn nguyên.

Miền núi Cooc-đi-e có nhiều khoáng sản như đồng, vàng, quặng đa kim, uranium.

b) Miền đồng bằng ở giữa

Miền đồng bằng ở giữa rộng lớn, tựa như một lòng máng khổng lồ, cao ở phía bắc và tây bắc, thấp dần về phía nam và đông nam. Do địa hình lòng máng, không khí lạnh ở phía bắc và không khí nóng ở phía nam dễ dàng xâm nhập sâu vào nội địa.

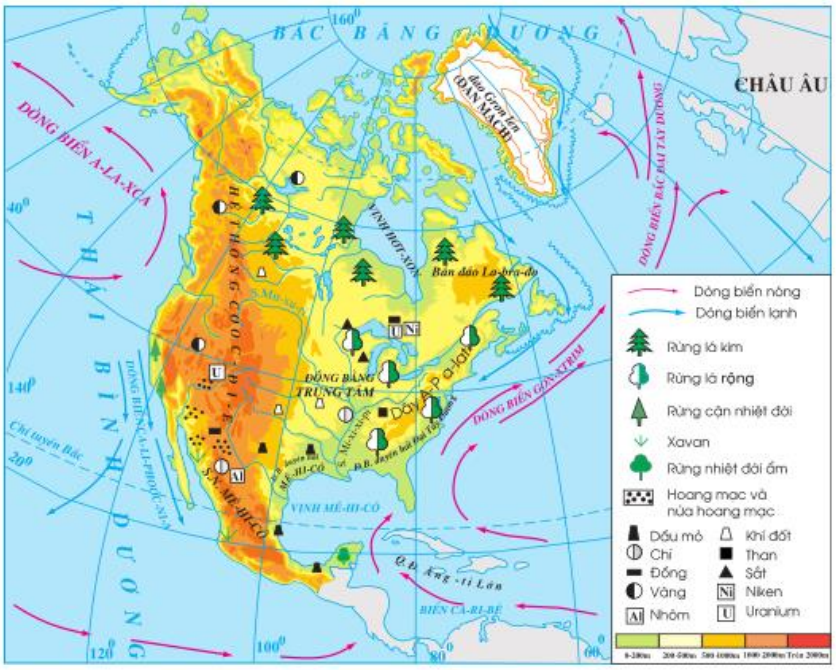

Hình 36.2 - Lược đồ tự nhiên Bắc Mĩ

Trong miền đồng bằng có nhiều hồ rộng như hệ thống Hồ Lớn ở phía bắc và nhiều sông dài như hệ thống sông Mit-xu-ri – Mi-xi-xi-pi .

c) Miền núi già và sơn nguyên ở phía đông

Phía đông của Bắc Mĩ gồm sơn nguyên trên bán đảo La-bra-đo của Ca-na-đa và dãy núi A-pa-lat trên đất Hoa Kì, chạy theo hướng đông bắc - tây nam.

A-pa-lat là dãy núi cổ, tương đối thấp, chứa nhiều than và sắt. Phần bắc A-pa-lat chỉ cao 400m - 500m. Phần nam A-pa-lat cao 1000m - 1500m.

2. Sự phân hoá khí hậu

Khí hậu Bắc Mĩ phân hoá theo chiều bắc - nam và theo chiều tây - đông.

Trải dài từ vòng cực Bắc đến vĩ tuyến 15°B, Bắc Mĩ nằm trên các vành đai khí hậu hàn đới, ôn đới và nhiệt đới.

- Dựa vào hình 36.3, cho biết kiểu khí hậu nào ở Bắc Mĩ chiếm diện tích lớn nhất.

Hình 36.3 - Lược đồ các kiểu khí hậu Bắc Mĩ

Trong mỗi đới khí hậu ở Bắc Mĩ lại có sự phân hoá theo chiều tây - đông, đặc biệt là sự phân hoá khí hậu giữa phần phía tây và phần phía đông kinh tuyến 100°T của Hoa Kì.

- Quan sát các hình 36.2 và 36.3, giải thích tại sao có sự khác biệt về khí hậu giữa phần phía tây và phần phía đông kinh tuyến 100°T của Hoa Kì ?

Các dãy núi thuộc hệ thống Cooc-đi-e kéo dài theo hướng bắc - nam ngăn cản sự di chuyển của các khối khí từ Thái Bình Dương vào. Vì vậy, các cao nguyên, bồn địa và sườn đông Cooc-đi-e mưa rất ít.

Bắc Mĩ có cấu trúc địa hình đơn giản, gồm ba bộ phận, kéo dài theo chiều kinh tuyến : hệ thống Cooc-đi-e cao, đồ sộ ở phía tây, đồng bằng ở giữa và miền sơn nguyên, núi già ở phía đông.

Khí hậu Bắc Mĩ đa dạng, vừa phân hoá theo chiều bắc - nam lại vừa phân hoá theo chiều tây - đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm cấu trúc địa hình của Bắc Mĩ.
2. Trình bày sự phân hoá của khí hậu Bắc Mĩ. Giải thích sự phân hoá đó.

Bài 37 : DÂN CƯ BẮC MĨ

Sự phân bố dân cư ở Bắc Mĩ đang biến động cùng với các chuyển biến trong nền kinh tế của các quốc gia trên lục địa này. Quá trình đô thị hoá nhanh ở Bắc Mĩ là kết quả của sự phát triển công nghiệp, hình thành nên các dải siêu đô thị.

1. Sự phân bố dân cư

Năm 2001, dân số Bắc Mĩ là 419,5 triệu người, mật độ dân số trung bình khoảng 20 người/km^2.

Do chịu ảnh hưởng của sự phân hoá về tự nhiên, dân cư Bắc Mĩ phân bố rất không đồng đều giữa miền bắc và miền nam, giữa phía tây và phía đông.

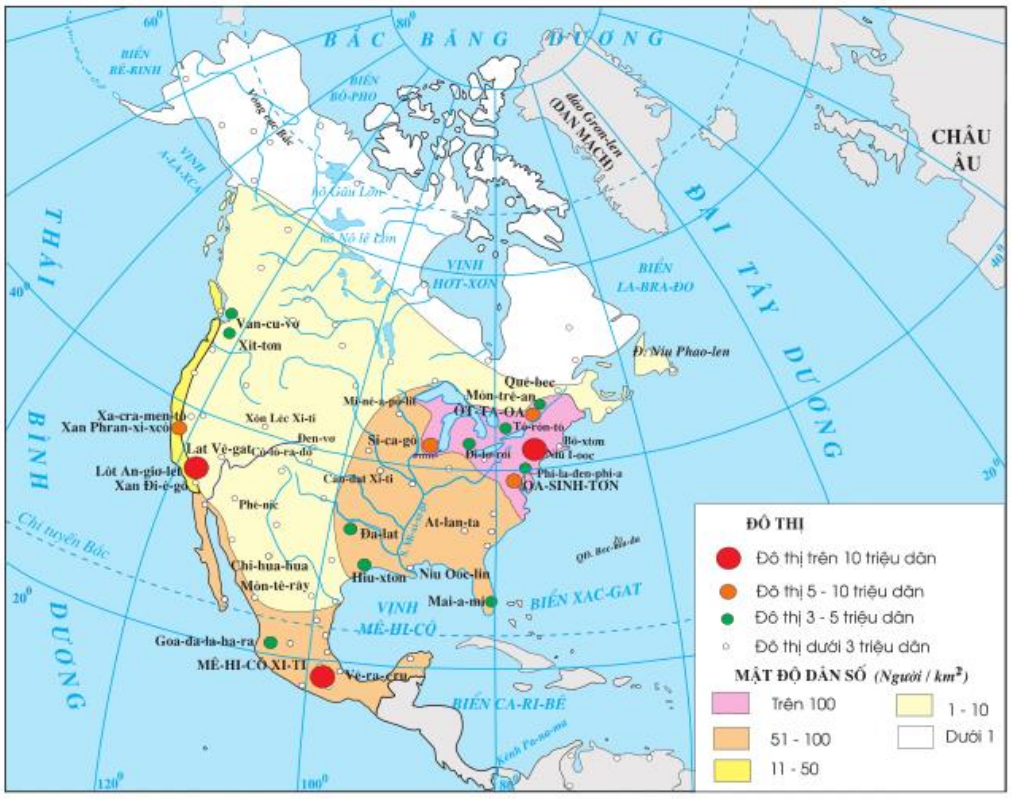

Hình 37.1 - Lược đồ phân bố dân cư và đô thị Bắc Mĩ

Bán đảo A-la-xca và phía bắc Ca-na-đa là nơi dân cư thưa thớt nhất (mật độ dưới 1 người/km^2). Nhiều nơi không có người sinh sống.

Phía tây, trong khu vực hệ thống Cooc-đi-e, dân cư cũng thưa thớt (1 đến 10 người/km^2), chỉ dải đồng bằng hẹp ven Thái Bình Dương là có mật độ cao hơn (11-50 người/km^2).

- Tại sao ở miền bắc và ở phía tây dân cư lại quá thưa thớt như vậy ?

Phía đông Hoa Kì là khu vực tập trung đông dân nhất của Bắc Mĩ (mật độ 51 - 100 người/km^2). Đặc biệt dải đất ven bờ phía nam Hồ Lớn và vùng duyên hải Đông Bắc Hoa Kì có mật độ dân cư lên tới trên 100 người/km^2, chủ yếu do công nghiệp phát triển sớm, mức độ đô thị hoá cao, tập trung nhiều thành phố, khu công nghiệp, hải cảng lớn.

Hiện nay, một bộ phận dân cư Hoa Kì đang di chuyển từ các vùng công nghiệp phía nam Hồ Lớn và Đông Bắc ven Đại Tây Dương tới các vùng công nghiệp mới năng động hơn ở phía nam và duyên hải ven Thái Bình Dương.

2. Đặc điểm đô thị

Gắn với quá trình công nghiệp hoá, các thành phố của Bắc Mĩ, đặc biệt là của Hoa Kì, phát triển rất nhanh. Số dân thành thị cũng tăng nhanh và chiếm trên 76% dân số. Phần lớn các thành phố nằm ở phía nam vùng Hồ Lớn và ven Đại Tây Dương, nối tiếp nhau tạo thành hai dải siêu đô thị từ Bô-xtơn đến Oa-sinh-tơn và từ Si-ca-gô đến Môn-trê-an.

Mê-hi-cô tiến hành công nghiệp hoá muộn nhưng do nhịp độ phát triển cao nên tốc độ đô thị hoá cũng rất nhanh. Mê-hi-cô Xi-ti (thủ đô Mê-hi-cô) là một siêu đô thị khổng lồ với số dân trên 16 triệu người.

Vào sâu nội địa, mạng lưới đô thị thưa thớt hơn.

Những năm gần đây, hàng loạt thành phố mới với các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao, năng động, đã xuất hiện ở miền nam và duyên hải Thái Bình Dương của Hoa Kì.

Hình 37.2 - Thành phố Si-ca-gô

Các trung tâm công nghiệp phía nam Hồ Lớn và duyên hải Đại Tây Dương đã phải thay đổi cơ cấu : giảm bớt hoạt động của các ngành truyền thống để tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao, đồng thời các ngành dịch vụ cũng được đặc biệt quan tâm phát triển.

- Dựa vào hình 37.1, nêu tên một số thành phố lớn nằm trên hai dải siêu đô thị từ Bô-xtơn đến Oa-sinh-tơn và từ Si-ca-gô đến Môn-trê-an.

Dân cư Bắc Mĩ phân bố không đều. Mật độ dân số có sự khác biệt giữa miền bắc và miền nam, giữa phía tây và phía đông. Hơn 3/4 dân cư Bắc Mĩ sống trong các đô thị. Phần lớn các thành phố tập trung ở phía nam Hồ Lớn và duyên hải Đại Tây Dương. Gần đây, sự xuất hiện nhiều thành phố mới ở miền nam và duyên hải Thái Bình Dương đã dẫn tới sự phân bố lại dân cư của Hoa Kì.

Câu hỏi và bài tập

1. Dựa vào hình 37.1 và kiến thức đã học, lập bảng thống kê theo mẫu sau :

Mật độ dân số	Vùng phân bố chủ yếu
- Dưới 1 người/km^2 - Từ 1 - 10 người/km^2 - Từ 11 - 50 người/km^2 - Từ 51 - 100 người/km^2 - Trên 100 người/km^2	

2. Trình bày sự thay đổi trong phân bố dân cư của Bắc Mĩ.

Bài 38 : KINH TẾ BẮC MĨ

Nông nghiệp Bắc Mĩ là nền nông nghiệp hàng hoá, phát triển đạt đến trình độ cao. Tuy nhiên vẫn có sự khác biệt giữa nền nông nghiệp của Hoa Kì và Ca-na-đa với nền nông nghiệp của Mê-hi-cô.

1. Nền nông nghiệp tiên tiến

Nông nghiệp Bắc Mĩ phát triển mạnh mẽ, đạt đến trình độ cao nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và kĩ thuật tiên tiến. Đặc biệt, Hoa Kì và Ca-na-đa có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất thấp nhưng sản xuất ra khối lượng nông sản rất lớn.

NÔNG NGHIỆP CÁC NƯỚC BẮC MĨ *(Năm 2001)*

Tên nước	Dân số (triệu người)	Tỉ lệ lao động trong nông nghiệp(*) (%)	Lương thực có hạt (triệu tấn)	Bò (triệu con)	Lợn (triệu con)
Ca-na-đa	31	2,7	44,25	12,99	12,6
Hoa Kì	288,0	4,4	325,31	97,27	59,1
Mê-hi-cô	100,5	28,0	29,73	30,6	17,7

Hoa Kì và Ca-na-đa có diện tích đất nông nghiệp lớn và trình độ khoa học kĩ thuật tiên tiến, nhờ đó đã phát triển được nền nông nghiệp hàng hoá với quy mô lớn. Các trung tâm khoa học hỗ trợ đắc lực cho việc tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, công nghệ sinh học được ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp. Hoa Kì có số máy nông nghiệp đứng đầu thế giới, lượng phân bón sử dụng đạt 500 kg/ha.

Hoa Kì và Ca-na-đa là những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu của thế giới. Mê-hi-cô có trình độ phát triển thấp hơn, nhưng đây cũng là một trong những nước đi đầu thực hiện cuộc Cách mạng xanh, đảm bảo được lương thực trong nước.

Hình 38.1 - Thu hoạch bông

(*) Số liệu năm 2000

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mĩ cũng có những hạn chế : nhiều nông sản có giá thành cao nên thường bị cạnh tranh mạnh trên thị trường, việc sử dụng nhiều phân hoá học và thuốc trừ sâu đã có những tác động xấu tới môi trường...

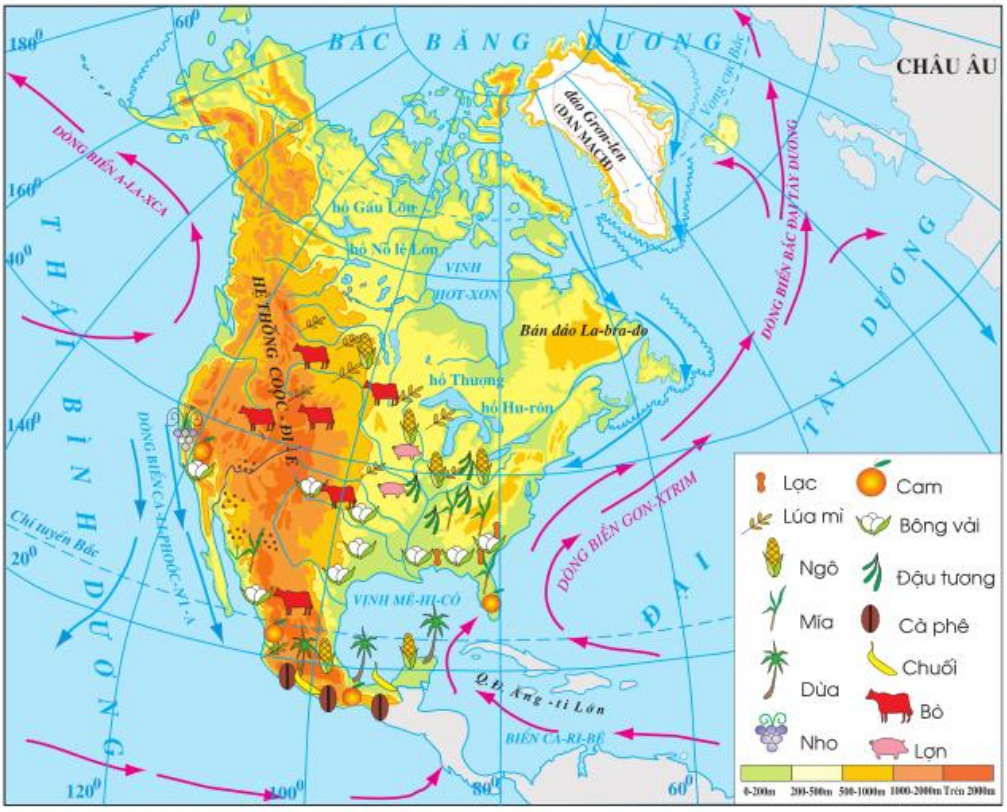

Hình 38.2 - Lược đồ nông nghiệp Bắc Mĩ

- Dựa vào hình 38.2, trình bày sự phân bố một số sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi trên lãnh thổ Bắc Mĩ.

Sự phân hoá các điều kiện tự nhiên từ bắc xuống nam và từ tây sang đông có ảnh hưởng sâu sắc tới sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mĩ.

Ở vùng đồng bằng trung tâm, trước đây sản xuất nông nghiệp được phân bố thành các vành đai chuyên canh. Ngày nay sản xuất đã trở nên đa canh nhưng những sản phẩm nông nghiệp chính vẫn phân bố khá tập trung : lúa mì trồng nhiều ở phía nam Ca-na-đa và phía bắc Hoa Kì ; xuống phía nam là vùng trồng ngô xen lúa mì, chăn nuôi lợn, bò sữa ; ven vịnh Mê-hi-cô là nơi trồng cây công nghiệp nhiệt đới (bông, mía...) và cây ăn quả.

Ở vùng núi và cao nguyên phía tây của Hoa Kì có khí hậu khô hạn, gia súc được chăn thả trên đồng cỏ vào mùa xuân - hạ, đến mùa thu - đông được chuyển về phía đông để vỗ béo trước khi đưa vào lò mổ. Phía tây nam Hoa Kì có khí hậu cận nhiệt đới, trồng nhiều cây ăn quả như cam, chanh và nho.

Trên sơn nguyên Mê-hi-cô, ngoài chăn nuôi gia súc lớn, người ta còn trồng ngô và các cây công nghiệp nhiệt đới để xuất khẩu.

Nhờ có các điều kiện tự nhiên thuận lợi và trình độ khoa học - kĩ thuật tiên tiến, nền nông nghiệp Bắc Mĩ sản xuất theo quy mô lớn, phát triển đến mức độ cao ; đặc biệt, sản xuất nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa chiếm vị trí hàng đầu thế giới.

Phân bố sản xuất nông nghiệp cũng có sự phân hoá rõ rệt từ bắc xuống nam và từ tây sang đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Những điều kiện nào làm cho nền nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa phát triển đến trình độ cao ?
2. Dựa vào hình 38.2, trình bày sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mĩ.

Bài 39 : KINH TẾ BẮC MĨ

(Tiếp theo)

Hoa Kì và Ca-na-đa là hai cường quốc công nghiệp hàng đầu trên thế giới. Công nghiệp chế biến chiếm ưu thế, được xây dựng trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật mới nhất. Các nước Bắc Mĩ đã thành lập khối kinh tế chung.

2. Công nghiệp chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới

Các nước Bắc Mĩ có nền công nghiệp phát triển cao, đặc biệt là Hoa Kì và Ca-na-đa.

- Dựa vào hình 39.1, nêu sự phân bố các ngành công nghiệp ở Bắc Mĩ.

Hình 39.1 - Lược đồ công nghiệp Bắc Mĩ

Hoa Kì có nền công nghiệp đứng đầu thế giới, với đầy đủ các ngành chủ yếu, tập trung cao trong các công ti xuyên quốc gia. Công nghiệp chế biến chiếm 80% sản lượng của toàn ngành công nghiệp.

Vào cuối thế kỉ XIX, Hoa Kì phát triển mạnh các ngành truyền thống như luyện kim, chế tạo máy công cụ, hoá chất, dệt, thực phẩm... ; tập trung ở phía nam Hồ Lớn và vùng Đông Bắc ven Đại Tây Dương.

Hình 39.2 - Tàu con thoi Cha-len-giơ

Hình 39.3 - Xưởng lắp ráp máy bay Bô-ing

Trong một thời gian dài, sản xuất công nghiệp ở Hoa Kì có những biến động lớn. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế liên tiếp (1970-1973, 1980-1982), vành đai các ngành công nghiệp truyền thống bị sa sút dần và phải thay đổi công nghệ để có thể tiếp tục phát triển. Trong khi đó, các ngành công nghiệp gắn với công nghệ kĩ thuật cao như sản xuất máy móc tự động, điện tử, vi điện tử, sản xuất vật liệu tổng hợp, hàng không vũ trụ được phát triển rất nhanh ở phía nam và duyên hải Thái Bình Dương, làm xuất hiện "Vành đai Mặt Trời".

Các ngành công nghiệp quan trọng của Ca-na-đa là khai thác khoáng sản, luyện kim, lọc dầu, chế tạo xe lửa, hoá chất, công nghiệp gỗ, bột giấy và giấy, công nghiệp thực phẩm ; chủ yếu phân bố ở phía bắc Hồ Lớn và duyên hải Đại Tây Dương.

Các ngành công nghiệp quan trọng của Mê-hi-cô là khai thác dầu khí và quặng kim loại màu, hoá dầu, chế biến thực phẩm... ; tập trung ở thủ đô Mê-hi-cô Xi-ti và các thành phố ven vịnh Mê-hi-cô.

3. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế

- Dựa vào bảng số liệu dưới đây, cho biết vai trò của các ngành dịch vụ ở Bắc Mĩ.

(Năm 2001)

Tên nước	GDP (triệu USD)	Cơ cấu trong GDP (%)		
		Công nghiệp	Nông nghiệp	Dịch vụ
Ca-na-đa	677178	27	5	68
Hoa Kì	10171400	26	2	72
Mê-hi-cô	617817	28	4	68

Các ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải... đóng vai trò quan trọng ở Bắc Mĩ. Các ngành này phân bố chủ yếu ở các thành phố quanh vùng Hồ Lớn, vùng Đông Bắc và "Vành đai Mặt Trời" của Hoa Kì.

4. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mĩ (NAFTA)

Năm 1993, Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mĩ được Hoa Kì,Ca-na-đa và Mê-hi-cô thông qua, hình thành một khối kinh tế gồm khoảng 419,5 triệu người (2001), có nguồn tài nguyên phong phú cả về nguyên liệu và nhiên liệu.

Khối kinh tế này được thành lập để kết hợp thế mạnh của cả ba nước, tạo nên một thị trường chung rộng lớn, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Hoa Kì và Ca-na-đa là hai quốc gia có nền kinh tế phát triển cao, công nghệ hiện đại. Mê-hi-cô có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

Trong nội bộ NAFTA, Hoa Kì chiếm phần lớn kim ngạch xuất khẩu và vốn đầu tư nước ngoài vào Mê-hi-cô, hơn 80% kim ngạch xuất khẩu của Ca-na-đa.

Các nước Bắc Mĩ có nền công nghiệp phát triển. Công nghiệp chế biến chiếm ưu thế. Gần đây, nhiều ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, hàng không vũ trụ ... được chú trọng phát triển.

Hoa Kì, Ca-na-đa và Mê-hi-cô đã thông qua Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mĩ hình thành khối kinh tế có tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào và công nghệ hiện đại, nhằm cạnh tranh có hiệu quả hơn trên thị trường thế giới.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các ngành công nghiệp quan trọng của các nước Bắc Mĩ. Những năm gần đây, sản xuất công nghiệp ở Hoa Kì biến đổi như thế nào ?
2. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mĩ (NAFTA) có ý nghĩa gì với các nước Bắc Mĩ ?

Bài 40 : THỰC HÀNH

TÌM HIỂU VÙNG CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG Ở ĐÔNG BẮC HOA KÌ VÀ VÙNG CÔNG NGHIỆP "VÀNH ĐAI MẶT TRỜI"

1. Vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kì

- Quan sát trên các hình 37.1, 39.1 và dựa vào kiến thức đã học, cho biết :
+ Tên các đô thị lớn ở Đông Bắc Hoa Kì.
+ Tên các ngành công nghiệp chính ở đây.
+ Tại sao các ngành công nghiệp truyền thống ở vùng Đông Bắc Hoa Kì có thời kì bị sa sút ?

2. Sự phát triển của vành đai công nghiệp mới

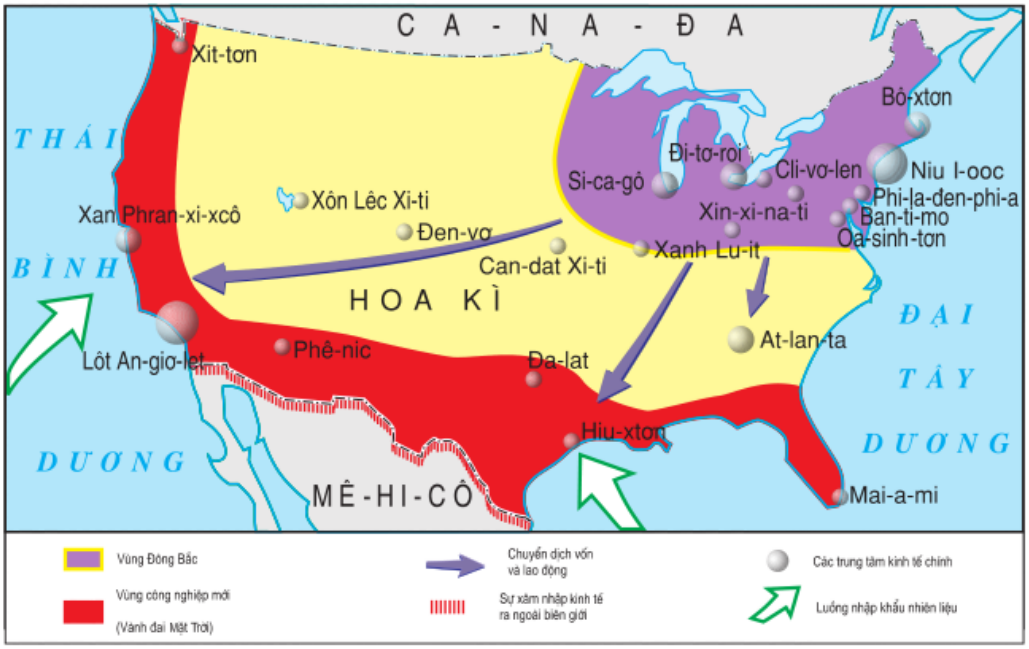

Hình 40.1 - Lược đồ không gian công nghiệp Hoa Kì

- Quan sát trên hình 40.1 và dựa vào kiến thức đã học, cho biết :
+ Hướng chuyển dịch vốn và lao động ở Hoa Kì.
+ Tại sao có sự chuyển dịch vốn và lao động trên lãnh thổ Hoa Kì ?
+ Vị trí của vùng công nghiệp "Vành đai Mặt Trời" có những thuận lợi gì ?

Bài 41 : THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MĨ

Với diện tích rộng lớn, địa hình đa dạng, trải dài theo phương kinh tuyến từ xích đạo đến vòng cực, Trung và Nam Mĩ có gần đủ các kiểu môi trường trên Trái Đất.

1. Khái quát tự nhiên

Khu vực Trung và Nam Mĩ gồm eo đất Trung Mĩ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mĩ. Với diện tích 20,5 triệu km^2, Trung và Nam Mĩ là một không gian địa lí rộng lớn.

- Quan sát hình 41.1, cho biết Trung và Nam Mĩ giáp các biển và đại dương nào ?

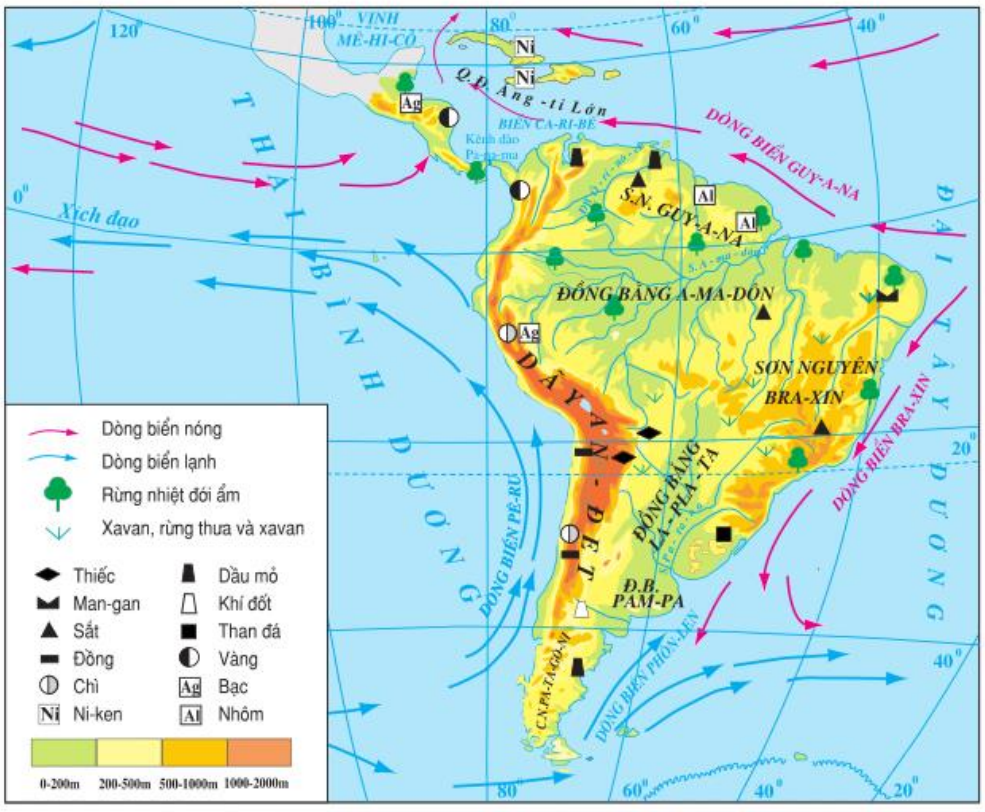

Hình 41.1 - Lược đồ tự nhiên Trung và Nam Mĩ

a) Eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti

- Quan sát hình 41.1và các kiến thức đã học, cho biết :

+ Eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti nằm trong môi trường nào ?

+ Loại gió thổi quanh năm ở đây là gió gì, thổi theo hướng nào ?

Eo đất Trung Mĩ là nơi tận cùng của hệ thống Cooc-đi-e, có núi cao chạy dọc eo đất và nhiều núi lửa hoạt động. Ở các sườn núi hướng về phía đông và các đồng bằng ven vịnh Mê-hi-cô mưa nhiều, rừng rậm nhiệt đới bao phủ.

Quần đảo Ăng-ti là một vòng cung gồm vô số các đảo lớn nhỏ, kéo dài từ cửa vịnh Mê-hi-cô đến bờ đại lục Nam Mĩ, bao quanh biển Ca-ri-bê. Phía đông các đảo có mưa nhiều nên rừng rậm phát triển, phía tây mưa ít nên phát triển xavan và rừng thưa, cây bụi.

b) Khu vực Nam Mĩ

Nam Mĩ có ba khu vực địa hình.

Dãy núi trẻ An-đét chạy dọc phía tây của Nam Mĩ. Đây là miền núi trẻ, cao và đồ sộ nhất châu Mĩ. Độ cao trung bình từ 3000 m đến 5000 m, nhưng nhiều đỉnh vượt quá 6000 m, băng tuyết bao phủ quanh năm. Giữa các dãy núi có nhiều thung lũng và cao nguyên rộng, quan trọng nhất là cao nguyên Trung An-đet. Miền núi An-đet có độ cao lớn lại trải dài trên nhiều vĩ độ nên thiên nhiên thay đổi từ bắc xuống nam và từ thấp lên cao, rất phức tạp.

Ở giữa là các đồng bằng rộng lớn. Phía bắc là đồng bằng Ô-ri-nô-cô hẹp, nhiều đầm lầy. Tiếp đến là đồng bằng A-ma-dôn, rộng và bằng phẳng nhất thế giới. Phía nam có đồng bằng Pam-pa và đồng bằng La-pla-ta, địa hình cao dần về phía dãy An-đet ; đây là vựa lúa và vùng chăn nuôi lớn của Nam Mĩ.

Phía đông là các sơn nguyên. Sơn nguyên Guy-a-na được hình thành từ lâu đời và bị bào mòn mạnh, trở thành một miền đồi và núi thấp xen các thung lũng rộng. Sơn nguyên Bra-xin cũng được hình thành từ lâu nhưng được nâng lên, bề mặt bị cắt xẻ ; rìa phía đông sơn nguyên có nhiều dãy núi khá cao xen các cao nguyên núi lửa ; đất tốt, khí hậu nóng và ẩm ướt nên rừng cây phát triển rậm rạp.

Trung và Nam Mĩ bao gồm eo đất Trung Mĩ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mĩ.

Nam Mĩ có cấu trúc địa hình : núi ở phía tây, đồng bằng ở giữa và các sơn nguyên ở phía đông.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát hình 41.1, nêu đặc điểm địa hình của lục địa Nam Mĩ.
2. So sánh đặc điểm địa hình Nam Mĩ với đặc điểm địa hình Bắc Mĩ.

Bài 42 : THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MĨ

(Tiếp theo)

Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ phong phú, đa dạng ; chủ yếu thuộc môi trường đới nóng.

2. Sự phân hoá tự nhiên

a) Khí hậu

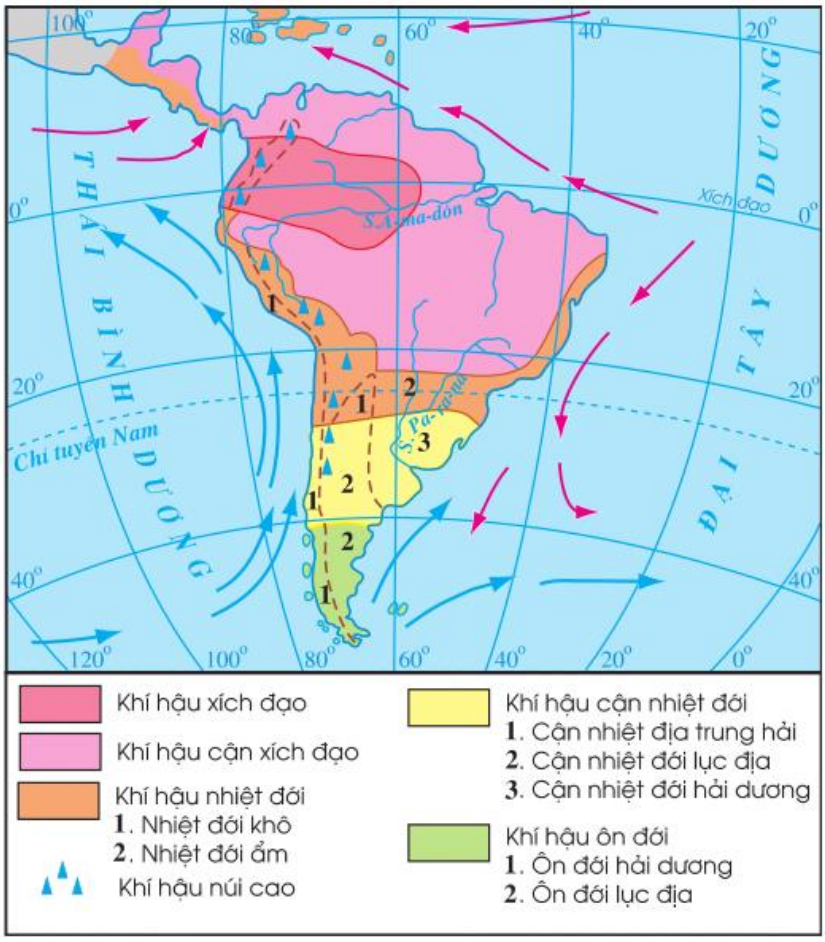

Hình 42.1 - Lược đồ khí hậu Trung và Nam Mĩ

Trung và Nam Mĩ có gần đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

- Quan sát hình 42.1, cho biết :

+ Trung và Nam Mĩ có các kiểu khí hậu nào ?

+ Sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Nam Mĩ với khí hậu Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti.

b) Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

Thiên nhiên ở Trung và Nam Mĩ phong phú và đa dạng, có sự khác biệt từ bắc xuống nam và từ thấp lên cao.

Rừng xích đạo xanh quanh năm phát triển ở đồng bằng A-ma-dôn. Khí hậu xích đạo nóng ẩm, mưa quanh năm. A-ma-dôn là con sông có diện tích lưu vực và lượng nước lớn nhất thế giới, với hơn 500 phụ lưu lớn nhỏ, nằm cả ở nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Toàn bộ đồng bằng được rừng rậm nhiệt đới bao phủ, với các chủng loại thực vật và động vật rất phong phú. Trong rừng có nhiều loài cây gỗ lớn, cây bụi thấp, với dây leo chằng chịt, tạo thành nhiều tầng tán khác nhau. Trên cây có nhiều giống khỉ đuôi dài, nhiều loại chim đủ màu sắc. Dưới đất có trăn, rắn, lợn rừng, heo vòi, báo, hổ ... Các sông và đầm lầy có nhiều cá, ba ba, cá sấu.

Ở phía đông của eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti có rừng rậm nhiệt đới.

Rừng thưa và xavan có ở phía tây của eo đất Trung Mĩ, quần đảo Ăng-ti và nhất là ở đồng bằng Ô-ri-nô-cô. Khí hậu ở đây có nhiệt độ cao, chế độ mưa và ẩm theo mùa, mùa khô kéo dài.

Toàn bộ đồng bằng Pam-pa là một thảo nguyên rộng mênh mông, địa hình cao dần về phía dãy An-đet. Lượng mưa từ 1000 mm - 1200 mm, phân bố theo mùa.

Miền đồng bằng duyên hải phía tây của vùng Trung An-đet, do chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh, quanh năm hầu như không mưa nên trở thành vùng khô hạn nhất châu lục. Phần lớn mặt đất đều trơ trụi, lơ thơ một vài loài cây xương rồng hoặc cây bụi gai nhỏ.

Trên cao nguyên Pa-ta-gô-ni, lượng mưa hằng năm rất thấp, bán hoang mạc ôn đới phát triển.

Do vị trí địa lí và địa hình, thiên nhiên miền núi An-đet thay đổi rất phức tạp theo hai chiều : từ bắc xuống nam và từ chân núi lên đỉnh núi.

Ở dưới thấp, vùng Bắc và Trung An-đet thuộc các đới khí hậu nóng và ẩm ướt, có rừng xích đạo xanh quanh năm rậm rạp. Vùng Nam An-đet thuộc khí hậu ôn hoà, phát triển rừng cận nhiệt và ôn đới.

Lên cao, nhiệt độ và độ ẩm thay đổi, các cảnh quan tự nhiên cũng thay đổi theo.

Do lãnh thổ trải dài theo hướng kinh tuyến từ vùng chí tuyến Bắc đến gần vòng cực Nam, lại có hệ thống núi cao đồ sộ ở phía tây, Trung và Nam Mĩ có gần đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất. Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ phong phú, đa dạng. Phần lớn diện tích khu vực nằm trong môi trường xích đạo ẩm và môi trường nhiệt đới.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát hình 41.1 và 42.1, nêu tên các kiểu khí hậu ở Trung và Nam Mĩ. Sự phân bố các kiểu khí hậu này có mối quan hệ như thế nào với sự phân bố địa hình ?
2. Trình bày các kiểu môi trường chính ở Trung và Nam Mĩ.
3. Quan sát hình 41.1 và 42.1, giải thích vì sao dải đất duyên hải phía tây An-đet lại có hoang mạc ?

Bài 43 : DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MĨ

Các nước Trung và Nam Mĩ đều trải qua quá trình đấu tranh lâu dài giành độc lập, chủ quyền. Sự hợp huyết giữa người Âu, người Phi và người Anh-điêng đã làm cho Trung và Nam Mĩ có thành phần người lai khá đông và xuất hiện nền văn hoá Mĩ latinh độc đáo.

1. Sơ lược lịch sử

Trước khi Cri-xtốp Cô-lôm-bô khám phá ra Tân thế giới (năm 1492), trên lãnh thổ Trung và Nam Mĩ chỉ có thổ dân Anh-điêng sinh sống. Từ thế kỉ XVI, thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... kéo tới tàn sát và đẩy dần người Anh - điêng về phía tây, chiếm những vùng đất rộng lớn màu mỡ làm thuộc địa, đồng thời đưa người da đen từ châu Phi tới để làm nô lệ lao động trong các đồn điền.

Các nước Trung và Nam Mĩ trải qua quá trình đấu tranh lâu dài và đã giành được độc lập, trước tiên là Ha-i-ti (năm 1804). Tuy vậy, trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực đều phụ thuộc chặt chẽ vào Hoa Kì. Hiện nay, các nước Trung và Nam Mĩ đang từng bước thoát khỏi sự lệ thuộc vào nước ngoài và liên kết với nhau trong tổ chức kinh tế khu vực.

2. Dân cư

Dân cư Trung và Nam Mĩ phần lớn là người lai, do sự hợp huyết giữa người Âu gốc Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha thuộc nhóm ngôn ngữ Latinh với người gốc Phi và người Anh-điêng bản địa. Sự hoà trộn này đã tạo nên nền văn hoá Mĩ latinh độc đáo.

Trung và Nam Mĩ có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao (trên 1,7%). Dân cư tập trung ở một số miền ven biển, cửa sông hoặc trên các cao nguyên có khí hậu khô ráo, mát mẻ ; còn các vùng ở sâu trong nội địa dân cư thưa thớt.

3. Đô thị hoá

Trung và Nam Mĩ đang dẫn đầu thế giới về tốc độ đô thị hoá. Tỉ lệ dân đô thị chiếm khoảng 75% dân số. Tuy nhiên, 35% - 45% dân đô thị phải sống ở ngoại ô, trong các khu nhà ổ chuột, với những điều kiện khó khăn.

Hình 43.1 - Lược đồ các đô thị châu Mĩ

- Quan sát hình 43.1, hãy :

+ Cho biết sự phân bố các đô thị từ 3 triệu người trở lên ở Trung và Nam Mĩ có gì khác với ở Bắc Mĩ.

+ Nêu tên các đô thị ở Trung và Nam Mĩ có số dân trên 5 triệu người.

Các đô thị lớn nhất ở Trung và Nam Mĩ là Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô, Bu-ê-nôt Ai-ret. Tốc độ đô thị hoá nhanh trong khi kinh tế còn chậm phát triển đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

- Nêu những vấn đề xã hội nảy sinh do đô thị hoá tự phát ở Trung và Nam Mĩ.

Các nước Trung và Nam Mĩ đều trải qua quá trình đấu tranh lâu dài để giành độc lập và hiện đang cố gắng thoát khỏi sự lệ thuộc vào Hoa Kì.

Dân cư Trung và Nam Mĩ phân bố không đều : chủ yếu tập trung ở ven biển, cửa sông và trên các cao nguyên ; thưa thớt ở các vùng nằm sâu trong nội địa. Trung và Nam Mĩ có nền văn hoá Mĩ latinh độc đáo, do sự kết hợp từ ba dòng văn hoá : Âu, Phi và Anh-điêng.

Các đô thị lớn nhất là Xao Pao-lô, Ri-ô đê Gia-nê-rô, Bu-ê-nôt Ai-ret.

Câu hỏi và bài tập

1. Quan sát hình 43.1, giải thích sự thưa thớt dân cư ở một số vùng của châu Mĩ.
2. Quá trình đô thị hoá ở Trung và Nam Mĩ khác với ở Bắc Mĩ như thế nào ?

Bài 44 : KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MĨ

Trong nông nghiệp, ở Trung và Nam Mĩ còn tồn tại sự phân chia ruộng đất không công bằng, biểu hiện qua hai hình thức sở hữu nông nghiệp là đại điền trang (la-ti-fun-đi-a) và tiểu điền trang (mi-ni-fun-đi-a). Một số quốc gia Trung và Nam Mĩ đã tiến hành cải cách ruộng đất, nhưng kết quả thu được rất hạn chế.

1. Nông nghiệp

a) Các hình thức sở hữu trong nông nghiệp

Ở Trung và Nam Mĩ, chế độ chiếm hữu ruộng đất rất nặng nề, ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Hai hình thức sở hữu nông nghiệp phổ biến ở Trung và Nam Mĩ là đại điền trang và tiểu điền trang.

Đại điền trang thuộc sở hữu của các đại điền chủ, họ chỉ chiếm chưa tới 5% số dân nhưng sở hữu trên 60% diện tích đất đai canh tác và đồng cỏ chăn nuôi. Quy mô của đại điền trang lên tới hàng nghìn hec ta, năng suất thấp do sản xuất theo lối quảng canh. Trong khi đó, một bộ phận lớn nông dân không có ruộng đất, phải đi làm thuê.

Tiểu điền trang thuộc sở hữu của các hộ nông dân, có diện tích dưới 5 ha, phần lớn trồng các cây lương thực để tự túc.

Ngoài ra, nhiều công ti tư bản của Hoa Kì và Anh đã mua những vùng đất rộng lớn, lập đồn điền để trồng trọt và chăn nuôi, xây dựng các cơ sở chế biến nông sản xuất khẩu.

Hình 44.1 - Trồng lúa mì ở Pê-ru

Hình 44.2 - Chăn thả bò ở Ac-hen-ti-na

Hình 44.3 - Thu hoạch đậu tương ở Bra-xin

Để giảm bớt sự bất hợp lí trong sở hữu ruộng đất, một số quốc gia ở Trung và Nam Mĩ đã ban hành luật cải cách ruộng đất, tổ chức khai hoang đất mới hoặc mua lại ruộng đất của đại điền chủ hoặc công ti nước ngoài để chia cho nông dân ; tuy nhiên, do vấp phải sự chống đối của các đại điền chủ và các công ti nước ngoài, việc chia ruộng đất cho nông dân gặp nhiều khó khăn. Riêng nhà nước xã hội chủ nghĩa Cu-ba đã tiến hành thành công cải cách ruộng đất.

b) Các ngành nông nghiệp

- Ngành trồng trọt

- Dựa vào hình 44.4, cho biết Trung và Nam Mĩ có các loại cây trồng chủ yếu nào và phân bố ở đâu ?

Hình 44.4 - Lược đồ nông nghiệp Trung và Nam Mĩ

Do lệ thuộc vào nước ngoài, ngành trồng trọt ở nhiều nước Trung và Nam Mĩ mang tính chất độc canh, mỗi quốc gia trồng một vài loại cây công nghiệp hoặc cây ăn quả... để xuất khẩu. Các quốc gia ở eo đất Trung Mĩ trồng mía, bông, cà phê và đặc biệt là chuối. Các quốc gia trên quần đảo Ăng-ti trồng cà phê, ca cao, thuốc lá và đặc biệt là mía (Cu-ba). Các quốc gia ở Nam Mĩ cũng trồng nhiều bông, chuối, ca cao, mía, cây ăn quả cận nhiệt và đặc biệt là cà phê (Bra-xin, Cô-lôm-bi-a).

Một số nước xuất khẩu nhiều lúa mì như Bra-xin, Ac-hen-ti-na ; tuy vậy, nhiều nước ở Trung và Nam Mĩ vẫn phải nhập lương thực.

- Ngành chăn nuôi và đánh cá

- Dựa vào hình 44.4, cho biết loại gia súc chủ yếu được nuôi ở Trung và Nam Mĩ. Chúng được nuôi chủ yếu ở đâu ? Vì sao ?

Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-goay, Pa-ra-goay là những nước có ngành chăn nuôi bò thịt, bò sữa phát triển với quy mô lớn, nhờ có nhiều đồng cỏ rộng tươi tốt. Trên sườn núi Trung An-đet, người ta nuôi cừu, lạc đà Lama.

Ở Pê-ru rất phát triển ngành đánh cá biển, sản lượng cá vào bậc nhất thế giới.

Chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung và Nam Mĩ còn bất hợp lí. Nền nông nghiệp của nhiều quốc gia bị lệ thuộc vào nước ngoài.

Các nông sản xuất khẩu chủ yếu là cây công nghiệp và cây ăn quả như chuối, cà phê, ca cao, thuốc lá, mía, bông... Một số nước ở Nam Mĩ phát triển trồng cây lương thực, chăn nuôi gia súc theo quy mô lớn. Tuy vậy, đa số các nước Trung và Nam Mĩ vẫn phải nhập lương thực và thực phẩm.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu sự bất hợp lí trong chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung và Nam Mĩ.
2. Dựa vào hình 44.4, nêu tên và trình bày sự phân bố của các cây trồng chính ở Trung và Nam Mĩ.

Bài 45 : KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MĨ

(Tiếp theo)

2. Công nghiệp

- Dựa vào hình 45.1, trình bày sự phân bố sản xuất của các ngành công nghiệp chủ yếu ở khu vực Trung và Nam Mĩ.

Hình 45.1 - Lược đồ phân bố công nghiệp Trung và Nam Mĩ

Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Chi-lê và Vê-nê-xu-ê-la là những nước công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhất trong khu vực. Các ngành công nghiệp chủ yếu là cơ khí chế tạo, lọc dầu, hoá chất, dệt, thực phẩm... Các nước trên luôn cố gắng thu hút vốn đầu tư nước ngoài để phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng vốn vay thiếu hiệu quả, dẫn đến nợ nước ngoài tăng cao, đe doạ sự ổn định kinh tế trong nước.

Các nước ở khu vực An-đét và eo đất Trung Mĩ phát triển mạnh công nghiệp khai khoáng. Đa số các xí nghiệp khai thác khoáng sản lớn đều do các công ti tư bản nước ngoài nắm giữ.

Ở các nước trong vùng biển Ca-ri-bê, ngành công nghiệp chủ yếu là sơ chế nông sản và chế biến thực phẩm như sản xuất đường, đóng hộp hoa quả...

3. Vấn đề khai thác rừng A-ma-dôn

Với diện tích rộng lớn, đất đai màu mỡ được bao phủ bởi rừng rậm nhiệt đới, mạng lưới sông ngòi rộng lớn và dày đặc, nhiều khoáng sản với trữ lượng lớn... A-ma-dôn không chỉ là lá phổi của thế giới, một vùng dự trữ sinh học quý giá mà còn là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải đường sông.

Việc khai thác rừng A-ma-dôn để lấy gỗ và lấy đất canh tác, xây dựng đường bộ và đường sắt xuyên A-ma-dôn đến các vùng mỏ và các đô thị mới đã góp phần phát triển kinh tế và đời sống ở vùng đồng bằng A-ma-dôn nhưng cũng làm cho môi trường rừng A-ma-dôn bị huỷ hoại dần, ảnh hưởng tới khí hậu khu vực và toàn cầu.

4. Khối thị trường chung Mec-cô-xua

Năm 1991, các nước Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay và Pa-ra-guay đã thống nhất cùng nhau hình thành một thị trường chung để tăng cường quan hệ ngoại thương giữa các thành viên, thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kì. Đó là cơ sở để hình thành Khối thị trường chung Mec-cô-xua.

Việc tháo dỡ hàng rào thuế quan và tăng cường trao đổi thương mại giữa các quốc gia trong khối đã góp phần gia tăng sự thịnh vượng của các thành viên trong khối.

Những năm qua, khối Mec-cô-xua đã kết nạp thêm hai thành viên mới là Chi-lê, Bô-li-vi-a và đang hướng tới việc thành lập thị trường chung Liên Mĩ.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của các nước Trung và Nam Mĩ là sản xuất nông sản và khai thác khoáng sản nhằm mục đích xuất khẩu. Bốn nước có nền kinh tế phát triển nhất trong khu vực là Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Chi-lê và Vê-nê-xu-ê-la.

Việc khai thác rừng A-ma-dôn vào mục đích kinh tế đã tác động xấu tới môi trường của khu vực và thế giới.

Để thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kì, một số quốc gia ở Trung và Nam Mĩ đã cùng nhau hình thành Khối thị trường chung Mec-cô-xua.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày sự phân bố sản xuất của một số ngành công nghiệp chủ yếu ở Trung và Nam Mĩ.
2. Tại sao phải đặt vấn đề bảo vệ rừng A-ma-dôn ?

Bài 46 : THỰC HÀNH

SỰ PHÂN HOÁ CỦA THẢM THỰC VẬT Ở SƯỜN ĐÔNG VÀ SƯỜN TÂY CỦA DÃY AN-ĐET

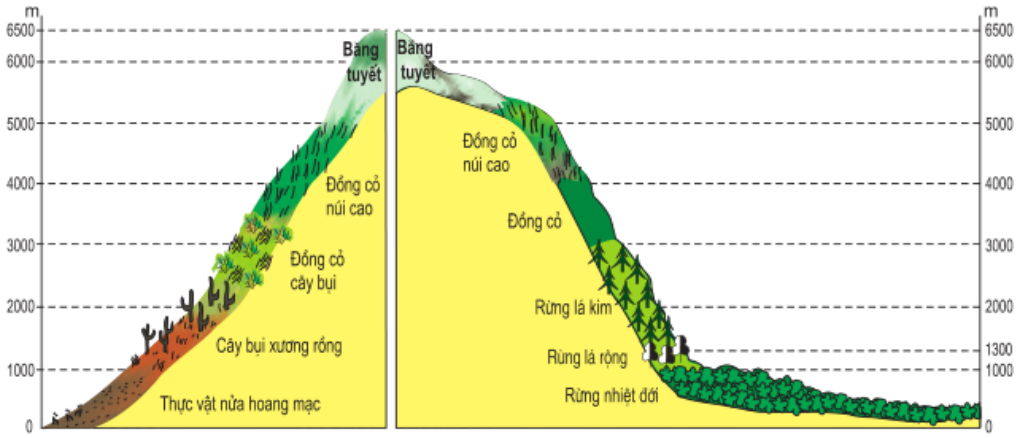

Hình 46.1 - Sơ đồ sườn tây An-đet qua lãnh thổ Pê-ru

Hình 46.2 - Sơ đồ sườn đông An-đet qua lãnh thổ Pê-ru

1. Quan sát hình 46.1, cho biết các đai thực vật theo chiều cao ở sườn tây An-đet.

2. Quan sát hình 46.2 :

- Cho biết thứ tự các đai thực vật theo chiều cao của sườn đông An-đet.

- Từng đai thực vật được phân bố từ độ cao nào đến độ cao nào ?

3. Quan sát các hình 46.1 và 46.2, cho biết : Tại sao từ độ cao 0m đến 1000m, ở sườn đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn tây là thực vật nửa hoang mạc ?

Chương VIII

CHÂU NAM CỰC

Bài 47 : CHÂU NAM CỰC - CHÂU LỤC LẠNH NHẤT THẾ GIỚI

Châu Nam Cực bị băng tuyết bao phủ quanh năm. Vì thế nơi đây không có cư dân sinh sống thường xuyên...

1. Khí hậu

Châu Nam Cực bao gồm phần lục địa Nam Cực và các đảo ven lục địa. Diện tích 14,1 triệu km^2.

- Quan sát hình 47.1, xác định vị trí địa lí của châu Nam Cực. Vị trí địa lí đó ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của châu lục ?

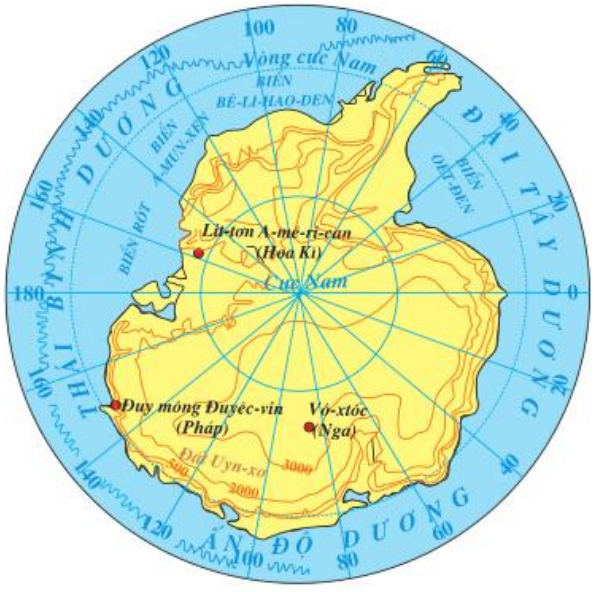

Hình 47.1 - Lược đồ tự nhiên châu Nam Cực

- Quan sát hình 47.2, nhận xét về chế độ nhiệt của châu Nam Cực.

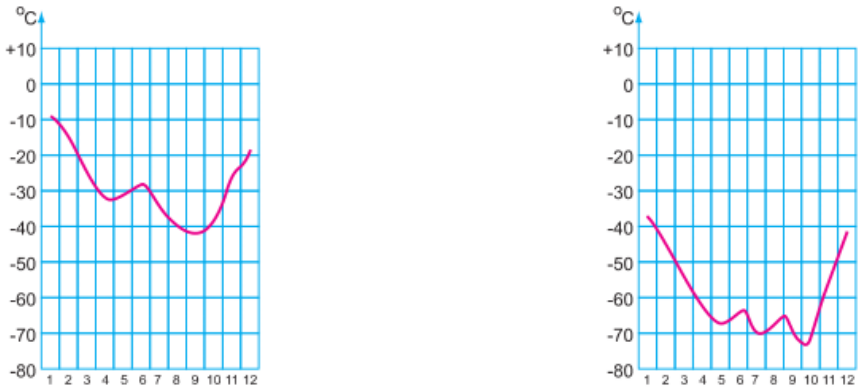

Trạm Lit-tơn A-mê-ri-can Trạm Vô-xtốc

Hình 47.2 - Biểu đồ nhiệt độ của hai địa điểm ở châu Nam Cực

Châu Nam Cực còn được gọi là "cực lạnh" của thế giới. Vào năm 1967, các nhà khoa học Na Uy đã đo được nhiệt độ thấp nhất ở Nam Cực là -94,5°C.

Nơi đây là vùng khí áp cao ; gió từ trung tâm lục địa toả ra theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, với vận tốc thường trên 60 km/giờ. Vùng Nam Cực là nơi có gió bão nhiều nhất thế giới.

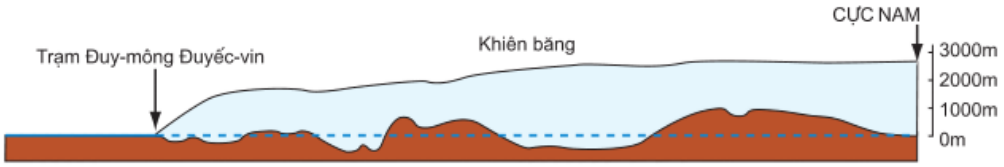

Hình 47.3 - Lát cắt địa hình và lớp phủ băng ở lục địa Nam Cực

- Quan sát hình 47.3, cho biết đặc điểm nổi bật của bề mặt lục địa Nam Cực.

Do điều kiện khí hậu giá lạnh quanh năm, gần như toàn bộ lục địa Nam Cực bị băng phủ, tạo thành các cao nguyên băng khổng lồ. Thể tích băng ở đây lên tới trên 35 triệu km^3.

Lớp băng phủ ở lục địa Nam Cực thường xuyên di chuyển từ vùng trung tâm ra các biển xung quanh. Khi đến bờ, băng bị vỡ ra, tạo thành các băng sơn (núi băng) trôi trên biển, rất nguy hiểm cho tàu bè qua lại.

Ngày nay, dưới tác động của hiệu ứng nhà kính, khí hậu Trái Đất đang nóng lên, lớp băng ở Nam Cực ngày càng tan chảy nhiều hơn.

- Sự tan băng ở châu Nam Cực sẽ ảnh hưởng đến đời sống của con người trên Trái Đất như thế nào ?

Do khí hậu lạnh khắc nghiệt, trên lục địa Nam Cực, thực vật không thể tồn tại. Chim cánh cụt, hải cẩu, hải báo và các loài chim biển sống ở ven lục địa và trên các đảo, dựa vào nguồn tôm, cá và phù du sinh vật dồi dào trong các biển bao quanh. Cá voi xanh ở vùng biển Nam Cực trước kia rất nhiều, nhưng do con người đánh bắt quá mức nên chúng đang có nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

Lục địa Nam Cực giàu khoáng sản như than đá, sắt, đồng ... trong đó nhiều nhất là than và sắt. Ngoài ra, vùng thềm lục địa Nam Cực còn có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên.

2. Vài nét về lịch sử khám phá và nghiên cứu

Nam Cực là châu lục được biết đến muộn nhất.

Con người đã phát hiện ra châu Nam Cực vào cuối thế kỉ XIX, nhưng mãi đến đầu thế kỉ XX một số nhà thám hiểm mới đặt chân lên được lục địa và sau đó tiến sâu dần vào các vùng nội địa.

Hình 47.4 - Một trạm nghiên cứu ở châu Nam Cực

Từ năm 1957, việc nghiên cứu châu Nam Cực được xúc tiến mạnh mẽ và toàn diện. Đã có nhiều nước như Nga, Hoa Kì, Anh, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Ác-hen-ti-na, Nhật Bản... xây dựng các trạm nghiên cứu khoa học ở đây.

Ngày 1-12-1959, đã có 12 quốc gia kí "Hiệp ước Nam Cực", quy định việc khảo sát Nam Cực chỉ giới hạn trong mục đích vì hoà bình và không công nhận những đòi hỏi phân chia lãnh thổ, tài nguyên ở châu Nam Cực.

Cho đến nay, châu Nam Cực vẫn chưa có dân cư sinh sống thường xuyên, chỉ có các nhà khoa học sống trong các trạm nghiên cứu khoa học, được trang bị những phương tiện kĩ thuật hiện đại.

Châu Nam Cực bị băng tuyết bao phủ quanh năm, giàu tài nguyên khoáng sản, là châu lục được phát hiện và nghiên cứu muộn nhất. Đây là châu lục duy nhất trên thế giới chưa có cư dân sinh sống thường xuyên.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu những đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực.
2. Tại sao châu Nam Cực là một hoang mạc lạnh mà vùng ven bờ và trên các đảo vẫn có nhiều chim và động vật sinh sống ?

Chương IX

CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Bài 48 : THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Nằm giữa Thái Bình Dương mênh mông, châu Đại Dương có tổng diện tích hơn 8,5 triệu km^2, gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và vô số đảo lớn nhỏ. Khí hậu nóng ẩm điều hoà, cây cối xanh tốt quanh năm đã biến các đảo của châu Đại Dương thành "thiên đàng xanh" giữa biển cả mênh mông.

1. Vị trí địa lí, địa hình

Thái Bình Dương là đại dương lớn nhất thế giới, chiếm 1/3 diện tích bề mặt Trái Đất nhưng lại không yên tĩnh như tên gọi. Những trận cuồng phong trên biển và bão nhiệt đới có sức tàn phá lớn đối với các đảo và các vùng ven biển. Vành đai

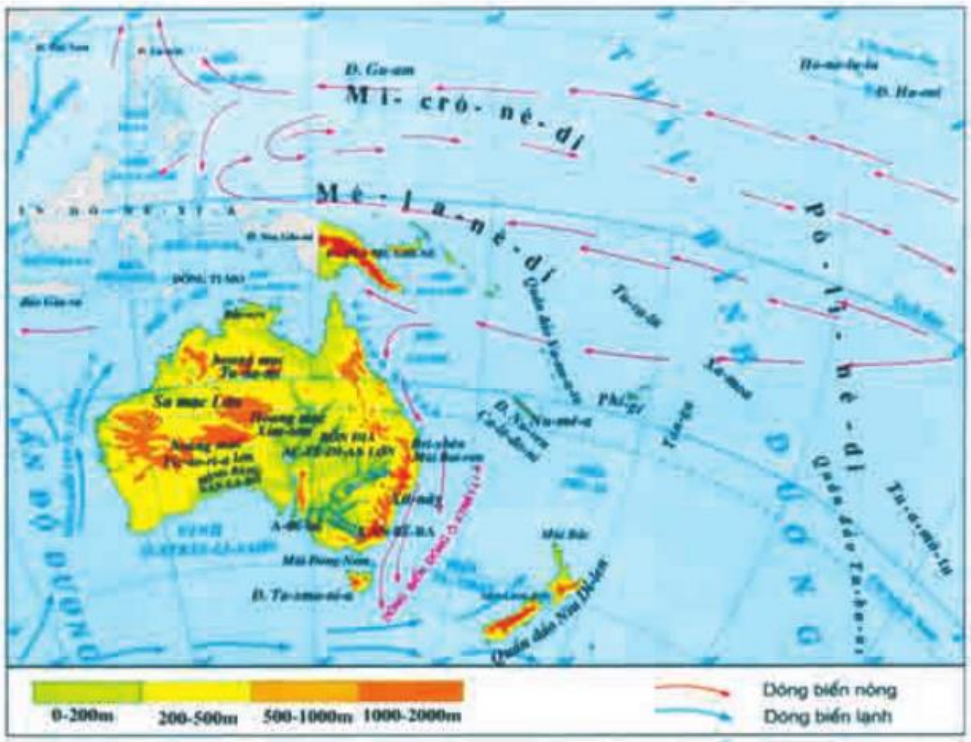

Hình 48.1 - Lược đồ tự nhiên châu Đại Dương

lửa Thái Bình Dương là nơi thường xuyên có những trận động đất và núi lửa phun, kèm theo những đợt sóng thần dữ dội.

Giữa màu xanh mênh mông của Thái Bình Dương, bên cạnh lục địa Ô-xtrây-li-a là vô số các đảo lớn nhỏ nằm rải rác hoặc tập trung thành những quần đảo, tạo thành các chuỗi đảo hình vòng cung. Tất cả hợp thành châu Đại Dương.

- Dựa vào hình 48.1, hãy :

+ Xác định vị trí lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo lớn của châu Đại Dương.

+ Xác định vị trí các chuỗi đảo thuộc châu Đại Dương.

Phía tây kinh tuyến 180º, trong vùng Tây Thái Bình Dương, từ phía nam lên là quần đảo Niu Di-len, lục địa Ô-xtrây-li-a, kế tiếp là chuỗi đảo núi lửa Mê-la-nê-di và trên cùng là chuỗi đảo san hô Mi-crô-nê-di với khoảng 1300 đảo nhỏ, nhiều đảo chỉ rộng trên dưới 1 km^2.

Phía đông kinh tuyến 180º là chuỗi đảo núi lửa nhỏ và đảo san hô Pô-li-nê-di, nằm rải rác trong vùng Đông Thái Bình Dương rộng lớn. Nhiều đảo cách xa nhau hàng nghìn kilômét.

2. Khí hậu, thực vật và động vật

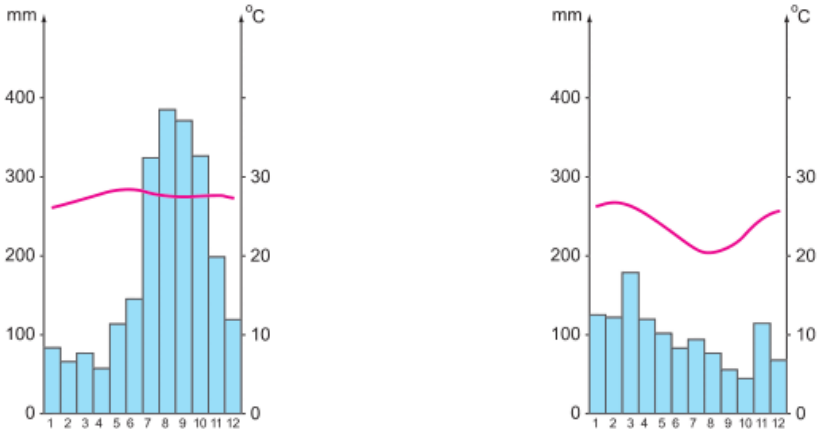

Trạm Gu-am

Trạm Nu-mê-a

Hình 48.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của hai trạm khí tượng thuộc châu Đại Dương

- Dựa vào hình 48.2, cho biết đặc điểm khí hậu của các đảo thuộc châu Đại Dương.

Phần lớn các đảo và quần đảo của châu Đại Dương có khí hậu nóng ẩm và điều hoà. Mưa nhiều nhưng lượng mưa thay đổi tuỳ thuộc vào hướng gió và hướng núi. Rừng xích đạo xanh quanh năm hoặc rừng mưa mùa nhiệt đới phát triển xanh tốt cùng với rừng dừa đã biến các đảo thành những "thiên đàng xanh" giữa Thái Bình Dương. Biển nhiệt đới trong xanh với các rặng san hô có nhiều hải sản, là nguồn sống của dân cư và là tài nguyên du lịch quan trọng của nhiều nước.

Phần lớn diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a là hoang mạc. Ô-xtrây-li-a nguyên là một phần của lục địa Nam Cực, được tách ra và trôi dạt về phía Xích đạo cách đây từ 55 triệu năm đến 10 triệu năm nên đã bảo tồn được những động vật độc đáo duy nhất trên thế giới như các loài thú có túi, cáo mỏ vịt ... Ở đây có hơn 600 loài bạch đàn khác nhau.

Quần đảo Niu Di-len và phía nam Ô-xtrây-li-a có khí hậu ôn đới.

Hình 48.3 - Cang-gu-ru

Hình 48.4 - Gấu túi Cô-a-la

Bão nhiệt đới cùng với nạn ô nhiễm biển và mực nước biển dâng cao do Trái Đất nóng lên đang đe doạ cuộc sống của dân cư trên nhiều đảo thuộc châu Đại Dương.

Châu Đại Dương gồm lục địa Ô-xtrây-li-a, quần đảo Niu Di-len, ba chuỗi đảo san hô và núi lửa Mê-la-nê-di, Mi-crô-nê-di, Pô-li-nê-di và vô số đảo nhỏ trong Thái Bình Dương. Phần lớn các đảo của châu Đại Dương có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, điều hoà, mưa nhiều. Phần lớn diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a là hoang mạc. Biển và rừng là những nguồn tài nguyên quan trọng của châu Đại Dương.

Câu hỏi và bài tập

1. Cho biết nguồn gốc hình thành các đảo của châu Đại Dương.
2. Nguyên nhân nào đã khiến cho các đảo và quần đảo của châu Đại Dương được gọi là "thiên đàng xanh" của Thái Bình Dương ?
3. Tại sao đại bộ phận diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn ?

Bài 49 : DÂN CƯ VÀ KINH TẾ CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Châu Đại Dương là châu lục thưa dân nhưng có tỉ lệ đô thị hoá cao. Trình độ phát triển kinh tế giữa các nước rất chênh lệch.

1. Dân cư

- Qua bảng số liệu dưới đây, nhận xét về mật độ dân số và tỉ lệ dân thành thị ở một số quốc gia thuộc châu Đại Dương (năm 2001).

Tên nước	Diện tích (nghìn km^2)	Dân số (triệu người)	Mật độ dân số (người / km^2)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
Toàn châu Đại Dương	8537	31	3,6	69
Pa-pua Niu Ghi-nê	463	5	10,8	15
Ô-xtrây-li-a	7741	19,4	2,5	85
Va-nu-a-tu	12	0,2	16,6	21
Niu Di-len	271	3,9	14,4	77

Châu Đại Dương là châu lục có mật độ dân số thấp nhất thế giới. Phần lớn dân cư sống tập trung ở dải đất hẹp phía đông và đông nam Ô-xtrây-li-a, ở Bắc Niu Di-len và ở Pa-pua Niu Ghi-nê. Trong khi đó, nhiều đảo chỉ có vài chục người hoặc không có người ở.

Hình 49.1 - Thành phố Xit-ni (Ô-xtrây-li-a)

Tỉ lệ dân thành thị cao, năm 2001 có tới 69% dân số sống trong các đô thị.

Dân cư gồm hai thành phần chính là người bản địa và người nhập cư.

Hình 49.2 - Người Pô-li-nê-diêng chuẩn bị ra khơi

Người bản địa chiếm khoảng 20% dân số, bao gồm người Ô-xtra-lô-it sống ở Ô-xtrây-li-a và các đảo chung quanh, người Mê-la-nê-diêng sống trên các đảo Tây Thái Bình Dương và người Pô-li-nê-diêng sống trên các đảo Đông Thái Bình Dương.

Người nhập cư chiếm khoảng 80% dân số, phần lớn là con cháu người châu Âu đến xâm chiếm và khai phá thuộc địa từ thế kỉ XVIII. Các nước có tỉ lệ người gốc Âu lớn nhất là Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len. Gần đây còn có thêm người nhập cư gốc Á.

Châu Đại Dương còn có một số đảo thuộc chủ quyền của một số quốc gia ở các châu lục khác (như : Anh, Pháp, Hoa Kì, Chi-lê...).

2. Kinh tế

- Dựa vào bảng số liệu thống kê dưới đây nhận xét trình độ phát triển kinh tế của một số quốc gia ở châu Đại Dương. (Năm 2000)

Nước / Các tiêu chí	Ô-xtrây-li-a	Niu Di-len	Va-nu-a-tu	Pa-pua Niu Ghi-nê
1. Thu nhập bình quân đầu người (USD)	20337,5	13026,7	1146,2	677,5
2. Cơ cấu thu nhập quốc dân (%) :				
- Nông nghiệp	3	9	19	27
- Công nghiệp	26	25	9,2	41,5
- Dịch vụ	71	66	71,8	31,5

Khoáng sản tuy có trữ lượng lớn nhưng chủ yếu tập trung trên các đảo lớn thuộc Tây Thái Bình Dương. Các khoáng sản chính là bôxit (1/3 trữ lượng của thế giới), niken (1/5 trữ lượng của thế giới), sắt, than đá, dầu mỏ, khí đốt, vàng, đồng, thiếc, uranium ...

Các đảo san hô thường có nhiều phốt phát, nhiều bãi biển đẹp, đại dương bao quanh có nhiều hải sản.

Châu Đại Dương có ít đất trồng trọt. Ở lục địa Ô-xtrây-li-a, đất trồng trọt chỉ chiếm khoảng 5% tổng diện tích. Màu mỡ nhất là đất núi lửa trên các đảo.

Kinh tế của các nước châu Đại Dương phát triển rất không đều. Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len là hai nước có nền kinh tế phát triển hơn cả ; tuy lực lượng lao động trong nông nghiệp chiếm tỉ lệ rất thấp nhưng hai nước này lại nổi tiếng về xuất khẩu lúa mì, len, thịt bò, thịt cừu, sản phẩm từ sữa ... ; các ngành công nghiệp khai khoáng, chế tạo máy và phụ tùng điện tử, chế biến thực phẩm ... rất phát triển.

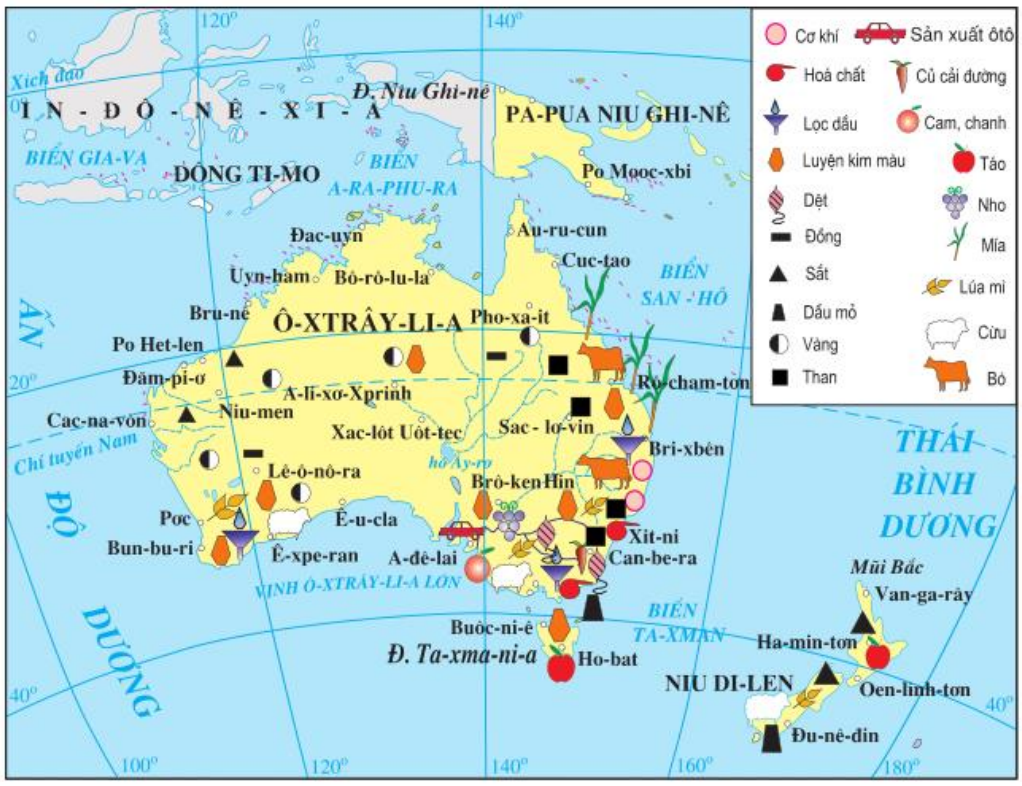

Hình 49.3 - Lược đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len

Các quốc đảo còn lại đều là những nước đang phát triển. Kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên để xuất khẩu. Các mặt hàng xuất khẩu chính là khoáng sản (phốt phát, dầu mỏ, khí đốt, vàng, than đá, sắt....), nông sản (cùi dừa khô, ca cao, cà phê, chuối, vani...), hải sản (cá ngừ, cá mập, ngọc trai...), gỗ. Trong công nghiệp, chế biến thực phẩm là ngành phát triển nhất.

Ngành du lịch có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều nước.

Châu Đại Dương có mật độ dân số thấp nhất thế giới. Tỉ lệ dân thành thị cao, nhất là ở Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len.

Kinh tế phát triển rất không đều giữa các nước. Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len là hai nước có nền kinh tế phát triển. Các nước còn lại kinh tế chủ yếu dựa vào du lịch và khai thác tài nguyên thiên nhiên để xuất khẩu.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày đặc điểm dân cư của châu Đại Dương.
2. Nêu sự khác biệt về kinh tế của Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len với các quốc đảo còn lại trong châu Đại Dương.

Bài 50 : THỰC HÀNH

VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA Ô-XTRÂY-LI-A

1. Dựa vào hình 48.1 và lát cắt địa hình dưới đây, trình bày đặc điểm địa hình Ô-xtrây-li-a theo gợi ý sau :

- Địa hình có thể chia làm mấy khu vực ?
- Đặc điểm địa hình và độ cao chủ yếu của mỗi khu vực.
- Đỉnh núi cao nhất nằm ở đâu ? Cao khoảng bao nhiêu ?

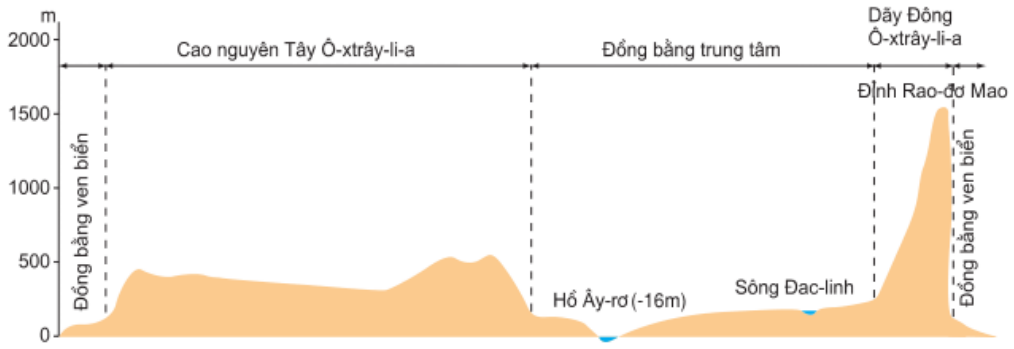

Hình 50.1 - Lát cắt địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a theo vĩ tuyến 30^{o}N

2. Dựa vào các hình 48.1, 50.2 và 50.3, nêu nhận xét về khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li-a theo gợi ý sau :

- Các loại gió và hướng gió thổi đến lục địa Ô-xtrây-li-a.
- Sự phân bố lượng mưa trên lục địa Ô-xtrây-li-a. Giải thích sự phân bố đó.
- Sự phân bố hoang mạc ở lục địa Ô-xtrây-li-a. Giải thích sự phân bố đó.

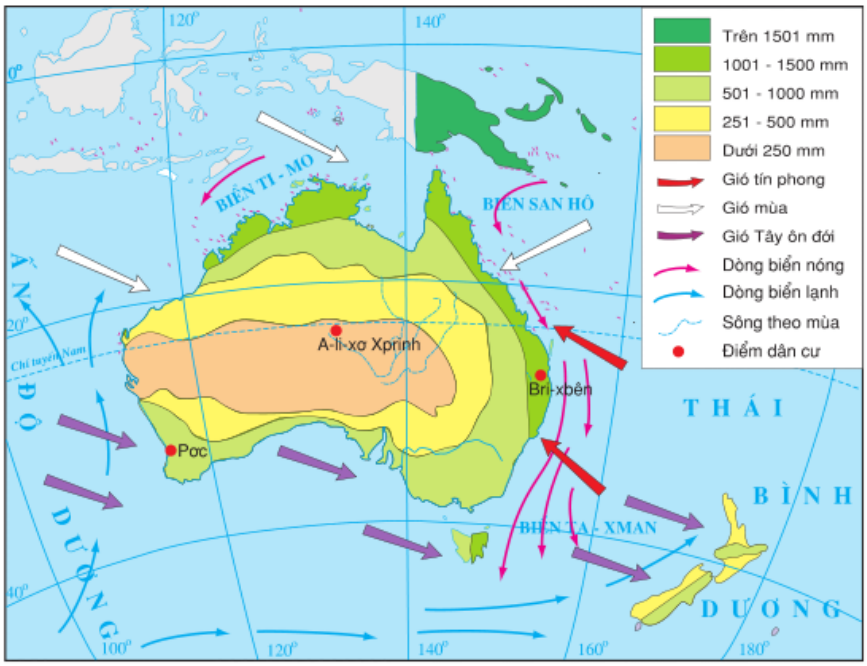

Hình 50.2 - Lược đồ hướng gió và sự phân bố lượng mưa ở lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo lân cận

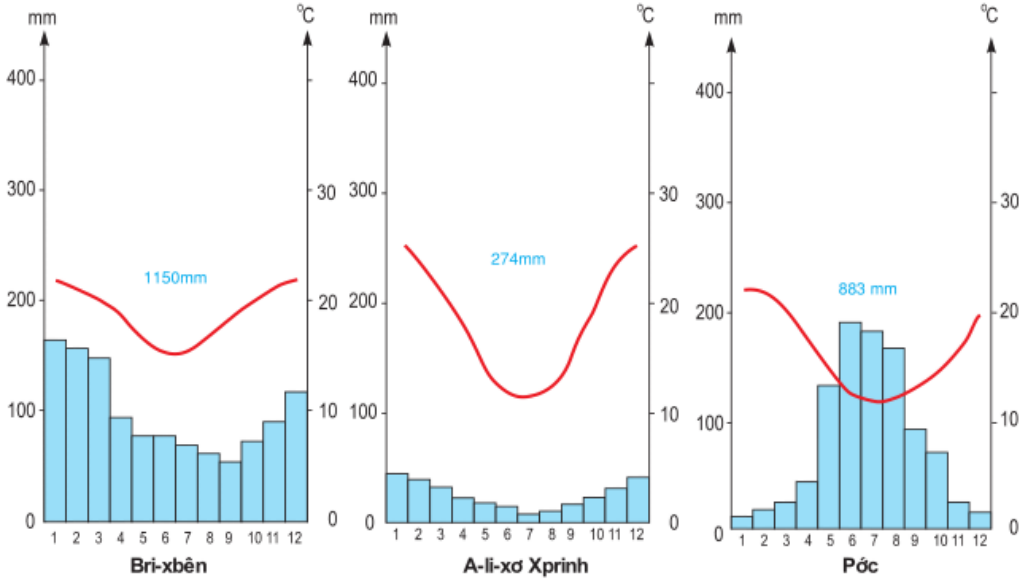

Hình 50.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên lục địa Ô-xtrây-li-a

Chương X

CHÂU ÂU

Bài 51 : THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Châu Âu là một bộ phận của lục địa Á - Âu, nằm trong đới khí hậu ôn hoà. Thiên nhiên được con người khai thác từ lâu đời và ngày càng được sử dụng có hiệu quả.

1. Vị trí, địa hình

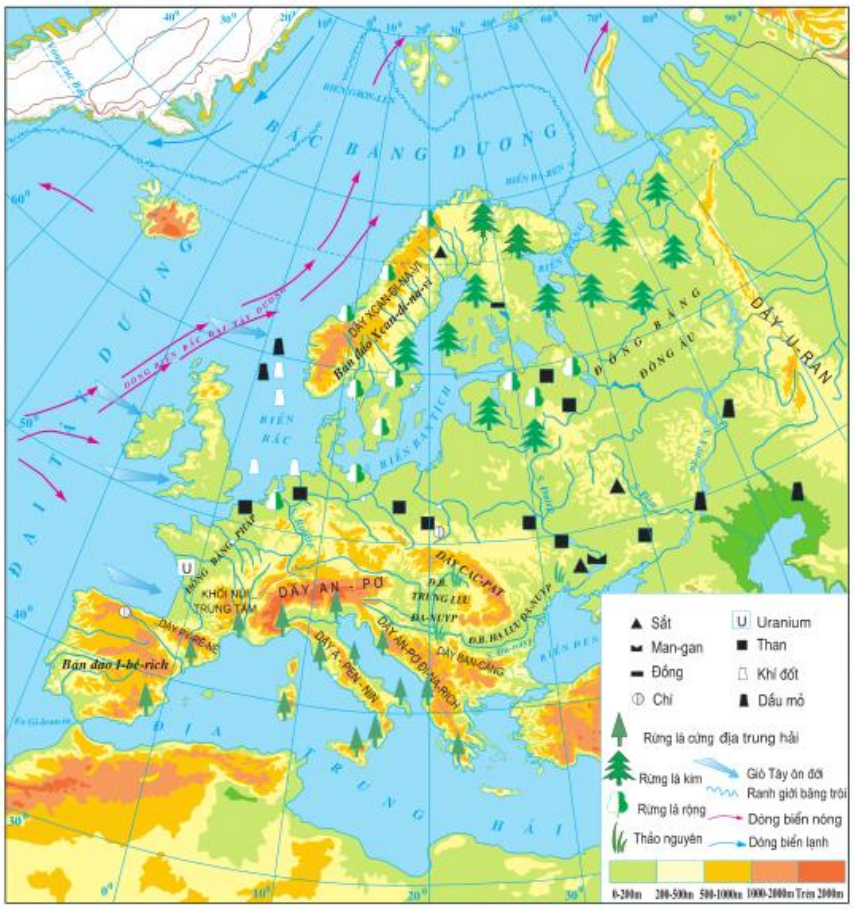

Hình 51.1 - Lược đồ tự nhiên châu Âu

Châu Âu là một châu lục thuộc lục địa Á - Âu, diện tích chỉ chiếm trên 10 triệu km^2. Dãy U-ran là ranh giới tự nhiên ở phía đông, ngăn cách châu Âu với châu Á.

Nằm ở khoảng giữa các vĩ tuyến 36°B và 71°B, châu Âu có ba mặt giáp các biển và đại dương. Bờ biển dài 43.000 km, bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, vũng vịnh và biển ăn sâu vào đất liền.

- Xác định trên hình 51.1 :

+ Các biển : Địa Trung Hải, Măng-sơ, Biển Bắc, Ban-tích, Biển Đen (Hắc Hải), Biển Trắng (Bạch Hải).

+ Các bán đảo : Xcan-đi-na-vi, I-bê-rich, I-ta-li-a, Ban-căng.

Châu Âu có ba dạng địa hình chính : đồng bằng, núi già, núi trẻ.

Đồng bằng kéo dài từ tây sang đông, chiếm 2/3 diện tích châu lục.

Núi già nằm ở phía bắc và vùng trung tâm, với những đỉnh tròn, thấp, sườn thoải.

Núi trẻ ở phía nam, với những đỉnh cao, nhọn bên cạnh những thung lũng sâu.

- Quan sát lược đồ 51.1, cho biết tên các đồng bằng lớn và các dãy núi chính ở châu Âu.

2. Khí hậu, sông ngòi, thực vật

- Quan sát hình 51.2, cho biết châu Âu có các kiểu khí hậu nào ?

Đại bộ phận lãnh thổ châu Âu có khí hậu ôn đới hải dương và ôn đới lục địa, chỉ một diện tích nhỏ ở phía bắc vòng cực là có khí hậu hàn đới và phần phía nam có khí hậu địa trung hải.

- Quan sát hình 51.1, nhận xét về mật độ sông ngòi ở châu Âu. Kể tên những con sông lớn ở châu Âu. Các sông này đổ vào biển nào ?

Sông ngòi ở châu Âu có lượng nước dồi dào. Các sông đổ ra Bắc Băng Dương thường đóng băng một thời gian dài trong mùa đông, nhất là khu vực các cửa sông.

Các sông quan trọng là Đa-nuyp, Rai-nơ và Von-ga. Nhiều sông ở châu Âu được nối với nhau bởi các kênh đào, tạo thành một hệ thống đường thuỷ dày đặc.

Thảm thực vật thay đổi từ tây sang đông và từ bắc xuống nam theo sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa. Vùng ven biển Tây Âu phổ biến là rừng cây lá rộng (sồi, dẻ...). Vào sâu lục địa, rừng lá rộng nhường chỗ cho rừng lá kim (thông, tùng...). Ở phía đông nam, rừng được thay thế bằng thảo nguyên. Ven Địa Trung Hải có rừng lá cứng...

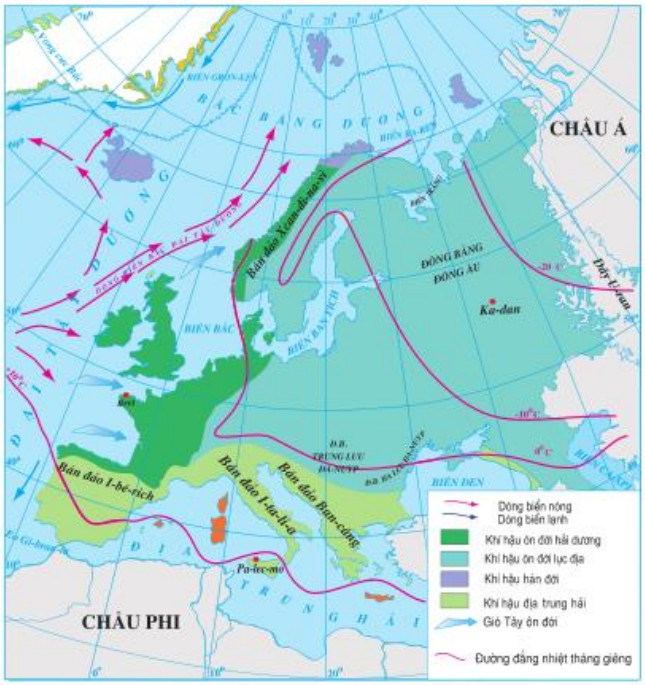

Hình 51.2 - Lược đồ khí hậu châu Âu

Châu Âu là một bộ phận của lục địa Á - Âu, bờ biển bị cắt xẻ mạnh, biển ăn sâu vào đất liền, tạo thành nhiều bán đảo. Đồng bằng kéo dài từ tây sang đông, núi già ở phía bắc và vùng trung tâm, núi trẻ ở phía nam.

Đại bộ phận lãnh thổ châu Âu có khí hậu ôn đới, chỉ một diện tích nhỏ ở phía bắc vòng cực có khí hậu hàn đới ; phía nam có khí hậu địa trung hải. Sông ngòi dày đặc, lượng nước dồi dào. Sự phân bố thực vật thay đổi theo nhiệt độ và lượng mưa ; ven biển Tây Âu có rừng lá rộng, đi sâu vào nội địa có rừng lá kim, phía đông nam có thảo nguyên và ven Địa Trung Hải có rừng lá cứng...

Câu hỏi và bài tập

1. Dựa vào hình 51.1, trình bày sự phân bố các loại địa hình chính của châu Âu.
2. Dựa vào các hình 51.1 và 51.2, giải thích vì sao ở phía tây châu Âu có khí hậu ấm áp và mưa nhiều hơn ở phía đông ?

Bài 52 : THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

(Tiếp theo)

Trải dài theo hướng vĩ tuyến trong đới khí hậu ôn hoà , châu Âu gồm nhiều kiểu môi trường tự nhiên. Con người đã nỗ lực rất nhiều để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi kinh tế, kết hợp với cải tạo và bảo vệ thiên nhiên.

3. Các môi trường tự nhiên

a) Môi trường ôn đới hải dương

- Quan sát hình 52.1, cho biết đặc điểm của khí hậu ôn đới hải dương.

Các nước vùng ven biển Tây Âu như Anh, Ai-len, Pháp... có khí hậu ôn đới hải dương, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm. Nhiệt độ thường trên 0°C. Mưa quanh năm và lượng mưa tương đối lớn (khoảng 800 - 1000 mm/năm), có nhiều sương mù, đặc biệt là về mùa thu - đông. Dòng hải lưu nóng Bắc Đại Tây Dương và gió Tây ôn đới có vai trò rất lớn, làm cho khí hậu của các nước này ấm và ẩm hơn so với các nơi khác cùng vĩ độ.

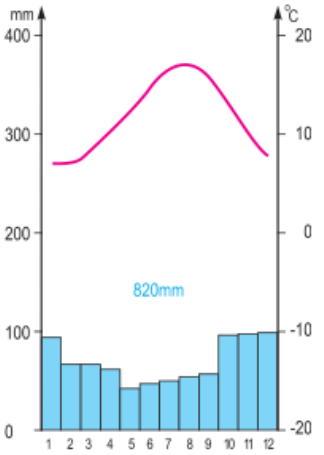

Hình 52.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa tại trạm Bret (Pháp)

Sông ngòi nhiều nước quanh năm và không đóng băng. Rừng sồi, dẻ xưa kia có diện tích rất lớn, nay chỉ còn lại trên các sườn núi.

b) Môi trường ôn đới lục địa

- Quan sát hình 52.2, cho biết đặc điểm của khí hậu ôn đới lục địa.

Khu vực Đông Âu có khí hậu ôn đới lục địa.

Ở phía bắc của Đông Âu, mùa đông kéo dài và có tuyết phủ. Càng đi về phía nam, mùa đông càng ngắn dần, mùa hạ nóng hơn, lượng mưa giảm dần. Vào sâu trong đất liền, mùa đông lạnh và tuyết rơi nhiều, mùa hạ nóng và có mưa.

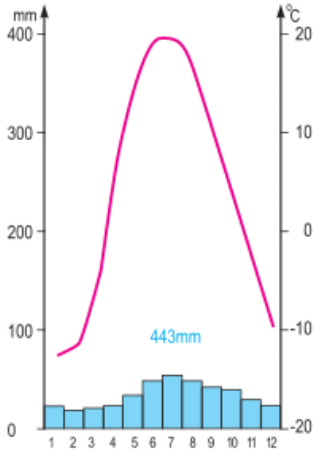

Hình 52.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa tại trạm Ca-dan (LB. Nga)

Sông nhiều nước trong mùa xuân - hạ và có thời kì đóng băng vào mùa đông. Càng vào sâu trong nội địa, thời gian sông đóng băng càng dài hơn.

Rừng và thảo nguyên chiếm phần lớn diện tích. Thực vật thay đổi từ bắc xuống nam. Ở vùng gần vòng cực là đới đồng rêu băng giá quanh năm. Về phía nam lần lượt là rừng lá kim, rừng hỗn giao, rừng lá rộng, thảo nguyên rừng. Phía đông nam là thảo nguyên. Ven biển Ca-xpi là vùng nửa hoang mạc.

c) Môi trường địa trung hải

- Quan sát hình 52.3, cho biết khí hậu địa trung hải có gì đặc biệt.

Ở các nước Nam Âu, ven Địa Trung Hải, vào mùa thu - đông thời tiết không lạnh lắm và có mưa, thường là những trận mưa rào. Mùa hạ nóng, khô.

Sông ngòi ngắn và dốc, mùa thu - đông có nhiều nước hơn và mùa hạ ít nước.

Thực vật thích nghi với điều kiện khí hậu khô hạn trong mùa hạ. Rừng thưa, bao gồm các loại cây lá cứng và xanh quanh năm.

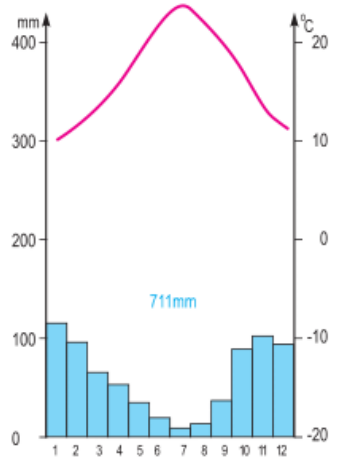

Hình 52.3 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa tại trạm Pa-lec-mô (I-ta-li-a)

d) Môi trường núi cao

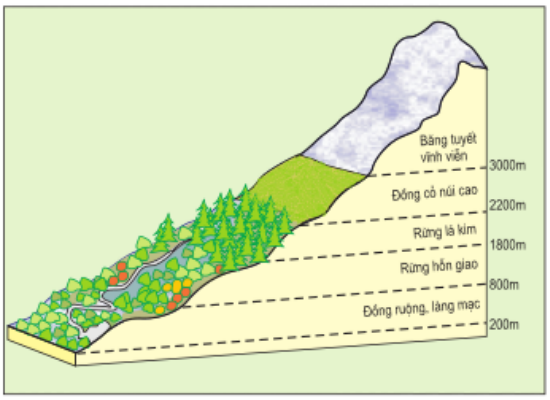

Hình 52.4 - Sơ đồ phân bố thực vật theo độ cao ở dãy An-pơ

Môi trường núi cao điển hình là môi trường thuộc dãy An-pơ.

- Quan sát hình 52.4 cho biết trên dãy An-pơ có bao nhiêu đai thực vật ? Mỗi đai bắt đầu và kết thúc ở độ cao nào ?

Dãy An-pơ nhận được nhiều mưa ở các sườn phía tây. Thảm thực vật thay đổi theo độ cao. Ở chân núi, rừng đã được con người khai phá từ lâu để sản xuất nông nghiệp. Từ độ cao 800 m đến khoảng 1800 m, nhiệt độ giảm dần, mưa nhiều, rừng hỗn giao phát triển. Trên 1800m, nhiệt độ tiếp tục giảm, là địa bàn của các loài cây lá kim (thông, tùng...). Trên 2200 m là vùng đồng cỏ núi cao. Cuối cùng, trên 3000 m là thế giới của băng tuyết vĩnh cửu và băng hà.

Châu Âu có các loại môi trường :

Môi trường ôn đới hải dương ở các đảo và ven biển Tây Âu có khí hậu ôn hoà, sông ngòi nhiều nước quanh năm, phát triển rừng cây lá rộng : sồi, dẻ...

Vào sâu trong đất liền là môi trường ôn đới lục địa, biên độ nhiệt trong năm lớn, lượng mưa giảm, sông ngòi có thời kì đóng băng về mùa đông. Rừng và thảo nguyên chiếm phần lớn diện tích.

Phía nam là môi trường địa trung hải, mưa tập trung vào thu - đông, mùa hạ nóng khô, sông ngòi ngắn và dốc, rừng thưa, cây lá cứng xanh quanh năm.

Môi trường núi cao có nhiều mưa trên các sườn đón gió ở phía tây, thực vật thay đổi theo độ cao.

Câu hỏi và bài tập

1. So sánh sự khác nhau giữa khí hậu ôn đới hải dương và khí hậu ôn đới lục địa, giữa khí hậu ôn đới lục địa và khí hậu địa trung hải.
2. Tại sao thảm thực vật ở châu Âu lại thay đổi từ tây sang đông ?

Bài 53 : THỰC HÀNH

ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ, BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CHÂU ÂU

1. Nhận biết đặc điểm khí hậu

Quan sát hình 51.2 :

- Cho biết vì sao cùng vĩ độ nhưng miền ven biển của bán đảo Xcan-đi-na-vi có khí hậu ấm áp và mưa nhiều hơn ở Ai-xơ-len ?
- Quan sát các đường đẳng nhiệt tháng giêng, nhận xét về nhiệt độ của châu Âu vào mùa đông.
- Nêu tên các kiểu khí hậu ở châu Âu. So sánh diện tích của các vùng có các kiểu khí hậu đó.

2. Phân tích một số biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

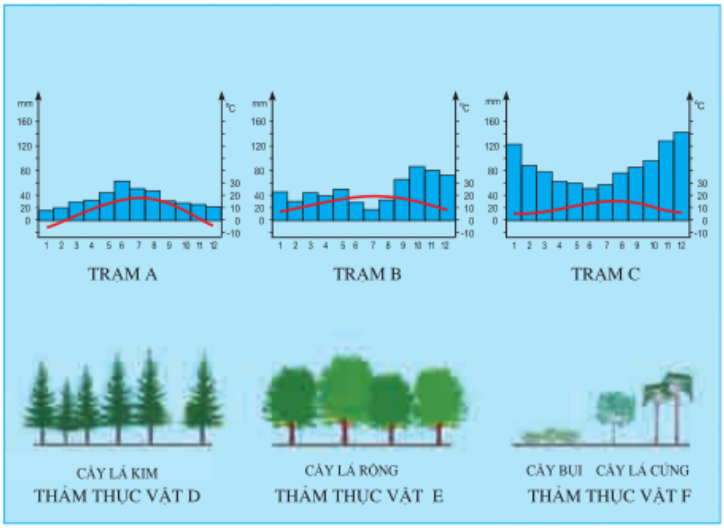

Hình 53.1 - Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa và sơ đồ thảm thực vật ở một số vùng của châu Âu

Phân tích các biểu đồ hình 53.1, theo trình tự :

- Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII. Nhận xét chung về chế độ nhiệt.
- Các tháng mưa nhiều. Các tháng mưa ít. Nhận xét chung về chế độ mưa.
- Xác định kiểu khí hậu của từng trạm. Cho biết lí do.
- Xếp các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa (A, B, C) với các lát cắt thảm thực vật (D, E, F) thành từng cặp sao cho phù hợp.

Bài 54 : DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Các cuộc thiên di và chiến tranh tôn giáo trong lịch sử đã làm cho các quốc gia châu Âu ngày nay có sự đa dạng, phức tạp về dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá. Hiện nay, châu Âu đang phải giải quyết nhiều vấn đề xã hội : dân số đang già đi, các vấn đề của đô thị hoá, các vấn đề dân tộc, tôn giáo ...

1. Sự đa dạng về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá

Hình 54.1 - Lược đồ các nhóm ngôn ngữ ở châu Âu

- Quan sát hình 54.1, cho biết châu Âu có các nhóm ngôn ngữ nào ? Nêu tên các nước thuộc từng nhóm.

Dân cư châu Âu chủ yếu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it, gồm ba nhóm ngôn ngữ chính : nhóm Giecman, nhóm Latinh, nhóm Xlavơ.

Do tính chất đa dân tộc nên phần lớn các quốc gia ở châu Âu đều đa dạng về ngôn ngữ và văn hoá.

Phần lớn dân châu Âu theo Cơ Đốc giáo, gồm đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành và đạo Chính Thống. Ngoài ra, còn có một số vùng theo đạo Hồi.

2. Dân cư châu Âu đang già đi. Mức độ đô thị hoá cao

Dân số châu Âu là 727 triệu người (năm 2001).

- Quan sát hình 54.2, nhận xét sự thay đổi kết cấu dân số theo độ tuổi của châu Âu và của thế giới trong giai đoạn 1960-2000.

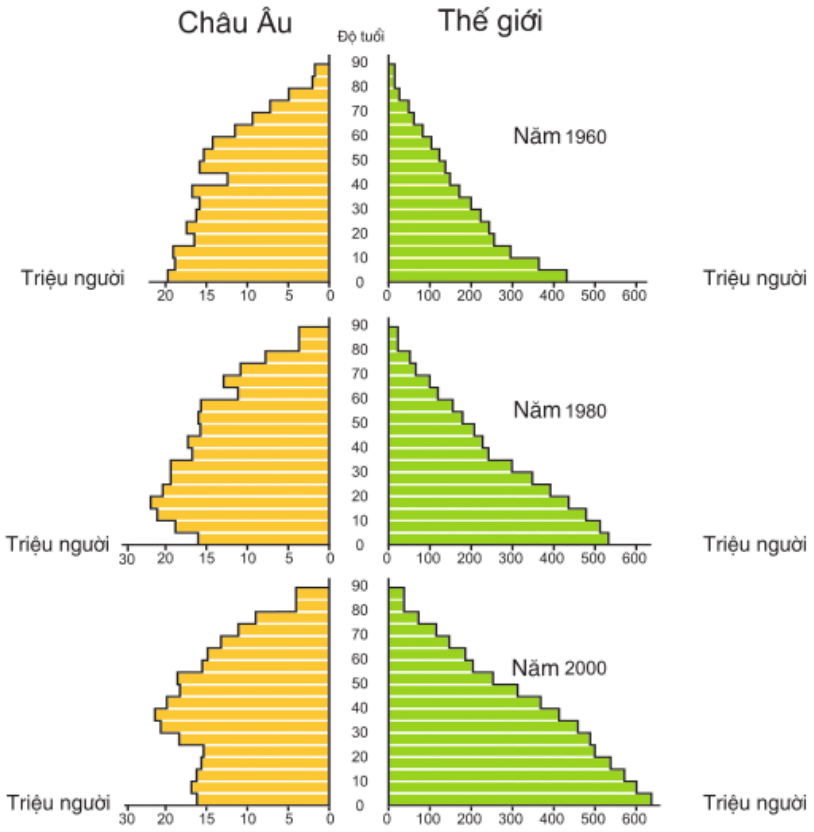

Hình 54.2 - Kết cấu dân số châu Âu và thế giới qua một số năm

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Âu rất thấp, chưa tới 0,1%. Nhiều nước Đông Âu và một số nước Bắc Âu, Tây Âu có tỉ lệ gia tăng tự nhiên âm. Dân số tăng ở một số nước chủ yếu là do nhập cư.

Hình 54.3 - Lược đồ phân bố dân cư và đô thị ở châu Âu

- Quan sát hình 54.3, nhận xét sự phân bố dân cư ở châu Âu :

+ Các vùng có mật độ dân số cao (trên 125 người/km^2).

+ Các vùng có mật độ dân số thấp (dưới 25 người/km^2).

Mật độ dân số trung bình của châu Âu là trên 70 người/km^2. Những vùng có mật độ dân số cao thường là các đồng bằng, các thung lũng lớn và đặc biệt là các vùng duyên hải. Trong khi đó, dân cư phân bố thưa thớt ở phía bắc và những vùng núi cao.

Đô thị hoá ở châu Âu có một số đặc điểm :

Mức độ đô thị hoá cao. Châu Âu có khoảng 75% dân số sống trong các đô thị và hơn 50 thành phố trên 1 triệu dân.

Ở những vùng công nghiệp lâu đời, các thành phố phát triển và nối liền với nhau tạo thành dải đô thị xuyên biên giới như dải đô thị kéo dài từ Li-vơ-pun (Anh) đến Côn (Đức).

Việc phát triển sản xuất công nghiệp ở vùng nông thôn cùng việc mở rộng ngoại ô của các đô thị đã thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn. Điều kiện sống của người dân nông thôn ngày càng gần với điều kiện sống của người dân thành thị.

Dân cư châu Âu chủ yếu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it. Những cuộc thiên di và chiến tranh tôn giáo trong lịch sử đã tạo nên sự đa dạng về văn hoá, ngôn ngữ, tôn giáo trong các quốc gia ở châu Âu.

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên quá thấp. Dân số châu Âu đang già đi.

Đô thị hoá ở châu Âu có một số đặc điểm : tỉ lệ dân thành thị cao, các thành phố nối tiếp nhau tạo thành dải đô thị, đô thị hoá nông thôn phát triển.

Câu hỏi và bài tập

1. Trình bày sự đa dạng về ngôn ngữ, văn hoá và tôn giáo ở châu Âu.
2. Phân tích hình 54.2 để thấy :

- So với thế giới, châu Âu là một châu lục có dân số già.
- Dân số châu Âu vẫn đang có xu hướng già đi.

Bài 55 : KINH TẾ CHÂU ÂU

Sản xuất nông nghiệp ở châu Âu có hiệu quả cao nhờ ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật tiên tiến và sự hỗ trợ đắc lực của công nghiệp. Ngành công nghiệp châu Âu đang có nhiều biến động về cơ cấu. Dịch vụ phát triển mạnh và đem lại nguồn lợi lớn.

1. Nông nghiệp

- Quan sát hình 55.1, cho biết :

+ Các cây trồng và vật nuôi chính ở châu Âu.

+ Sự phân bố của các cây trồng và vật nuôi đó.

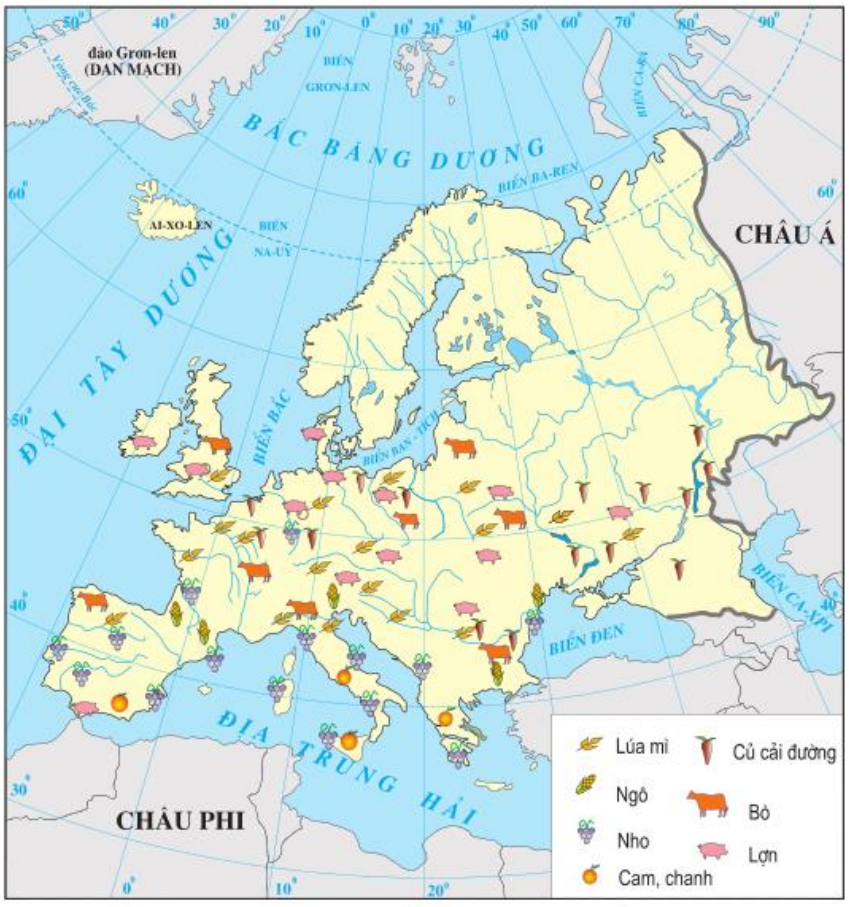

Hình 55.1 - Lược đồ nông nghiệp châu Âu

Quy mô sản xuất nông nghiệp ở các quốc gia châu Âu thường không lớn. Sản xuất được tổ chức theo các hộ gia đình hoặc các trang trại. Các hộ gia đình tiến hành sản xuất theo hướng đa canh ; trong khi đó mỗi trang trại là một xí nghiệp nông nghiệp, sản xuất chuyên môn hoá một số sản phẩm.

Nhìn chung, các quốc gia ở châu Âu có nền nông nghiệp thâm canh, phát triển ở trình độ cao, áp dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật tiên tiến và gắn chặt với công nghiệp chế biến, nhờ đó mà sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao.

Ở hầu hết các nước, chăn nuôi có tỉ trọng cao hơn trồng trọt.

2. Công nghiệp

- Dựa vào hình 55.2, trình bày sự phân bố các ngành công nghiệp ở châu Âu

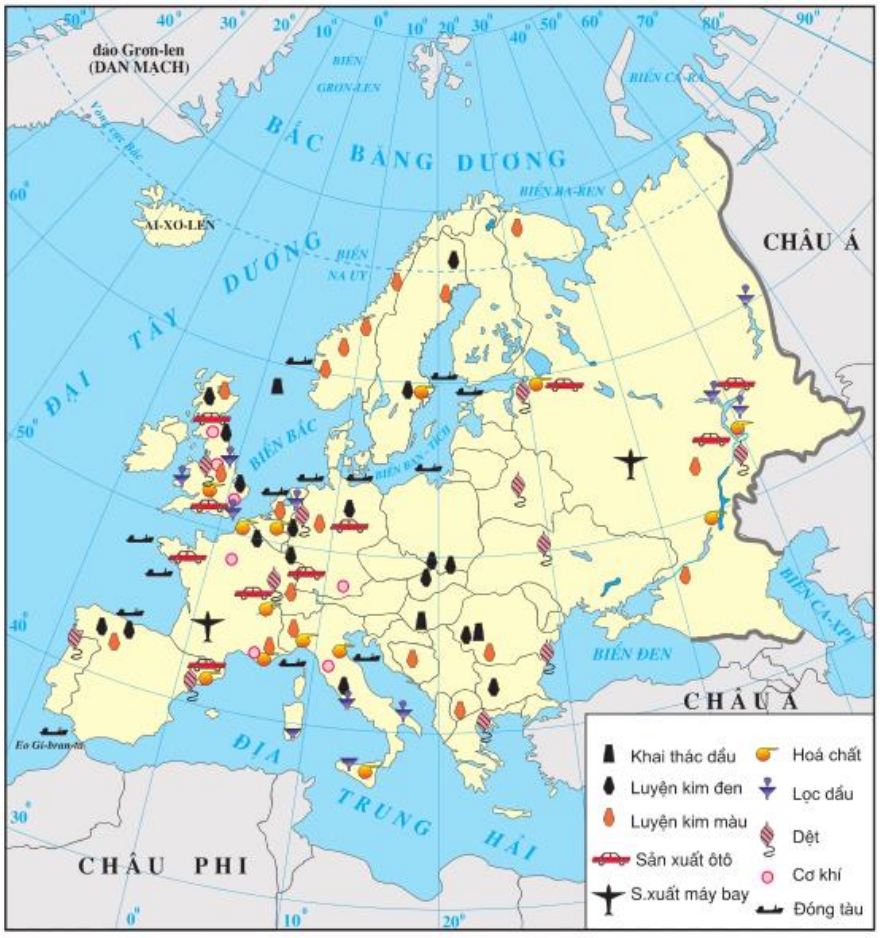

Hình 55.2 - Lược đồ công nghiệp châu Âu

Châu Âu là nơi tiến hành công nghiệp hoá sớm nhất thế giới. Từ lâu, các sản phẩm công nghiệp của châu Âu đã nổi tiếng về chất lượng cao. Các ngành công nghiệp được chú trọng phát triển là luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng... Sản xuất công nghiệp được phân bố tập trung như vùng Rua... hoặc trải dài như trục công nghiệp dọc sông Rai-nơ.

Từ những năm 80 của thế kỉ XX, nhiều ngành công nghiệp truyền thống của châu Âu như khai thác than, luyện kim, đóng tàu, dệt, may mặc... bị giảm sút mạnh do sự cạnh tranh của các nước và các lãnh thổ công nghiệp mới. Hàng loạt khu công nghiệp cũ ở Bỉ, Hà Lan, Luc-xem-bua, Pháp, Đức... một thời phồn thịnh thì nay gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có sự thay đổi về cơ cấu, công nghệ...

- Quan sát hình 55.3, nêu sự hợp tác rộng rãi trong ngành công nghiệp sản xuất máy bay ở châu Âu.

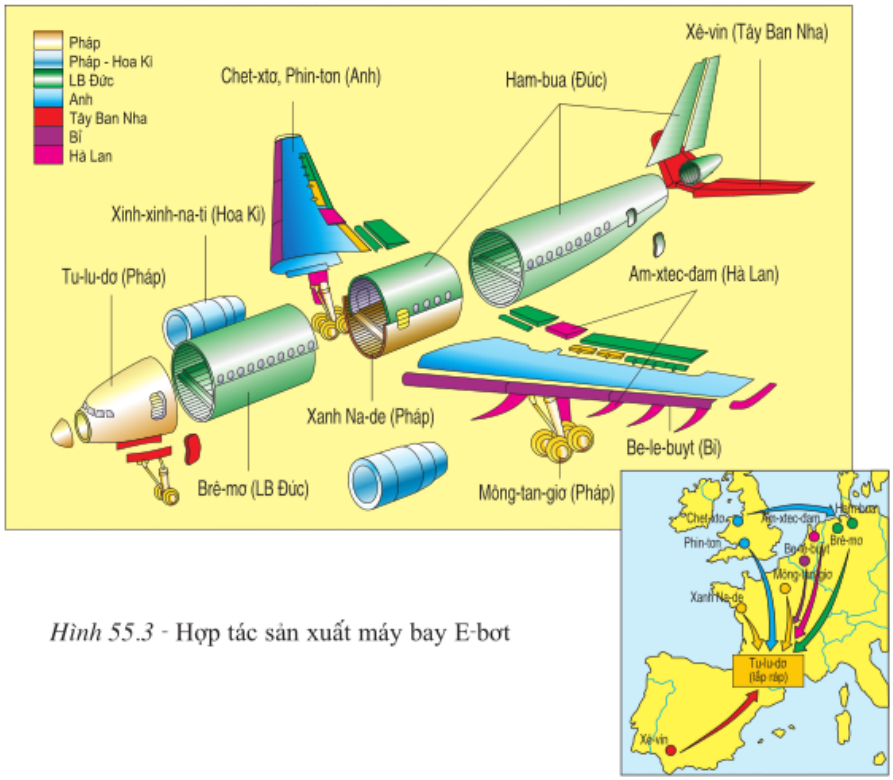

Hình 55.3 - Hợp tác sản xuất máy bay E-bơt

Nhiều ngành công nghiệp mới, trang bị hiện đại được xây dựng ở các trung tâm công nghệ cao. Các ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, cơ khí chính xác và tự động hoá, công nghiệp hàng không... nhờ liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu và các trường đại học, có sự hợp tác rộng rãi giữa các nước nên năng

suất và chất lượng sản phẩm được nâng cao, sản phẩm luôn thay đổi phù hợp với yêu cầu của thị trường.

3. Dịch vụ

Hình 55.4 - Khu du lịch trên dãy An-pơ

Dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển nhất ở châu Âu. Hoạt động dịch vụ thâm nhập vào và phục vụ cho sự phát triển của mọi ngành kinh tế. Châu Âu có nhiều sân bay, hải cảng, đường giao thông hiện đại, nhiều trung tâm tài chính, ngân hàng, bảo hiểm lớn, nhiều trường đại học và viện nghiên cứu nổi tiếng trên thế giới. Luân Đôn (Anh), Phrăng-phuốc (Đức), Duy-rich (Thuỵ Sĩ)... là những trung tâm tài chính, ngân hàng, thương mại hàng đầu thế giới.

Du lịch là ngành kinh tế quan trọng, đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho nhiều quốc gia ở châu Âu. Các hoạt động du lịch phong phú và đa dạng, hằng năm thu hút hàng trăm triệu lượt du khách nhưng môi trường vẫn được bảo vệ tốt.

- Nêu tên một số trung tâm du lịch nổi tiếng ở châu Âu.

Châu Âu có nền nông nghiệp tiên tiến, đạt hiệu quả cao. Sản xuất nông nghiệp được chuyên môn hoá trong các trang trại lớn hoặc đa canh trong các hộ gia đình.

Nền công nghiệp châu Âu phát triển rất sớm, có nhiều sản phẩm nổi tiếng về chất lượng cao. Các vùng công nghiệp truyền thống đang gặp khó khăn, đòi hỏi phải thay đổi về công nghệ... Nhiều ngành công nghiệp hiện đại đang được phát triển trong các trung tâm công nghệ cao.

Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, phát triển đa dạng, rộng khắp và là nguồn thu ngoại tệ lớn.

Câu hỏi và bài tập

1. Vì sao sản xuất nông nghiệp ở châu Âu đạt hiệu quả cao ?
2. Trình bày sự phát triển của ngành công nghiệp ở châu Âu.
3. Lĩnh vực dịch vụ ở châu Âu phát triển đa dạng như thế nào ?

Bài 56 : KHU VỰC BẮC ÂU

Bắc Âu là khu vực nằm ở các vĩ độ cao nhất của châu Âu. Đây là nơi có địa hình băng hà cổ. Thiên nhiên được khai thác một cách hợp lí và khoa học.

1. Khái quát tự nhiên

Khu vực Bắc Âu gồm Ai-xơ-len và ba nước trên bán đảo Xcan-đi-na-vi là Na Uy, Thuỵ Điển, Phần Lan. Phần lớn diện tích nằm trong vùng ôn đới lục địa, lạnh.

- Xác định vị trí của các nước khu vực Bắc Âu trên hình 56.1.

Hình 56.1 - Lược đồ các nước khu vực Bắc Âu

Địa hình băng hà cổ rất phổ biến ở khu vực Bắc Âu. Bờ biển Na Uy nổi bật với dạng địa hình fio. Phần Lan có hàng vạn hồ, đầm.

Ai-xơ-len có rất nhiều núi lửa với các suối nước nóng và nguồn nước nóng phun từ dưới đất lên.

Phần lớn diện tích của bán đảo Xcan-đi-na-vi là núi và cao nguyên. Dãy núi già Xcan-đi-na-vi là biên giới tự nhiên giữa Na Uy và Thuỵ Điển.

Nhìn chung, Bắc Âu có khí hậu lạnh giá vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hạ. Tuy vậy, vẫn có sự khác biệt giữa hai bên dãy núi Xcan-đi-na-vi. Ở phía đông, Thuỵ Điển và Phần Lan có mùa đông rất giá lạnh, tuyết rơi từ tháng X. Ở phía tây, ven biển Na Uy có mùa đông không lạnh lắm, biển không đóng băng, mùa hạ mát, mưa nhiều.

- Quan sát hình 56.4 kết hợp với kiến thức đã học, giải thích tại sao có sự khác biệt về khí hậu giữa phía đông và phía tây dãy Xcan-đi-na-vi ?

Ai-xơ-len nằm giáp vòng cực Bắc, được coi là xứ sở của băng tuyết.

Các nguồn tài nguyên quan trọng của Bắc Âu là dầu mỏ (vùng thềm lục địa Biển Bắc), rừng (trên bán đảo Xcan-đi-na-vi), quặng sắt, đồng, uranium, nguồn thuỷ năng và cá biển. Ai-xơ-len có diện tích đồng cỏ khá lớn.

Hình 56.2 - Bờ biển fio ở Na Uy

Hình 56.3 - Hồ băng hà và rừng lá kim ở Phần Lan

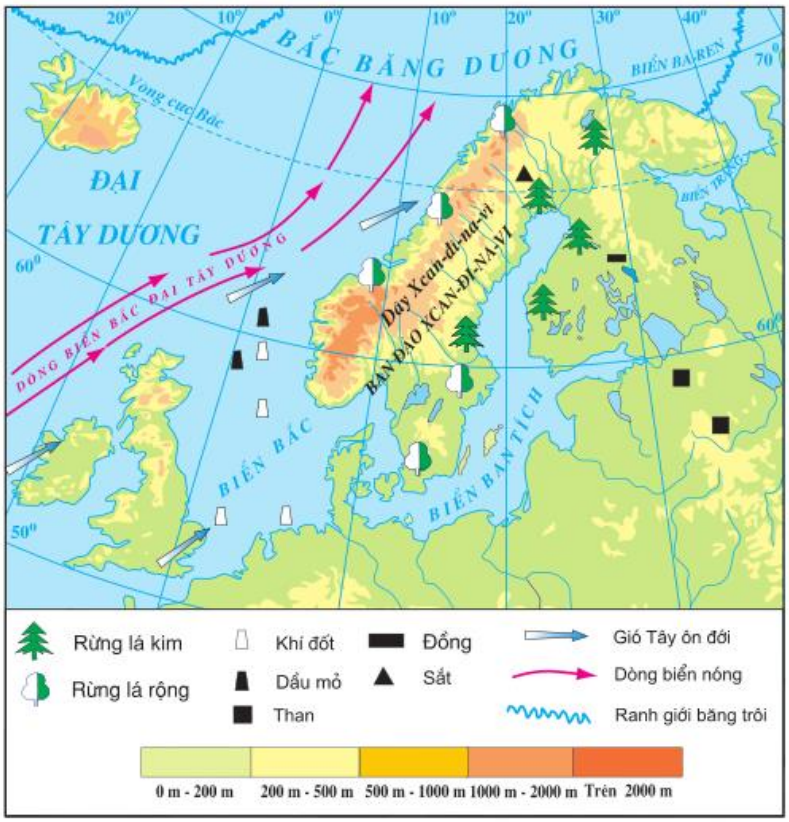

Hình 56.4 - Lược đồ tự nhiên khu vực Bắc Âu

2. Kinh tế

Các nước Bắc Âu có mức sống cao, nhờ khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế đạt hiệu quả.

Nguồn thuỷ điện dồi dào và rẻ là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp.

Kinh tế biển giữ vai trò quan trọng ở khu vực Bắc Âu. Các dân tộc ở Bắc Âu từ xưa đã nổi tiếng về nghề hàng hải và đánh cá. Na Uy và Ai-xơ-len có đội thương thuyền hùng mạnh và đội tàu đánh cá hiện đại. Công nghiệp khai thác dầu khí rất phát triển ở vùng Biển Bắc.

Công nghiệp khai thác rừng, sản xuất đồ gỗ và giấy xuất khẩu đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho các nước trên bán đảo Xcan-đi-na-vi. Việc khai thác được tổ chức có kế hoạch, đi đôi với việc bảo vệ và trồng rừng. Gỗ được kết thành bè và thả trôi theo dòng sông tới các nhà máy chế biến gỗ nằm bên bờ biển.

Điều kiện tự nhiên của các nước Bắc Âu nhìn chung không thuận lợi để phát triển ngành trồng trọt.

Ngành chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi (bơ, pho mát, sữa, thịt...) để xuất khẩu đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp.

Hình 56.5 - Sơ chế trên tàu đánh cá của Na Uy

Đánh cá và xuất khẩu cá cũng là nguồn thu ngoại tệ quan trọng (cá chiếm 75% tổng sản phẩm xuất khẩu của Ai-xơ-len).

Khu vực Bắc Âu gồm các nước : Na Uy, Thuỵ Điển, Phần Lan và Ai-xơ-len.

Địa hình băng hà cổ rất phổ biến trên bán đảo Xcan-đi-na-vi : bờ biển dạng fio (Na Uy), hồ, đầm (Phần Lan). Ai-xơ-len có nhiều núi lửa và suối nước nóng.

Khí hậu lạnh giá vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hạ.

Các nước Bắc Âu có mức sống cao dựa trên cơ sở khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí để phát triển kinh tế đạt hiệu quả.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu những khó khăn về điều kiện tự nhiên của các nước Bắc Âu đối với đời sống và sản xuất.
2. Các nước Bắc Âu đã khai thác thiên nhiên hợp lí để phát triển kinh tế như thế nào ?
3. Qua bảng số liệu dưới đây, vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng và sản lượng bình quân đầu người về giấy, bìa (năm 1999) ở một số nước Bắc Âu ; nêu nhận xét.

Tên nước	Sản lượng giấy, bìa (tấn)	Sản lượng giấy, bìa bình quân đầu người (kg)
Na Uy	2.242.000	502,7
Thuỵ Điển	10.071.000	1137,1
Phần Lan	12.947.000	2506,7

Bài 57 : KHU VỰC TÂY VÀ TRUNG ÂU

Khu vực Tây và Trung Âu nằm hoàn toàn trong đới ôn hoà. Đây là nơi được khai thác từ lâu đời, tập trung nhiều quốc gia công nghiệp phát triển, có nền kinh tế đa dạng.

1. Khái quát tự nhiên

Khu vực Tây và Trung Âu trải dài từ quần đảo Anh - Ai-len qua lãnh thổ các nước Pháp, Đức, Ba Lan, Xlô-va-ki-a, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Áo, Thuỵ Sĩ ... Địa hình gồm ba miền : miền đồng bằng phía bắc, miền núi già ở giữa và miền núi trẻ ở phía nam.

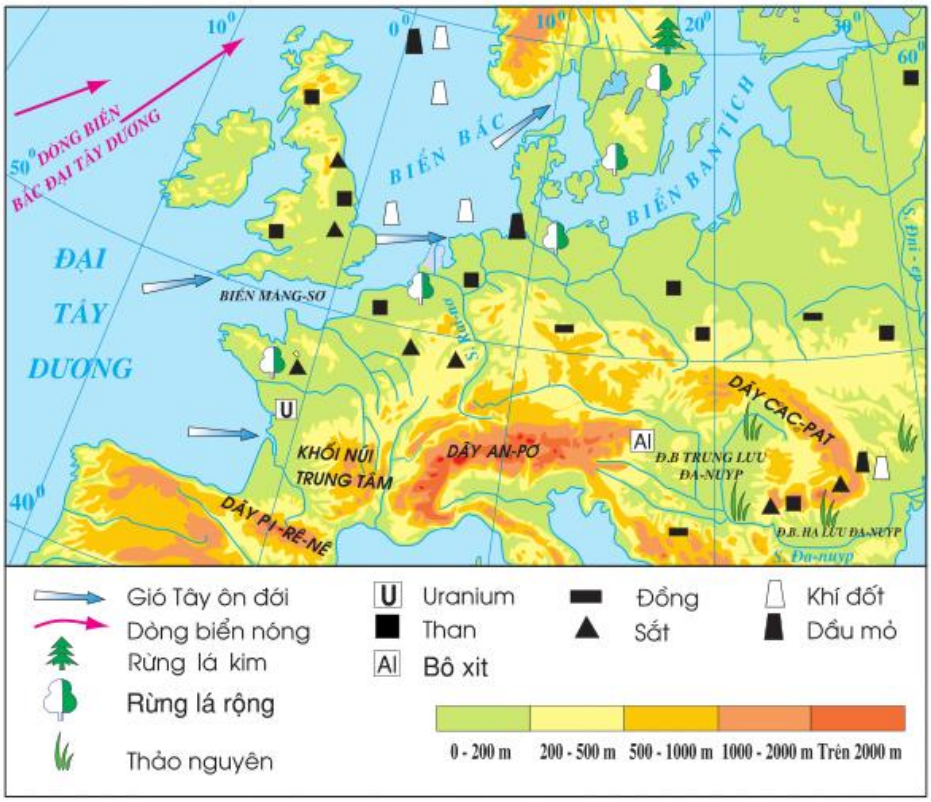

Hình 57.1 - Lược đồ tự nhiên khu vực Tây và Trung Âu

Ảnh hưởng của biển đối với khí hậu rất rõ rệt.

- Quan sát hình 57.1, hãy giải thích tại sao khí hậu ở Tây và Trung Âu chịu ảnh hưởng rõ rệt của biển.

Càng đi về phía đông ảnh hưởng của biển càng giảm dần. Ven biển phía tây có khí hậu ôn đới hải dương, sông ngòi nhiều nước quanh năm. Vào sâu trong đất liền có khí hậu ôn đới lục địa, sông ngòi đóng băng về mùa đông.

Miền đồng bằng Tây và Trung Âu nằm giáp Biển Bắc và biển Ban-tích, trải dài từ Bắc Pháp qua lãnh thổ Ba Lan. Phía bắc có nhiều đầm lầy và hồ, đất xấu. Phía nam là những dải đất sét pha cát mịn màu mỡ. Vùng đất thấp ven Biển Bắc hiện nay đang tiếp tục lún xuống mỗi năm vài xăngtimét.

Miền núi già Tây và Trung Âu nằm ở phía nam miền đồng bằng là miền núi uốn nếp - đoạn tầng. Địa hình nổi bật là các khối núi ngăn cách với nhau bởi những đồng bằng nhỏ hẹp và các bồn địa.

Miền núi trẻ Tây và Trung Âu gồm các dãy An-pơ và Cac-pat.

Dãy An-pơ đồ sộ, uốn thành một vòng cung dài trên 1200 km, gồm nhiều dải núi chạy song song, với các đỉnh cao trên 3000 m, có tuyết và băng hà bao phủ. Dãy Cac-pat là một vòng cung núi dài gần 1500 km, thấp hơn dãy An-pơ, trên các sườn núi còn nhiều rừng cây, khoáng sản có sắt và kim loại màu, đặc biệt vùng chân núi phía đông có nhiều mỏ muối kali, khí thiên nhiên và dầu mỏ.

Tiếp giáp với dãy Cac-pat là bình nguyên trung lưu và bình nguyên hạ lưu sông Đa-nuýp.

2. Kinh tế

a) Công nghiệp

Tây và Trung Âu là khu vực tập trung nhiều cường quốc công nghiệp của thế giới như Anh, Pháp, Đức... Ở đây, các ngành công nghiệp hiện đại (cơ khí chính xác, điện và điện tử, hoá dược...) phát triển bên cạnh các ngành công nghiệp truyền thống (luyện kim, dệt, may mặc, hàng tiêu dùng...). Đây cũng là nơi có nhiều vùng công nghiệp nổi tiếng thế giới như vùng Rua (Đức)... và nhiều hải cảng lớn như Rốt-téc-đam (Hà Lan)...

b) Nông nghiệp

Phía bắc miền đồng bằng Tây và Trung Âu trồng lúa mạch và khoai tây, phía nam đồng bằng trồng lúa mì và củ cải đường. Ở vùng đất thấp ven Biển Bắc, người dân Hà Lan xây đê ngăn biển, đào nhiều kênh tiêu nước, cải tạo đất, chuyên thâm

canh rau, hạt giống, hoa, chăn nuôi bò sữa ... để xuất khẩu. Miền đồng bằng Tây và Trung Âu là khu vực có nền nông nghiệp thâm canh phát triển đa dạng và có năng suất cao nhất châu Âu. Trên các đồng cỏ ở vùng núi, người ta chăn thả bò, cừu.

c) Dịch vụ

Các ngành dịch vụ phát triển mạnh ở khu vực Tây và Trung Âu, chiếm trên 2/3 tổng thu nhập quốc dân.

Các trung tâm tài chính lớn là Luân Đôn, Pa-ri, Duy-rich...

Dãy An-pơ đồ sộ, phong cảnh núi non hùng vĩ thu hút nhiều du khách đến nghỉ ngơi, leo núi, trượt tuyết ... đem lại nguồn lợi lớn về du lịch.

Khu vực Tây và Trung Âu gồm ba miền địa hình : miền đồng bằng, miền núi già và miền núi trẻ.

Tây và Trung Âu tập trung nhiều cường quốc công nghiệp hàng đầu của thế giới. Đây cũng là nơi có nhiều vùng công nghiệp nổi tiếng, nhiều hải cảng lớn. Nền nông nghiệp phát triển đa dạng và có năng suất cao nhất châu Âu. Các ngành dịch vụ phát triển, chiếm trên 2/3 tổng thu nhập quốc dân.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu đặc điểm của ba miền địa hình ở khu vực Tây và Trung Âu.
2. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

- Tính thu nhập bình quân đầu người của mỗi nước.
- Nêu nhận xét về cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) và rút ra kết luận về nền kinh tế của các nước trong bảng (năm 2000).

Nước	Dân số (triệu người)	Tổng sản phẩm trong nước (triệu USD)	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo khu vực kinh tế (%)		
			Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Pháp	59,2	1294246	3,0	26,1	70,9
Đức	82,2	1872992	1,0	31,3	67,7
Ba Lan	38,6	157585	4,0	36,0	60,0
CH Séc	10,3	50777	4,0	41,5	54,5

Bài 58 : KHU VỰC NAM ÂU

Nam Âu nằm ven bờ Địa Trung Hải, gồm ba bán đảo lớn : bán đảo I-bê-rích, bán đảo I-ta-li-a và bán đảo Ban-căng. Khí hậu độc đáo nơi đây đã tạo điều kiện cho ngành du lịch và nền nông nghiệp cận nhiệt đới phát triển.

1. Khái quát tự nhiên

Phần lớn diện tích Nam Âu là núi trẻ và cao nguyên. Các đồng bằng thường nhỏ hẹp, nằm ven biển hoặc nằm xen giữa núi và cao nguyên.

- Quan sát hình 58.1, nêu tên một số dãy núi của khu vực Nam Âu.

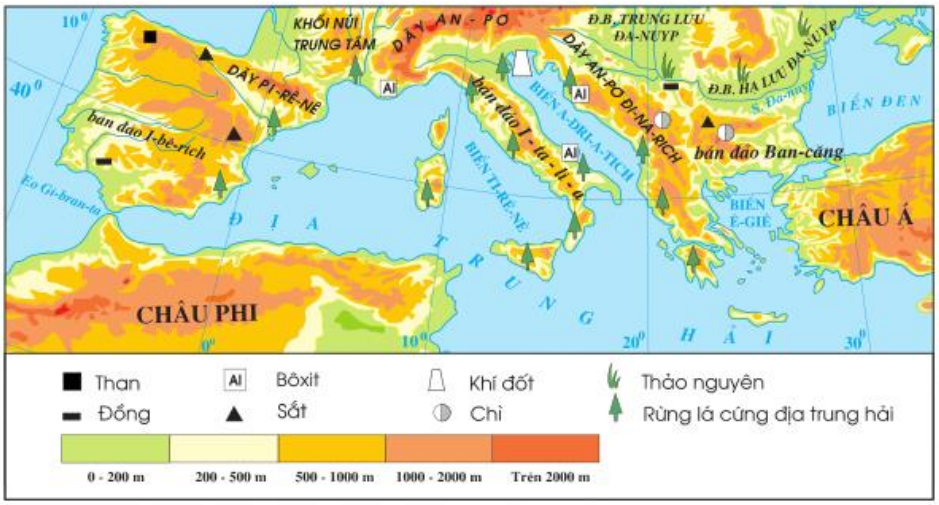

Hình 58.1 - Lược đồ tự nhiên khu vực Nam Âu

Khu vực Nam Âu nằm trên một vùng không ổn định của lớp vỏ Trái Đất. Quá trình tạo núi đang tiếp diễn : một số vùng núi vẫn được nâng lên trong khi nhiều vùng biển lại sụt xuống ; nhiều núi lửa còn hoạt động, những trận động đất thường xảy ra, đôi khi kèm theo những đợt sóng thần có sức phá hoại lớn ...

- Phân tích hình 58.2, nêu đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của khí hậu khu vực Nam Âu. Kể tên một số sản phẩm nông nghiệp độc đáo ở các vùng có kiểu khí hậu này.

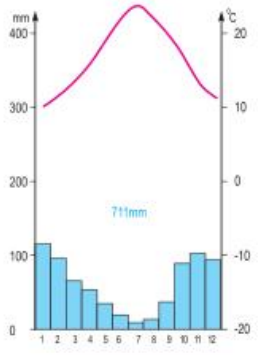

Hình 58.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Pa-lec-mô (I-ta-li-a)

2. Kinh tế

Hình 58.3 - Chăn thả cừu ở Hi Lạp

So với các khu vực Bắc Âu, Tây và Trung Âu, kinh tế Nam Âu chưa phát triển bằng. I-ta-li-a là nước phát triển nhất trong khu vực.

Khoảng 20% lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất theo quy mô nhỏ.

Các nước có khí hậu địa trung hải trồng và xuất khẩu các loại cây ăn quả cận nhiệt đới (cam, chanh,...) và ôliu. Nhiều nước trong khu vực vẫn phải nhập khẩu lương thực.

Hình thức chăn nuôi phổ biến là chăn thả : mùa hạ, người ta đưa các đàn cừu, dê lên đồng cỏ núi cao ; mùa đông lại đưa về chuồng trại ở vùng chân núi, đồng bằng.

Trình độ sản xuất công nghiệp chưa cao. I-ta-li-a là nước có nền công nghiệp phát triển nhất trong khu vực, nhưng cũng chỉ tập trung ở phía bắc của đất nước.

Nam Âu là nơi có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đặc sắc : nhiều công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá và nghệ thuật cổ đại ; bờ biển đẹp, khí hậu địa trung hải mùa hạ ít mưa, đầy nắng ấm...

- Nêu một số địa điểm và hoạt động du lịch nổi tiếng ở các nước Nam Âu.

Nguồn thu ngoại tệ chính của nhiều nước Nam Âu là từ hoạt động du lịch và tiền do người đi lao động ở nước ngoài gửi về.

HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA MỘT SỐ NƯỚC NAM ÂU *(Năm 2000)*

Tên nước	Lượng khách du lịch nước ngoài (nghìn người)	Doanh thu du lịch (triệu USD)
Hi Lạp	12500	9221
I-ta-li-a	41182	27439
Bồ Đào Nha	12037	5206
Tây Ban Nha	48201	31000

Hình 58.4 - Một góc phố ở Vơ-ni-dơ (I-ta-li-a)

Hình 58.5 - Tháp nghiêng Pi-da (I-ta-li-a)

Nam Âu nằm ven Địa Trung Hải, gồm ba bán đảo lớn : bán đảo I-bê-rich, bán đảo I-ta-li-a và bán đảo Ban-căng. Phần lớn diện tích là núi và cao nguyên.

Kinh tế Nam Âu nhìn chung chưa phát triển bằng Bắc Âu, Tây và Trung Âu. I-ta-li-a là nước phát triển nhất trong khu vực.

Nông nghiệp vùng Địa Trung Hải có nhiều sản phẩm độc đáo, đặc biệt là cây ăn quả cận nhiệt đới (cam, chanh...) và ôliu. Du lịch là nguồn thu ngoại tệ quan trọng của nhiều nước trong khu vực.

Câu hỏi và bài tập

1. Xác định trên bản đồ vị trí của các bán đảo, các dãy núi ở khu vực Nam Âu.
2. Tại sao nói kinh tế Nam Âu chưa phát triển bằng Bắc Âu, Tây và Trung Âu ?
3. Nêu những tiềm năng phát triển của ngành du lịch ở Nam Âu.

Bài 59 : KHU VỰC ĐÔNG ÂU

Đông Âu là vùng đồng bằng nằm ở phía đông châu Âu. Xưa kia, nơi đây là vùng thảo nguyên và thảo nguyên rừng, nay đã được khai phá để phát triển nông nghiệp theo quy mô lớn. Đây cũng là vùng có nhiều điều kiện để phát triển công nghiệp.

1. Khái quát tự nhiên

- Quan sát hình 59.1, cho biết dạng địa hình chủ yếu của khu vực Đông Âu.

Đông Âu là một dải đồng bằng rộng lớn, chiếm một nửa diện tích châu Âu. Bề mặt có dạng lượn sóng, cao trung bình 100 - 200 m. Phía bắc có địa hình băng hà. Đặc biệt ở phía nam, ven biển Ca-xpi có dải đất thấp hơn mực nước đại dương tới 28 m.

Đông Âu có khí hậu ôn đới lục địa. Càng đi về phía đông và nhất là về phía đông nam, tính chất lục địa càng sâu sắc. Khí hậu cũng thay đổi từ bắc xuống nam, phía bắc có khí hậu lạnh, xuống phía nam mùa đông ngắn dần và ấm hơn.

Sông ngòi ở khu vực Đông Âu nhìn chung đều đóng băng về mùa đông. Các sông lớn nhất là Von-ga, Đôn, Đni-ep... Sông ngòi được khai thác và sử dụng tổng hợp trong giao thông, thuỷ lợi, đánh cá và thuỷ điện.

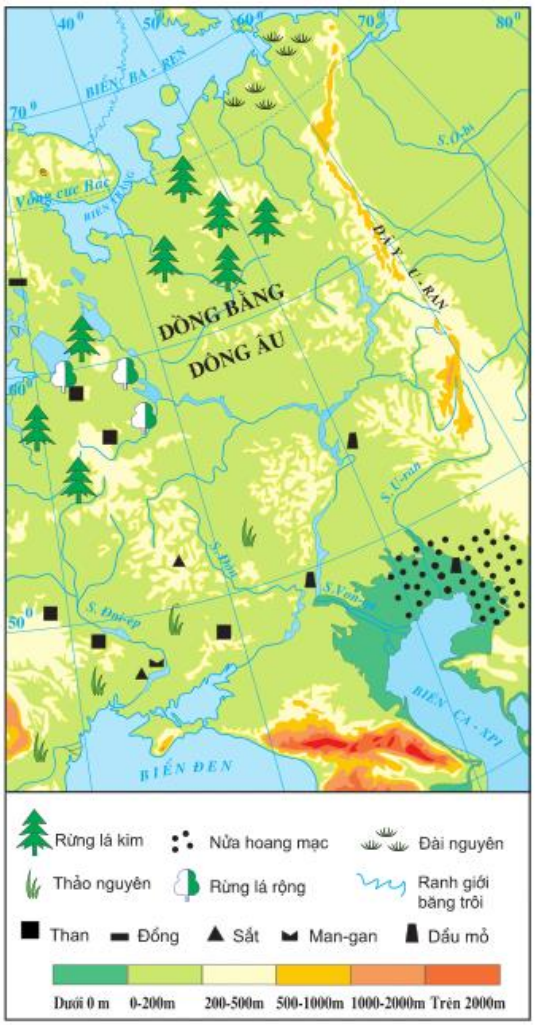

Hình 59.1 - Lược đồ tự nhiên khu vực Đông Âu

- *Quan sát hình 59.2, giải thích về sự thay đổi từ bắc xuống nam của thảm thực vật ở Đông Âu.*

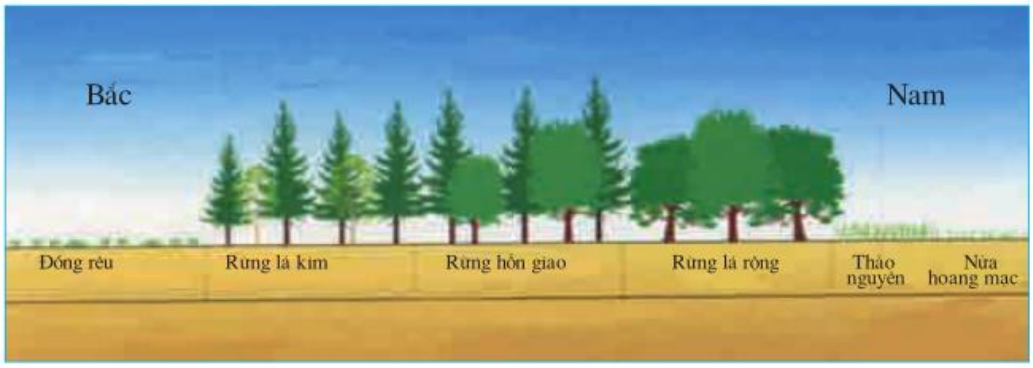

Hình 59.2 - Sơ đồ thảm thực vật khu vực Đông Âu từ bắc xuống nam

Rừng và thảo nguyên có diện tích rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp theo quy mô lớn.

Hình 59.3 - Rừng taiga

Hình 59.4 - Thảo nguyên

2. Kinh tế

Khu vực Đông Âu có nguồn tài nguyên phong phú về nhiều mặt, thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và nông nghiệp.

Các khoáng sản có trữ lượng lớn nhất là quặng sắt, quặng kim loại màu, than đá và dầu mỏ, chủ yếu tập trung trên lãnh thổ của Liên bang Nga và U-crai-na.

Rừng tập trung chủ yếu ở Liên bang Nga, Bê-la-rút và phía bắc U-crai-na.

Công nghiệp ở khu vực Đông Âu khá phát triển, với nhiều trung tâm công nghiệp lớn. Giữ vai trò chủ đạo là các ngành công nghiệp truyền thống như khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí, hoá chất... Một thời kì dài, ngành công nghiệp ở Đông Âu gặp khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do chậm đổi mới công nghệ.

Các nước có trình độ phát triển công nghiệp tương đối cao là Liên bang Nga và U-crai-na.

Khu vực Đông Âu có diện tích đồng bằng rộng lớn. Đất đen thảo nguyên và đất xám rừng lá rộng là các loại đất màu mỡ, thuận lợi cho việc trồng lúa mì, ngô, khoai tây, củ cải đường, hướng dương, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, lợn và các loại gia cầm theo quy mô lớn. U-crai-na là một trong những vựa lúa lớn của châu Âu.

Khu vực Đông Âu là một dải đồng bằng rộng lớn, chiếm 1/2 diện tích châu Âu. Khí hậu mang tính chất ôn đới lục địa. Thảm thực vật thay đổi rõ rệt từ bắc xuống nam.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Công nghiệp khá phát triển, đặc biệt là các ngành truyền thống. Các nước phát triển hơn cả là Nga, U-crai-na. Sản xuất nông nghiệp được tiến hành theo quy mô lớn. U-crai-na là một trong những vựa lúa lớn của châu Âu.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các đặc điểm tự nhiên nổi bật của khu vực Đông Âu.
2. Nền kinh tế của khu vực Đông Âu có những khác biệt gì so với các khu vực khác của châu Âu ?

Bài 60 : LIÊN MINH CHÂU ÂU

Liên minh châu Âu (EU) - tiền thân là Cộng đồng kinh tế châu Âu, được thành lập theo hiệp ước Rô-ma kí năm 1957 và có hiệu lực năm 1958, là tổ chức kinh tế - chính trị lớn ở châu Âu. Đây là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực trên thế giới hiện nay.

1. Sự mở rộng của Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu được mở rộng từng bước, qua nhiều giai đoạn. Năm 2001, Liên minh châu Âu có diện tích 3.243.600 km^2 với dân số 378 triệu người. Năm 2004, Liên minh châu Âu kết nạp thêm 10 thành viên.

Hình 60.1 - Quá trình mở rộng Liên minh châu Âu đến năm 2004

- Quan sát hình 60.1, nêu sự mở rộng của Liên minh châu Âu qua các giai đoạn.

Liên minh châu Âu đang quan tâm xem xét việc kết nạp thêm một số nước ở Trung và Đông Âu.

2. Liên minh châu Âu - một mô hình liên minh toàn diện nhất thế giới

Liên minh châu Âu có cơ quan lập pháp là Nghị viện châu Âu.

Liên minh châu Âu có chính sách kinh tế chung, có hệ thống tiền tệ chung (đồng Ơ-rô), tự do lưu thông hàng hoá, dịch vụ, vốn.

Công dân của Liên minh châu Âu, bên cạnh quốc tịch của quốc gia mà mình sinh sống còn có quốc tịch chung châu Âu. Sự đi lại qua biên giới của công dân các nước thành viên Liên minh rất thuận lợi.

Hình 60.2 - Đồng tiền chung châu Âu

Các nước trong Liên minh châu Âu chú trọng bảo vệ tính đa dạng về văn hoá và ngôn ngữ, tổ chức và tài trợ việc học ngoại ngữ, trao đổi sinh viên, tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho giới trẻ và những người thất nghiệp.

3. Liên minh châu Âu - tổ chức thương mại hàng đầu thế giới

Trước đây, các nước trong Liên minh châu Âu tập trung việc phát triển quan hệ ngoại thương với Hoa Kì, Nhật Bản và các thuộc địa cũ của mình. Từ năm 1980, các nước trong Liên minh đẩy mạnh đầu tư vào công nghiệp của các nước công nghiệp mới ở châu Á, Trung và Nam Mĩ.

Liên minh châu Âu là tổ chức thương mại hàng đầu trên thế giới, chiếm tỉ trọng 40% hoạt động ngoại thương của thế giới.

- Quan sát hình 60.3, nêu một vài nét về hoạt động thương mại của Liên minh châu Âu.

Nhờ đội ngũ đông đảo người lao động có trình độ văn hoá cao, tay nghề thành thạo và nền khoa học tiên tiến, Liên minh châu Âu là khu vực kinh tế lớn của thế giới. Liên minh châu Âu không ngừng mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội với các nước và các tổ chức kinh tế trên thế giới.

Hình 60.3 - Các trung tâm thương mại lớn trên thế giới

Liên minh châu Âu được mở rộng từng bước qua nhiều giai đoạn, đến năm 1995 đã gồm 15 thành viên và đang có xu hướng tăng thêm.

Liên minh châu Âu là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực hiện nay trên thế giới, là tổ chức thương mại hàng đầu trên thế giới.

Liên minh châu Âu không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức kinh tế trên toàn cầu.

Câu hỏi và bài tập

1. Xác định ranh giới của Liên minh châu Âu trên bản đồ hành chính - chính trị châu Âu.
2. Tại sao nói Liên minh châu Âu là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực hiện nay trên thế giới ?
3. Hãy tính toán để hoàn thành bảng số liệu sau đây :

LIÊN MINH CHÂU ÂU (năm 2001)

Diện tích (km^2)	Dân số (triệu người)	Mật độ dân số (người/km^2)	GDP (tỉ USD)	GDP bình quân đầu người (USD/người)
3243600	378	?	7885	?

Bài 61 : THỰC HÀNH

ĐỌC LƯỢC ĐỒ, VẼ BIỂU ĐỒ CƠ CẤU KINH TẾ CHÂU ÂU

1. Xác định vị trí một số quốc gia trên lược đồ

Hình 61.1 - Lược đồ các nước châu Âu

- Quan sát hình 61.1, hãy :

+ Nêu tên và xác định vị trí của một số quốc gia thuộc các khu vực Bắc Âu, Tây và Trung Âu, Nam Âu, Đông Âu.

+ Xác định vị trí các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.

2. Vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế

- Xác định vị trí các nước Pháp và U-crai-na trên bản đồ. Hai nước này thuộc các khu vực nào ở châu Âu ?

- Dựa vào bảng số liệu để vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế của Pháp và U-crai-na (năm 2000).

- Qua biểu đồ, nhận xét về trình độ phát triển kinh tế của Pháp và U-crai-na.

Tên nước	Tỉ trọng của ba khu vực kinh tế trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) (%)		
	Nông, lâm và ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Pháp	3,0	26,1	70,9
U-crai-na	14,0	38,5	47,5

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

B

Bão tuyết : hiện tượng bão kèm theo mưa tuyết, gió thổi với tốc độ lên tới 200km/giờ, có thể làm nhiệt độ hạ thấp đến - 40^{O}C.

Băng hà lục địa : lớp băng cứng và dày (từ hàng trăm đến hàng nghìn mét) bao phủ một diện tích rộng lớn trên các đảo, các lãnh thổ ở vùng Bắc cực và Nam cực.

Băng sơn (núi băng) : khối băng lớn như núi, tách ra từ rìa khiên băng hoặc các vách băng, trôi trên biển có khi cả năm trời chưa tan hết.

Băng trôi : mảng băng đóng trên mặt biển băng, bị vỡ ra vào mùa hạ và trôi trên biển.

C

Cách mạng xanh : cách mạng kĩ thuật trong nông nghiệp ở một số nước đang phát triển, thực hiện bằng gieo trồng giống mới, thâm canh và áp dụng những kĩ thuật nông nghiệp tiên tiến.

Cảnh quan công nghiệp hoá : cảnh quan nhân tạo, được hình thành bởi quá trình phát triển công nghiệp.

Cây công nghiệp : các loài cây trồng cung cấp các sản phẩm dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp như ca cao, cao su...

Chà là : loài cây thuộc họ cọ, có quả mọc thành chùm, vị ngọt, ăn được.

Chất mùn : hợp chất hữu cơ có màu đen, được hình thành trong quá trình phân giải xác các động, thực vật dưới tác động của vi sinh vật.

Chủng tộc : tập hợp người có những đặc điểm hình thái bên ngoài giống nhau, di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, như : màu da, tóc, mắt, mũi...

Chuyên canh : trồng chuyên một loại cây trên một diện tích, là một hình thức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp.

Công nghệ : các phương pháp, biện pháp kĩ thuật khai thác, gia công, chế biến nguyên vật liệu để tạo thành các sản phẩm công nghiệp.

D

Dân số : tổng số dân sinh sống trên một lãnh thổ nhất định, được tính ở một thời điểm cụ thể.

Di dân (hay chuyển cư) : di chuyển dân cư trong nước (từ nông thôn ra thành thị và ngược lại, hoặc từ vùng này sang vùng khác) và từ nước này sang nước khác.

Dịch vụ : những hoạt động phục vụ nhằm thoả mãn những nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

Du mục : lối sống của cư dân chăn nuôi, di chuyển từ nơi này đến nơi khác nhằm tìm đồng cỏ mới để nuôi đàn gia súc.

Đ

Đá ong : loại đá màu đỏ nâu, nhiều khi có cấu tạo kiểu tổ ong, trong đó vách của các lỗ tổ ong chủ yếu là sắt ôxit và nhôm ôxit, khoảng giữa có sét hoặc di tích đất còn sót.

Đá ong hoá : quá trình phong hoá ở vùng nhiệt đới ẩm làm biến đổi đất thành đá ong.

Đài nguyên (đồng rêu) : cảnh quan ở những vùng gần cực. Thực vật chủ yếu là rêu, địa y, cây bụi.

Đất phèn : đất ở nơi trũng, khó thoát nước. Do xác sú, vẹt, đước tích luỹ ở dạng H_2S gặp sắt, nhôm và bị ôxi hoá tạo ra phèn, khiến đất chua.

Đất feralit : đất phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi nhiệt đới, phổ biến màu đỏ vàng do tích luỹ sắt, nhôm.

Đô thị hoá : quá trình biến đổi về phân bố các lực lượng sản xuất, bố trí dân cư, những vùng không phải đô thị thành đô thị.

Độ tuổi lao động : lứa tuổi có khả năng lao động, do Nhà nước quy định, được thống kê để tính ra nguồn lao động.

F

Fio : vịnh biển hẹp, hai bên có vách đá dốc, ăn sâu vào đất liền, được hình thành trong những vùng trước đây có băng hà bao phủ.

G

Gia tăng dân số : quá trình phát triển số dân trên một lãnh thổ, một quốc gia hoặc trên toàn thế giới, trong một thời gian nhất định.

Gió mùa : chế độ gió quy mô lớn, thổi trên nhiều vùng rộng lớn của bề mặt Trái Đất, với sự thay đổi hướng ngược chiều hoặc gần như ngược chiều nhau theo mùa.

H

Hải cảng : cảng ở bờ biển, dùng cho tàu thuyền ra vào.

Hạn hán : trạng thái thiếu hụt lượng nước so với giá trị trung bình trong thời gian dài, làm cho độ ẩm của đất và không khí giảm đi nhiều, ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển bình thường của cây trồng, gây tình trạng khô hạn.

Hiệu ứng nhà kính : hiện tượng xảy ra trong khí quyển khi ánh sáng Mặt Trời đi qua khí quyển dễ dàng và được bề mặt Trái Đất hấp thụ, nhưng bức xạ nhiệt của bề mặt Trái Đất vào vũ trụ lại bị khí quyển hấp thụ, không cho thoát ra ngoài.

Hoang mạc : vùng có khí hậu rất khô với những loài thực vật chịu hạn cao hoặc thực vật ưa khô hạn mọc rải rác.

Hoang mạc hoá : quá trình và hiện tượng đất trở thành khô cằn, cây cỏ tự nhiên không mọc lại được, cây trồng không trồng lại được.

Hồi giáo : một trong ba tôn giáo có phạm vi thế giới, do Mô-ham-met sáng lập ở phía tây Á Rập đầu thế kỉ VII.

K

Khai hoang : phá bỏ các cây mọc tự nhiên trên một khu đất bỏ hoang, biến khu đất này thành khu đất nông nghiệp.

Khu công nghiệp : khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.

Khủng hoảng kinh tế : tình trạng khó khăn về kinh tế, xảy ra do sự cân bằng giữa sản xuất và tiêu thụ bị phá vỡ.

L

Lũ : hiện tượng nước sông, suối dâng cao đột ngột và tràn ngập ở vùng đầu nguồn.

Lụt : hiện tượng nước trong lòng sông tràn ra khỏi bờ, làm ngập một diện tích đất đai, đồng ruộng, làng mạc rộng lớn trong những thời kì nước to hoặc lũ.

M

Mật độ dân số : số cư dân trung bình sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị : người/km^2).

Môi trường : tổng hợp tất cả các yếu tố tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, động vật, thực vật, đất đai...) và các yếu tố nhân tạo (nhà cửa, đồng ruộng, nhà máy...) có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

N

Năng suất nông nghiệp : khối lượng sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích.

Nguyên liệu : sản phẩm thô do các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng làm ra để tiếp tục được chế biến trong các ngành công nghiệp khác.

Nhiên liệu : chất đốt tạo ra nhiệt năng.

Nông nghiệp cổ truyền : nền nông nghiệp đã có từ lâu đời.

Nông nghiệp hiện đại : nền nông nghiệp hàng hoá, sử dụng nhiều máy móc, phân bón, tổ chức sản xuất theo quy mô lớn và kết hợp chặt chẽ với công nghiệp chế biến.

Ô

Ốc đảo : nơi có nguồn nước ngọt và các điều kiện thích hợp với sự sinh sống của các sinh vật cũng như con người trong các hoang mạc.

Ôliu : một loài cây thân gỗ, mọc ở vùng Địa Trung Hải ; hạt dùng để ép lấy dầu ăn, gọi là dầu ôliu.

P

Pam-pa : đồng cỏ ở Nam Mĩ, hình thành trong điều kiện khí hậu ôn đới nóng, có mưa nhiều vào mùa hạ.

Q

Quảng canh : hình thức canh tác trên những diện tích đất đai rộng lớn nhưng năng suất và sản lượng đều thấp, không tương xứng với diện tích gieo trồng.

Quần cư : dân cư sống quây tụ lại ở một nơi, một vùng.

Quần đảo : nhóm gồm nhiều đảo lớn, nhỏ nằm gần nhau, có quan hệ với nhau về mặt phát sinh và cùng mang một tên chung.

R

Rừng đầu nguồn : rừng ở thượng lưu các con sông, có tác dụng giữ nước, điều hoà nguồn nước sông.

Rừng hỗn giao : rừng của môi trường ôn đới, vừa có cây lá rộng, vừa có cây lá kim.

Rừng lá kim - rừng taiga : rừng của môi trường ôn đới lạnh, gồm các cây có lá hình kim, xanh quanh năm (như thông, tùng, bách...).

Rừng lá rộng : rừng của môi trường ôn đới gồm các cây có lá rộng bản (như sồi, dẻ, phong...), rụng lá về mùa đông.

Rừng ngập mặn : rừng ở các miền ven biển nhiệt đới, trên những khu vực đất phù sa ngập nước thuỷ triều.

Rừng rậm xanh quanh năm : rừng của môi trường xích đạo, có nhiều tầng cây, nhiều loài cây mọc rậm rạp, xanh tốt quanh năm.

S

Sơn nguyên : khu vực núi rộng lớn, tương đối bằng phẳng, trong đó có các dãy núi xen lẫn cao nguyên.

T

Thảo nguyên : đồng cỏ vùng ôn đới, có khí hậu hanh khô, ít mưa.

Thâm canh : biện pháp trồng trọt nhằm đạt năng suất cao bằng việc áp dụng kĩ thuật, đầu tư lớn trên diện tích đã sử dụng.

Thị trường : nơi trao đổi hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ giữa người bán và người mua.

Tỉ lệ sinh : tỉ số tính bằng ‰ giữa số trẻ em sinh ra trong một thời gian nhất định (một năm) với số dân trung bình trong cùng thời gian.

Tỉ lệ tử : tỉ số tính bằng ‰ giữa số người chết trong một thời gian nhất định (một năm) với số dân trung bình trong cùng thời gian.

MỤC LỤC

Trang *Trang*

Phần một

THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

Bài 1 : Dân số 3

Bài 2 : Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới 7

Bài 3 : Quần cư. Đô thị hoá 10

Bài 4 : Thực hành : Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi 13

Phần hai

CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ

Chương I - MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI NÓNG

Bài 5 : Đới nóng. Môi trường xích đạo ẩm 15

Bài 6 : Môi trường nhiệt đới 20

Bài 7 : Môi trường nhiệt đới gió mùa 23

Bài 8 : Các hình thức canh tác trong nông nghiệp ở đới nóng 26

Bài 9 : Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở đới nóng 30

Bài 10 : Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng 33

Bài 11 : Di dân và sự bùng nổ đô thị ở đới nóng 36

Bài 12 : Thực hành : Nhận biết đặc điểm môi trường đới nóng 39

Chương II - MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI ÔN HOÀ

Bài 13 : Môi trường đới ôn hoà 42

Bài 14 : Hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hoà 46

Bài 15 : Hoạt động công nghiệp ở đới ôn hoà 50

Bài 16 : Đô thị hoá ở đới ôn hoà 53

Bài 17 : Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà 56

Bài 18 : Thực hành : Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hoà 59

Chương III - MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC

Bài 19 : Môi trường hoang mạc 61

Bài 20 : Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc 64

Chương IV - MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI LẠNH

Bài 21 : Môi trường đới lạnh 67

Bài 22 : Hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh 71

Chương V - MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở VÙNG NÚI

Bài 23 : Môi trường vùng núi 74

Bài 24 : Hoạt động kinh tế của con người ở vùng núi 77

Phần ba

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC

Bài 25 : Thế giới rộng lớn và đa dạng 79

Chương VI - CHÂU PHI

Bài 26 : Thiên nhiên châu Phi 82

Bài 27 : Thiên nhiên châu Phi (Tiếp theo) 85

Bài 28 : Thực hành : Phân tích lược đồ phân bố các môi trường tự nhiên, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở châu Phi 88

Bài 29 : Dân cư, xã hội châu Phi 89

Bài 30 : Kinh tế châu Phi 93

Bài 31 : Kinh tế châu Phi (Tiếp theo) 97

Bài 32 : Các khu vực châu Phi 100

Bài 33 : Các khu vực châu Phi (Tiếp theo) 105

Bài 34 : Thực hành : So sánh nền kinh tế của ba khu vực châu Phi 107

Chương VII - CHÂU MĨ

Bài 35 : Khái quát châu Mĩ 109

Bài 36 : Thiên nhiên Bắc Mĩ 113

Bài 37 : Dân cư Bắc Mĩ 116

Bài 38 : Kinh tế Bắc Mĩ 119

Bài 39 : Kinh tế Bắc Mĩ (Tiếp theo) 122

Bài 40 : Thực hành : Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kì và vùng công nghiệp "Vành đai Mặt Trời" 125

Bài 41 : Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ 126

Bài 42 : Thiên nhiên Trung và Nam Mĩ (Tiếp theo) 128

Bài 43 : Dân cư, xã hội Trung và Nam Mĩ 131

Bài 44 : Kinh tế Trung và Nam Mĩ 134

Bài 45 : Kinh tế Trung và Nam Mĩ (Tiếp theo) 137

Bài 46 : Thực hành : Sự phân hoá của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy núi An-đet 139

Chương VIII - CHÂU NAM CỰC

Bài 47 : Châu Nam Cực - châu lục lạnh nhất thế giới 140

Chương IX - CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Bài 48 : Thiên nhiên châu Đại Dương 144

Bài 49 : Dân cư và kinh tế châu Đại Dương 147

Bài 50 : Thực hành : Viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của ô-xtrây-li-a 151

Chương X - CHÂU ÂU

Bài 51 : Thiên nhiên châu Âu 153

Bài 52 : Thiên nhiên châu Âu (Tiếp theo) 156

Bài 53 : Thực hành : Đọc, phân tích lược đồ, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa châu Âu 159

Bài 54 : Dân cư, xã hội châu Âu 160

Bài 55 : Kinh tế châu Âu 164

Bài 56 : Khu vực Bắc Âu 168

Bài 57 : Khu vực Tây và Trung Âu 172

Bài 58 : Khu vực Nam Âu 175

Bài 59 : Khu vực Đông Âu 178

Bài 60 : Liên minh châu Âu 181

Bài 61 : Thực hành : Đọc lược đồ, vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế châu Âu 184

Bảng tra cứu thuật ngữ 186